BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 33 /2026/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2026*

THÔNG TƯ

Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư về Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Ban hành kèm theo Thông tư này Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam (viết tắt là: KNLNNVN).

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục; các chương trình đào tạo ngoại ngữ, các cơ sở đào tạo ngoại ngữ và người học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Đa ngữ* là khả năng giao tiếp bằng nhiều ngoại ngữ với nhiều người dùng các thứ tiếng khác nhau.

2. *Đặc ngữ* là cụm từ mang nghĩa đặc biệt chỉ dùng trong các bối cảnh nhất định, thường mang sắc thái nghĩa mạnh hơn thành ngữ.

3. *Liên văn hóa* là kỹ năng giao tiếp thể hiện sự phù hợp và tinh tế trong tương tác với người thuộc nền văn hóa khác.

4. *Ngôn ngữ A* là ngôn ngữ mà người nói sử dụng trước, thường xuyên.

5. *Ngôn ngữ B* là ngôn ngữ mà người sử dụng như một ngoại ngữ.

6. *Ngôn ngữ đích* là ngôn ngữ người học đang tập trung luyện tập thành thạo, hoặc ngôn ngữ của văn bản dịch.

7. *Ngữ vực* là sắc thái giọng tùy bối cảnh xã hội (ví dụ như trang trọng, thân mật...)

8. *Phương ngữ* là thổ ngữ, là các biến thể của một ngôn ngữ toàn dân, được sử dụng phổ biến bởi cộng đồng người ở một vùng địa lý cụ thể hoặc nhóm xã hội nhất định.

9. *Thảo luận trực tuyến thời gian thực* là hoạt động trò chuyện qua các kênh mạng trực tuyến có tương tác trực tiếp.

Điều 3. Mục đích sử dụng Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam

1. Làm căn cứ thống nhất về yêu cầu năng lực cho tất cả các ngoại ngữ được giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Làm cơ sở để các cơ sở giáo dục, cơ quan, tổ chức nghiên cứu, tham khảo, vận dụng trong xây dựng chương trình, biên soạn hoặc lựa chọn giáo trình, sách giáo khoa, kế hoạch giảng dạy, kiểm tra, đánh giá năng lực ngoại ngữ ở từng cấp học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra bảo đảm sự liên thông trong đào tạo ngoại ngữ giữa các cấp học và trình độ đào tạo.

3. Làm cơ sở cho giáo viên, giảng viên lựa chọn và triển khai nội dung, cách thức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá, chuẩn đầu ra để người học đạt được yêu cầu của chương trình đào tạo.

4. Giúp người học hiểu được nội dung, yêu cầu đối với từng trình độ năng lực ngoại ngữ và tự đánh giá năng lực của mình.

5. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác, trao đổi giáo dục, công nhận văn bằng, chứng chỉ với các quốc gia ứng dụng Khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR).

6. Làm căn cứ để công nhận các cấp độ của chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam để sử dụng trong tuyển sinh, đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục xây dựng kế hoạch và triển khai Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

2. Các cơ sở giáo dục thực hiện quyền tự chủ về chuyên môn, học thuật xây dựng, phát triển chương trình giáo dục, theo đó, trên cơ sở các quy định của Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam để triển khai nghiên cứu, bổ sung, cập nhật chương trình, tài liệu học tập, tài liệu hướng dẫn và bảo đảm các điều kiện cần thiết

để triển khai theo các chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan quản lý cấp trên và theo các quy định pháp luật hiện hành.

3. Đối với các quốc gia có ngôn ngữ không thuộc hệ chữ latinh và đã ban hành khung năng lực ngôn ngữ riêng thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GDĐT về việc áp dụng và quy đổi tương đương với Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2026.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 ban hành Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Những chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá đang được triển khai theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 được tiếp tục sử dụng cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc các sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các đại học, học viện, Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Hội đồng QGGD và PTNL;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục KTVB và tổ chức THPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Như Điều 6;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục QLCL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phạm Ngọc Thưởng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ DÙNG CHO VIỆT NAM

(Kèm theo Thông tư số 33 /2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Mức độ tương thích giữa Khung năng lực ngoại ngữ dùng Việt Nam và Khung tham chiếu chung Châu Âu

KNLNNVN được phát triển trên cơ sở tham chiếu, ứng dụng CEFR và một số khung trình độ của các nước, kết hợp với tình hình và điều kiện thực tế dạy, học và sử dụng ngoại ngữ ở Việt Nam. KNLNNVN được chia làm 3 cấp (Sơ cấp, Trung cấp và Cao cấp). Cụ thể như sau:

KNLNNVN		CEFR
	Tiền Bậc 1	Pre A1
Sơ cấp	Bậc 1	A1
	Bậc 2	A2
Trung cấp	Bậc 3	B1
	Bậc 4	B2
Cao cấp	Bậc 5	C1
	Bậc 6	C2

II. Nội dung Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam

PHẦN 1: KỸ NĂNG NGHE HIỂU

1.1. Đặc tả tổng quát kỹ năng nghe hiểu

NGHE HIỂU TỔNG QUÁT	
BẬC 6	Có thể hiểu mọi loại hình ngôn ngữ khi nghe trực tiếp hoặc phát thanh có tốc độ bình thường.
BẬC 5	Có thể hiểu đủ để theo dõi những bài nói dài về những chủ đề phức tạp và trừu tượng nằm ngoài lĩnh vực chuyên môn của mình, song đôi lúc vẫn cần hỏi lại để nắm bắt thông tin chi tiết, đặc biệt khi nghe giọng không quen thuộc. Có thể nhận ra nhiều thành ngữ, khẩu ngữ và hiểu cách chuyển đổi ngữ vực.

	Có thể hiểu những bài nói dài ngay cả khi không được cấu trúc rõ ràng và mối quan hệ giữa các ý chỉ được ngầm hiểu, chứ không được thể hiện rõ.
BẬC 4	Có thể hiểu được ngôn ngữ nói chuẩn mực trong các bài nói trực tiếp hoặc phát thanh về các chủ đề thường gặp trong đời sống, xã hội, học thuật và nghề nghiệp. Năng lực nghe hiểu có thể bị ảnh hưởng trong môi trường tạp âm lớn, cấu trúc diễn ngôn không đầy đủ rõ ràng hoặc khi có thành ngữ.
	Có thể hiểu các ý chính của bài phát biểu có ngôn ngữ hoặc kiến thức phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng dùng ngôn ngữ chuẩn, bao gồm các cuộc thảo luận mang tính chuyên ngành trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Có thể hiểu các bài nói dài và các luồng tranh luận phức tạp miễn là chủ đề tương đối quen thuộc và hướng tranh luận được nêu rõ bằng các (cụm) từ nối rõ ràng.
BẬC 3	Có thể hiểu thông tin đơn giản thực tế về các chủ đề phổ biến hàng ngày hoặc về công việc, xác định được thông điệp chung cũng như chi tiết cụ thể nếu bài phát biểu được phát âm rõ ràng và có loại hình ngôn ngữ quen thuộc.
	Có thể hiểu những điểm chính của bài phát biểu mang ngôn ngữ tiêu chuẩn, rõ ràng về các vấn đề quen thuộc thường gặp trong công việc, trường học, giải trí, v.v., bao gồm cả những đoạn trần thuật ngắn.
BẬC 2	Có thể hiểu đủ để đáp ứng nhu cầu cụ thể với điều kiện lời nói được phát âm rõ ràng và chậm rãi.
	Có thể hiểu các cụm từ và cách diễn đạt liên quan đến các lĩnh vực cấp thiết (ví dụ: thông tin cá nhân và gia đình rất cơ bản, mua sắm, địa lý địa phương, việc làm), miễn là lời nói được phát âm rõ ràng và chậm rãi.
BẬC 1	Có thể hiểu lời nói nếu người nói phát âm rất chậm, cẩn thận và dừng lâu để hiểu được ý nghĩa. Có thể nhận ra thông tin cụ thể (ví dụ: địa điểm và thời gian) về các chủ đề quen thuộc gặp trong cuộc sống hàng ngày, nếu thông tin được truyền tải bằng lời nói chậm và rõ ràng.
Tiền Bậc 1	Có thể hiểu các câu hỏi và các phần trình bày rất ngắn và rất đơn giản nếu được truyền tải chậm và rõ ràng, có kèm theo hình ảnh hoặc cử chỉ để hỗ trợ việc hiểu và được lặp lại nếu cần thiết. Có thể nhận ra những từ ngữ/dấu hiệu quen thuộc nếu chúng được truyền đạt rõ ràng và chậm rãi trong một bối cảnh được xác định rõ ràng, quen thuộc hàng ngày.

	Có thể nhận ra các con số, giá cả, ngày trong tuần, được diễn đạt chậm và rõ ràng trong bối cảnh hàng ngày cụ thể và quen thuộc.

1.2. Nghe hiểu hội thoại giữa những người khác

NGHE HIỂU HỘI THOẠI GIỮA NHỮNG NGƯỜI KHÁC	
BẬC 6	Có thể xác định hàm ý văn hóa xã hội của hầu hết các phát ngôn được sử dụng trong các cuộc thảo luận đời thường diễn ra với tốc độ tự nhiên.
BẬC 5	Có thể dễ dàng hiểu các hội thoại phức tạp giữa các bên trong một cuộc thảo luận hoặc tranh luận nhóm, ngay cả về các chủ đề trừu tượng, phức tạp và không quen thuộc. Có thể biết thái độ của mỗi người nói trong một cuộc thảo luận sôi nổi với các lượt lời chồng chéo, đôi khi lạc đề và sử dụng ngôn ngữ đời thường, được nói với tốc độ tự nhiên bằng các phương ngữ quen thuộc.
BẬC 4	Có thể nghe hiểu một cuộc trò chuyện sôi nổi giữa những người nói ngôn ngữ đích thành thạo.
	Có thể cần cố gắng để hiểu phần lớn nội dung những điều nghe thấy xung quanh, nhưng có thể vẫn gặp khó khăn khi tham gia thảo luận tích cực với những người nói ngôn ngữ đích khi họ không điều chỉnh cách nói của mình. Có thể xác định các lý do chính ủng hộ hoặc phản bác một lập luận hoặc ý tưởng trong một cuộc thảo luận được tiến hành bằng ngôn ngữ chuẩn, rõ ràng hoặc phương ngữ quen thuộc. Có thể hiểu trình tự thời gian sự việc trong một diễn ngôn dài mang ngôn ngữ phổ thông, ví dụ: một câu chuyện hoặc một lời kể.
BẬC 3	Có thể theo dõi hầu hết cuộc trò chuyện và thảo luận hàng ngày được diễn đạt bằng ngôn ngữ chuẩn, rõ ràng hoặc được diễn đạt bằng phương ngữ quen thuộc.
	Có thể hiểu sơ lược những điểm chính của cuộc thảo luận dài, miễn là lời nói được phát âm rõ ràng và ngôn ngữ quen thuộc.
BẬC 2	Có thể biết sơ lược chủ đề của các cuộc thảo luận với điều kiện giọng nói chậm và rõ ràng. Có thể biết khi nào người nói đồng ý và không đồng ý trong một cuộc trò chuyện được tiến hành chậm và rõ ràng.
	Có thể hiểu dàn ý cơ bản của các cuộc trao đổi xã hội ngắn, đơn giản, được tiến hành rất chậm và rõ ràng.

BẬC 1	Có thể hiểu một số cách diễn đạt khi mọi người đang nói về bản thân, gia đình, trường học, sở thích hoặc môi trường xung quanh, nếu họ nói chậm và rõ ràng. Có thể hiểu các từ ngữ, biển báo và câu ngắn trong trò chuyện đơn giản (ví dụ: giữa khách hàng và nhân viên bán hàng trong cửa hàng), nếu mọi người nói rất chậm và rất rõ ràng.
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

1.3. Nghe với tư cách thính giả trực tiếp

NGHE VỚI TƯ CÁCH THÍNH GIẢ TRỰC TIẾP	
BẬC 6	Có thể theo dõi các bài giảng và thuyết trình chuyên ngành sử dụng nhiều thành ngữ/đặc ngữ, phương ngữ hoặc thuật ngữ không quen thuộc. Có thể suy luận phù hợp khi các người nói không nêu rõ ý liên kết hoặc hàm ý. Có thể hiểu ý nghĩa của chuyện cười và các phép ẩn dụ trong các bài thuyết trình.
BẬC 5	Có thể hiểu hầu hết các bài giảng, cuộc thảo luận và tranh luận một cách tương đối dễ dàng.
BẬC 4	Có thể hiểu các điểm chính của các bài giảng, bài nói chuyện, bài báo cáo và các hình thức trình bày kiến thức học thuật/chuyên môn có nội hàm và ngôn ngữ phức tạp. Có thể hiểu quan điểm của người nói về các chủ đề đang quan tâm hoặc liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của họ, nếu bài nói chuyện được truyền đạt bằng ngôn ngữ tiêu chuẩn hoặc phương ngữ quen thuộc.
	Có thể hiểu các dòng lập luận phức tạp trong một bài giảng rõ ràng nếu chủ đề tương đối quen thuộc. Có thể phân biệt chủ đề chính với nội dung ngoài lề, nếu bài giảng hoặc bài nói chuyện được diễn đạt bằng ngôn ngữ chuẩn hoặc phương ngữ quen thuộc. Có thể nhận ra quan điểm của người nói và phân biệt quan điểm với các sự kiện họ đang báo cáo.
BẬC 3	Có thể hiểu một bài giảng hoặc nói chuyện trong lĩnh vực riêng của mình, nếu chủ đề quen thuộc và bài thuyết trình đơn giản, có cấu trúc rõ ràng.

	Có thể phân biệt ý chính và ý phụ trong các bài giảng có ngôn ngữ chuẩn về các chủ đề quen thuộc, nếu giọng đọc chuẩn hoặc là phương ngữ quen thuộc.
	Có thể hiểu ý chính của các cuộc nói chuyện ngắn và đơn giản về các chủ đề quen thuộc dùng ngôn ngữ chuẩn hoặc phương ngữ quen thuộc. Có thể hiểu một bài thuyết trình hoặc báo cáo hội nghị đơn giản có hỗ trợ hình ảnh (ví dụ: slide, tài liệu phát tay) về một chủ đề hoặc sản phẩm trong lĩnh vực của mình và hiểu lời giải thích. Có thể hiểu những điểm chính của một đoạn độc thoại được kể rõ ràng, ví dụ hướng dẫn khi thăm quan, nếu được diễn đạt rõ ràng và tương đối chậm.
BẬC 2	Có thể hiểu hướng dẫn được nói rõ ràng hoặc nghe hiểu thuyết trình đơn giản về một chủ đề quen thuộc hoặc dự đoán được, trong đó thông điệp được thể hiện chậm, rõ ràng bằng ngôn ngữ đơn giản và có hỗ trợ trực quan (ví dụ: slide, tài liệu đi kèm, v.v.).
	Có thể nghe hiểu một bài thuyết trình hoặc làm theo hướng dẫn rất đơn giản, có cấu trúc tốt, được minh họa bằng các trang trình chiếu (slide), ví dụ hoặc sơ đồ cụ thể, được nói chậm, rõ ràng có sự lặp lại và chủ đề quen thuộc. Có thể hiểu được dàn ý thông tin đơn giản được đưa ra trong một tình huống dễ đoán, chẳng hạn như trong một chuyến tham quan có hướng dẫn (ví dụ: "Đây là nơi Tổng thống ở").
BẬC 1	Có thể hiểu dàn ý thông tin rất đơn giản được giải thích trong một tình huống dễ đoán như một chuyến tham quan có hướng dẫn, miễn là lời nói rất chậm, rõ ràng và đôi chỗ có những khoảng dừng dài.
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

1.4. Nghe thông báo, hướng dẫn, chỉ dẫn

NGHE THÔNG BÁO VÀ CHỈ DẪN	
BẬC 6	*Áp dụng đặc tả như Bậc 5.*
BẬC 5	Có thể trích xuất được các thông tin cụ thể từ các thông báo công cộng với âm thanh có nhiễu hoặc chất lượng kém như ở nhà ga, sân vận động, v.v., hoặc một bản ghi âm cũ. Có thể hiểu các thông tin kỹ thuật phức tạp như hướng dẫn vận hành, quy cách kĩ thuật của các sản phẩm và dịch vụ quen thuộc.

BẬC 4	Có thể hiểu các thông báo và thông điệp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng được trình bày bằng ngôn ngữ chuẩn hoặc phương ngữ quen thuộc với tốc độ bình thường. Có thể hiểu rõ các hướng dẫn chi tiết để có thể thực hiện theo.
BẬC 3	Có thể hiểu thông tin kỹ thuật đơn giản, chẳng hạn như hướng dẫn vận hành cho thiết bị hàng ngày. Có thể làm theo hướng dẫn chi tiết. Có thể hiểu các thông báo công cộng tại sân bay, nhà ga, trên máy bay, xe buýt và xe lửa, miễn là được phát thanh rõ ràng và có ít tạp âm.
BẬC 2	Có thể hiểu và làm theo một loạt các hướng dẫn cho các hoạt động hàng ngày quen thuộc như thể thao, nấu ăn, v.v., được diễn đạt chậm và rõ ràng. Có thể hiểu các thông báo đơn giản (ví dụ: ghi âm điện thoại hoặc thông báo trên radio về chương trình chiếu phim hoặc sự kiện thể thao, thông báo hoãn giờ tàu hoặc tin nhắn được thông báo bằng loa trong siêu thị), miễn là được diễn đạt chậm và rõ ràng.
	Có thể nắm bắt điểm chính trong các thông điệp và thông báo ngắn gọn, rõ ràng, đơn giản. Có thể hiểu các hướng dẫn đơn giản liên quan đến cách đi từ X đến Y, bằng cách đi bộ hoặc phương tiện giao thông công cộng. Có thể hiểu các hướng dẫn cơ bản về thời gian, ngày tháng và số, v.v., và về các nhiệm vụ và công việc thường ngày sẽ được thực hiện.
BẬC 1	Có thể hiểu các hướng dẫn được nói cẩn thận, chậm rãi và làm theo các hướng dẫn ngắn đơn giản, ngắn gọn. Có thể hiểu các chỉ dẫn đơn giản như cái gì đang ở đâu, miễn là đối tượng đang ở trong tình huống và được nói với tốc độ chậm, rõ ràng. Có thể hiểu các thông báo về con số, giá cả và thời gian được diễn đạt chậm và rõ ràng trong một thông báo bằng loa, ví dụ như tại nhà ga hoặc trong cửa hàng.
Tiền Bậc 1	Có thể hiểu các hướng dẫn ngắn gọn, đơn giản cho các hành động như "Dừng lại", "Đóng cửa", v.v., được trao đổi trực tiếp, kèm theo hình ảnh hoặc cử chỉ và lặp lại nếu cần.

1.5. Nghe các phương tiện truyền thông

NGHE CÁC PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG	
BẬC 6	*Áp dụng đặc tả như Bậc 5*

BẬC 5	Có thể nghe hiểu hầu hết các nội dung ghi âm hoặc phát thanh một cách dễ dàng, kể cả những chương trình có nhiều nội dung văn hóa.
BẬC 4	Có thể hiểu được nội dung ghi âm có sử dụng ngôn ngữ chuẩn mực thường gặp trong môi trường học thuật hoặc môi trường chuyên nghiệp. Có thể nắm bắt được các quan điểm, thái độ và nội hàm thông tin.
	Có thể hiểu hầu hết các phim tài liệu và hầu hết các tài liệu âm thanh được ghi lại hoặc phát sóng khác được truyền tải dưới dạng ngôn ngữ tiêu chuẩn và có thể xác định tâm trạng, thái độ của người nói, v.v.
BẬC 3	Có thể hiểu nội dung thông tin của phần lớn các chương trình phát thanh và truyền hình về các chủ đề cá nhân quan tâm, được truyền đạt với ngôn ngữ chuẩn mực.
	Có thể hiểu những điểm chính của bản tin và tài liệu được ghi lại đơn giản hơn về các chủ đề quen thuộc được truyền tải tương đối chậm và rõ ràng. Có thể hiểu những điểm chính và chi tiết quan trọng trong các câu chuyện và các dạng trần thuật khác (ví dụ: mô tả về một kỳ nghỉ), miễn là được nói chậm và rõ ràng.
BẬC 2	Có thể hiểu thông tin quan trọng nhất có trong quảng cáo ngắn liên quan đến hàng hóa và dịch vụ mình quan tâm (ví dụ: đĩa CD, trò chơi điện tử, du lịch, v.v.). Có thể hiểu những gì người được phỏng vấn nói họ làm trong thời gian rảnh, những gì họ đặc biệt thích làm và những gì họ không thích làm, miễn là họ nói chậm và rõ ràng.
	Có thể hiểu và trích xuất các thông tin cần thiết từ các đoạn văn ngắn, được ghi lại liên quan đến các vấn đề hàng ngày được truyền tải chậm và rõ ràng. Có thể trích xuất thông tin quan trọng từ các chương trình phát thanh ngắn, như dự báo thời tiết, thông báo buổi hòa nhạc hoặc kết quả thể thao, miễn là lời nói được truyền tải rõ ràng. Có thể hiểu những điểm quan trọng của một câu chuyện và theo dõi cốt truyện, miễn là câu chuyện được kể chậm và rõ ràng.
BẬC 1	Có thể chọn ra thông tin cụ thể (ví dụ: địa điểm và thời gian) từ các bản ghi âm ngắn về các chủ đề quen thuộc hàng ngày, được diễn đạt rất chậm và rõ ràng.
Tiền Bậc 1	Có thể nhận ra các từ, tên và số quen thuộc trong các bản ghi âm ngắn, đơn giản, được diễn đạt rất chậm và rõ ràng.

1.6. Xem vô tuyến, phim và video

XEM VÔ TUYẾN, PHIM VÀ VIDEO	
BẬC 6	*Áp dụng đặc tả như Bậc 5*
BẬC 5	Có thể theo dõi các bộ phim sử dụng tương đối nhiều tiếng lóng và thành ngữ. Có thể hiểu chi tiết các lập luận được trình bày trong các chương trình truyền hình khó như các chương trình thời sự, phỏng vấn, chương trình thảo luận và trò chuyện. Có thể hiểu các sắc thái và hàm ý trong hầu hết các bộ phim, vở kịch và chương trình truyền hình được diễn đạt bằng ngôn ngữ tiêu chuẩn.
BẬC 4	Có thể trích xuất những điểm chính từ các lập luận và thảo luận trong các chương trình tin tức và thời sự.
	Có thể hiểu hầu hết các tin tức truyền hình và các chương trình thời sự. Có thể hiểu phim tài liệu, phỏng vấn trực tiếp, chương trình trò chuyện, vở kịch và phần lớn các bộ phim có ngôn ngữ tiêu chuẩn.
BẬC 3	Có thể hiểu phần lớn nội dung của nhiều chương trình truyền hình về các chủ đề quen thuộc được quan tâm như phỏng vấn, bài giảng ngắn và bản tin thời sự, được truyền tải tương đối chậm và rõ ràng.
	Có thể theo dõi nhiều bộ phim mà nội dung chủ yếu được thể hiện qua hình ảnh, hành động và được thể hiện bằng ngôn ngữ rõ ràng, đơn giản. Có thể nắm bắt được những điểm chính trong các chương trình truyền hình về các chủ đề quen thuộc khi được truyền tải tương đối chậm và rõ ràng.
BẬC 2	Có thể xác định điểm chính của các mục tin tức truyền hình về các sự kiện, tai nạn, v.v. khi có hình ảnh hỗ trợ bình luận. Có thể theo dõi một quảng cáo truyền hình hoặc một đoạn giới thiệu cho một cảnh từ một bộ phim, hiểu những gì các diễn viên đang nói, với điều kiện có hình ảnh giúp hiểu và người nói diễn đạt rõ ràng, tương đối chậm.
	Có thể theo dõi những thay đổi về chủ đề của các mục tin tức truyền hình thực tế và hình thành ý tưởng về nội dung chính.
BẬC 1	Có thể nhận ra các từ, cụm từ quen thuộc và xác định các chủ đề trong mục điểm tin và nhiều sản phẩm trong quảng cáo, bằng cách khai thác thông tin trực quan và kiến thức chung.
Tiền Bậc 1	Có thể xác định chủ đề tài liệu dạng video dựa trên thông tin hình ảnh và kiến thức sẵn có.

1.7. Chiến lược nghe hiểu

NHẬN DIỆN Ý VÀ SUY LUẬN (VĂN BẢN NGHE)	
BẬC 6	*Áp dụng đặc tả như Bậc 5.*
BẬC 5	Sử dụng thành thạo các dấu hiệu nhận biết về ngữ cảnh, ngữ pháp và từ vựng để suy ra thái độ, tâm trạng, ý định và dự đoán những gì sẽ xảy ra tiếp theo.
BẬC 4	Có thể sử dụng nhiều chiến lược khác nhau để nghe hiểu, bao gồm nghe lấy ý chính; kiểm tra lại khả năng hiểu bằng cách sử dụng các gợi ý theo ngữ cảnh.
BẬC 3	Có thể sử dụng các chi tiết liên kết khác nhau (số, thời gian, logic) và vai trò của các đoạn nghe chính để hiểu rõ hơn về lập luận trong văn bản nghe. Có thể phỏng đoán ý nghĩa của một phần văn bản bằng việc xem xét toàn bộ văn bản. Có thể suy luận ra nghĩa của các từ không quen thuộc trong ngữ cảnh thuộc các chủ đề liên quan đến lĩnh vực và sở thích của mình. Đôi khi có thể suy ra/phỏng đoán ý nghĩa của các từ chưa biết từ ngữ cảnh và suy ra ý nghĩa câu miễn là chủ đề quen thuộc.
	Có thể suy luận về nội dung văn bản từ tiêu đề, tựa đề hoặc đề mục. Có thể xem hoặc nghe một đoạn trần thuật ngắn và dự đoán những gì sẽ xảy ra tiếp theo. Có thể theo dõi mạch lập luận hoặc diễn tiến sự kiện trong một câu chuyện, bằng cách dựa vào các từ nối logic quen thuộc như "tuy nhiên", "bởi vì" và các từ nối chỉ trình tự thời gian như "sau đó", "trước đó". Có thể phỏng đoán ý nghĩa tương đối của các từ chưa biết trong một văn bản bằng cách xác định cấu thành của chúng (ví dụ: xác định gốc từ, các yếu tố từ vựng, hậu tố và tiền tố).
BẬC 2	Có thể hình dung ý nghĩa tổng thể của các đoạn nghe ngắn và lời nói về các chủ đề hàng ngày cụ thể để hiểu nghĩa tương đối của các từ chưa biết bằng cách sử dụng ngữ cảnh. Có thể sử dụng kiến thức nền của bản thân về các từ đã biết để suy luận ý nghĩa của các từ không quen thuộc trong các cụm từ cố định ngắn được sử dụng trong bối cảnh hàng ngày.
	Có thể khai thác con số, ngày tháng, tên, tên riêng, v.v. để xác định chủ đề của văn bản nghe.

	Có thể suy ra ý nghĩa và chức năng của các cách diễn đạt cố định mà mình chưa biết từ vị trí của chúng trong một văn bản nghe.
BẬC 1	Có thể suy ra ý nghĩa của một từ chưa biết cho một hành động hoặc đối tượng cụ thể, miễn là các câu nghe trước hoặc sau rất đơn giản và về một chủ đề quen thuộc hàng ngày.
	Có thể đoán nghĩa tương đối từ mới từ một hình ảnh hoặc biểu tượng tương đồng với ngôn ngữ thường dùng.
Tiền Bậc 1	Có thể suy ra nghĩa của một từ dựa vào hình ảnh hoặc biểu tượng đi kèm.

PHẦN 2: KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU

2.1. Đặc tả tổng quát kỹ năng đọc hiểu

ĐỌC HIỂU TỔNG QUÁT	
BẬC 6	Có thể hiểu hầu như tất cả các dạng của ngôn ngữ viết bao gồm các tác phẩm văn học và phi văn học trừu tượng, có cấu trúc phức tạp hoặc cách diễn văn đời thường. Có thể hiểu một loạt các văn bản dài và phức tạp, đánh giá được sự khác biệt tinh tế của phong cách và ý nghĩa ngầm cũng như ý nghĩa được thể hiện rõ ràng.
BẬC 5	Có thể hiểu chi tiết các văn bản dài, phức tạp, cho dù chúng có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của mình hay không, miễn là có thể đọc lại các phần khó. Có thể hiểu nhiều loại văn bản bao gồm các tác phẩm văn học, bài báo hoặc tạp chí và các ấn phẩm học thuật hoặc chuyên ngành, nếu được đọc kỹ và có từ điển hoặc công cụ tra cứu khi cần.
BẬC 4	Nhìn chung có thể tự đọc, điều chỉnh phong cách và tốc độ đọc theo các văn bản và mục đích khác nhau, và sử dụng các nguồn tham khảo thích hợp một cách có chọn lọc. Có thể sử dụng lượng lớn vốn từ vựng đọc, nhưng có thể gặp một số khó khăn với các thành ngữ ít gặp.
BẬC 3	Có thể đọc các văn bản thực tế đơn giản về các chủ đề liên quan đến lĩnh vực và sở thích của mình với mức độ hiểu vừa đủ.
BẬC 2	Có thể hiểu các văn bản ngắn, đơn giản về các vấn đề quen thuộc, cụ thể bao gồm các vấn đề thường xảy ra hàng ngày hoặc ngôn ngữ liên quan đến công việc.
	Có thể hiểu các văn bản ngắn, đơn giản với những từ thông dụng, trong

	đó có một số từ quốc tế phổ biến.
BẬC 1	Có thể hiểu những văn bản rất ngắn và đơn giản, đọc từng cụm từ một, nhận biết được tên riêng, từ và cụm từ cơ bản quen thuộc và có thể đọc lại khi cần.
Tiền Bậc 1	Có thể nhận ra các từ quen thuộc kèm theo hình ảnh, chẳng hạn như thực đơn nhà hàng đồ ăn nhanh được minh họa bằng ảnh hoặc sách ảnh sử dụng từ vựng quen thuộc.

2.2. Đọc thư từ

ĐỌC THƯ TỪ	
BẬC 6	Có thể hiểu được thư từ hoặc văn bản trao đổi chính thức mang tính chuyên môn về các chủ đề phức tạp.
BẬC 5	Có thể hiểu bất kỳ loại thư từ nào, tuy nhiên thỉnh thoảng cần sử dụng từ điển. Có thể hiểu thái độ, cảm xúc và ý kiến ngầm cũng như rõ ràng được thể hiện trong thư điện tử, diễn đàn thảo luận, blog, v.v., miễn là có cơ hội đọc lại và có quyền truy cập vào các công cụ tham khảo. Có thể hiểu tiếng lóng, thành ngữ và lời nói đùa trong thư từ cá nhân.
BẬC 4	Có thể đọc thư từ liên quan đến lĩnh vực quan tâm và dễ dàng nắm bắt ý nghĩa thiết yếu. Có thể hiểu nội dung thư điện tử cá nhân hoặc bài đăng ngay cả khi có dùng tiếng lóng.
BẬC 3	Có thể hiểu rõ được thư từ trang trọng về các chủ đề ít quen thuộc hơn đủ tốt để chuyển thư đến người xử lý.
	Có thể hiểu rõ các mô tả sự kiện, cảm xúc và mong muốn trong thư cá nhân để tương tác thường xuyên. Có thể hiểu các bức thư, thư điện tử hoặc bài đăng cá nhân đơn giản mô tả tương đối chi tiết về các sự kiện và trải nghiệm. Có thể hiểu nội dung thư từ chính thức và các bài đăng trực tuyến trong lĩnh vực chuyên môn của bản thân.
BẬC 2	Có thể hiểu một lá thư, thư điện tử hoặc bài đăng cá nhân đơn giản trong đó người viết đang nói về các chủ đề quen thuộc (chẳng hạn như bạn bè hoặc gia đình) hoặc đặt câu hỏi về các chủ đề này. Có thể hiểu các loại thư và fax cơ bản trong liên lạc thường ngày (ví dụ:

	yêu cầu, đơn đặt hàng, thư xác nhận, v.v.) về các chủ đề quen thuộc.
	Có thể hiểu các thư từ cá nhân ngắn, đơn giản. Có thể hiểu các thư điện tử và thư trang trọng rất đơn giản (ví dụ: xác nhận đặt phòng hoặc mua hàng trực tuyến).
BẬC 1	Có thể hiểu những thông điệp ngắn gọn, đơn giản trên bưu thiếp. Có thể hiểu các tin nhắn ngắn, đơn giản được gửi qua mạng xã hội hoặc thư điện tử (ví dụ: đề xuất phải làm gì, khi nào và ở đâu để gặp gỡ).
Tiền Bậc 1	Có thể hiểu các thông tin trong thư, thiệp hoặc thư điện tử về sự kiện mà mình được mời và thông tin được cung cấp về ngày, giờ và địa điểm. Có thể nhận ra thời gian và địa điểm trong các ghi chú và tin nhắn văn bản rất đơn giản từ bạn bè hoặc đồng nghiệp (ví dụ: "Quay lại lúc 4 giờ" hoặc "Trong phòng họp") miễn là không có chữ viết tắt.

2.3. Đọc định hướng

ĐỌC ĐỊNH HƯỚNG	
BẬC 6	*Áp dụng đặc tả như Bậc 4.*
BẬC 5	*Áp dụng đặc tả như Bậc 4.*
BẬC 4	Có thể đọc lướt một số nguồn (bài báo, báo cáo, trang web, sách, v.v.) song song, trong cả lĩnh vực của mình và trong các lĩnh vực liên quan; có thể xác định mức độ liên quan và hữu ích của các phần cụ thể cho nhiệm vụ cần hoàn thành.
	Có thể đọc lướt các văn bản dài và phức tạp, định vị các chi tiết liên quan. Có thể đánh giá nhanh nội dung và tính liên quan của các tin bài chuyên môn, từ đó đưa ra quyết định về việc có tiếp tục tìm hiểu chi tiết hay không.
BẬC 3	Có thể đọc lướt các văn bản dài hơn để xác định vị trí thông tin mong muốn và thu thập thông tin từ các phần khác nhau của văn bản hoặc từ các văn bản khác nhau để hoàn thành một nhiệm vụ cụ thể. Có thể đọc lướt các văn bản đơn giản, thực tế trong các tạp chí, tài liệu quảng cáo hoặc trên web, xác định thông tin chính và quyết định có đọc tiếp để tìm thông tin mình cần hay không.
	Có thể tìm và hiểu thông tin liên quan trong tài liệu hàng ngày, chẳng hạn như thư, tài liệu quảng cáo và tài liệu chính thức ngắn. Có thể chọn ra thông tin quan trọng về hướng dẫn sử dụng và cách sử

	dụng trên bao bì thực phẩm và thuốc. Có thể đánh giá xem một bài viết, báo cáo hoặc đánh giá có thuộc chủ đề mình cần hay không. Có thể hiểu các thông tin quan trọng trong các quảng cáo đơn giản, được soạn thảo rõ ràng trên báo hoặc tạp chí, miễn là không có quá nhiều chữ viết tắt.
BẬC 2	Có thể tìm thấy thông tin cụ thể trong các văn bản thực tế, cụ thể, dự đoán (ví dụ: sách hướng dẫn du lịch, công thức nấu ăn), được viết bằng ngôn ngữ đơn giản. Có thể hiểu thông tin chính trong các mô tả ngắn gọn và đơn giản về hàng hóa trong tài liệu quảng cáo và trang web (ví dụ: thiết bị kỹ thuật số cầm tay, máy ảnh, v.v.).
	Có thể tìm thấy thông tin cụ thể, dễ đoán trong các tài liệu đơn giản hàng ngày như quảng cáo, sách giới thiệu, danh mục, danh sách tham khảo và thời gian biểu. Có thể định vị và trích xuất thông tin cụ thể trong danh mục (ví dụ: khi tra cứu dịch vụ hoặc thương nhân trong "Niên giám Trang vàng"). Có thể hiểu các dấu hiệu và thông báo hàng ngày, v.v. ở những nơi công cộng, ví dụ đường phố, nhà hàng, nhà ga, tại nơi làm việc, hay như chỉ đường, hướng dẫn, cảnh báo nguy hiểm.
BẬC 1	Có thể nhận ra tên, từ và cụm từ rất cơ bản quen thuộc trên các thông báo đơn giản trong các tình huống hàng ngày phổ biến nhất. Có thể hiểu hướng dẫn ở khu mua sắm (gian hàng nào ở tầng nào) và chỉ đường (vị trí thang máy). Có thể hiểu thông tin cơ bản về khách sạn (thời gian phục vụ bữa ăn). Có thể tìm và hiểu thông tin đơn giản, quan trọng trong quảng cáo, trong các chương trình cho các sự kiện đặc biệt, trong tờ rơi và tài liệu quảng cáo (đề xuất, chi phí, ngày và địa điểm của sự kiện, thời gian khởi hành, v.v.).
Tiền Bậc 1	Có thể hiểu các biển báo đơn giản hàng ngày như "Bãi đậu xe", "Nhà ga", "Phòng ăn", "Cấm hút thuốc", v.v. Có thể tìm thông tin về địa điểm, thời gian và giá cả trên áp phích, tờ rơi và thông báo.

2.4. Đọc để lấy thông tin và lập luận

ĐỌC ĐỂ LẤY THÔNG TIN VÀ LẬP LUẬN	
BẬC 6	Có thể hiểu những điểm tinh tế và hàm ẩn của một báo cáo hoặc bài báo

	phức tạp kể cả ngoài lĩnh vực chuyên môn của mình.
BẬC 5	Có thể hiểu chi tiết một loạt các văn bản dài, phức tạp có thể gặp phải trong đời sống xã hội, nghề nghiệp hoặc học thuật; Xác định được các ý chính và các thông tin tinh tế, bao gồm cả thái độ, ý kiến được thể hiện trực tiếp hoặc ẩn ý.
BẬC 4	Có thể thu nhận thông tin, ý tưởng và ý kiến từ các nguồn chuyên môn cao trong lĩnh vực của mình. Có thể hiểu các bài viết chuyên ngành bên ngoài lĩnh vực của mình, đôi khi cần sử dụng từ điển để xác nhận cách giải thích thuật ngữ của mình.
	Có thể hiểu các bài báo và báo cáo liên quan đến các vấn đề đương đại trong đó người viết áp dụng các lập trường hoặc quan điểm cụ thể. Có thể nhận biết khi một văn bản chỉ cung cấp thông tin hoặc nhằm thuyết phục người đọc. Có thể nhận ra các cấu trúc khác nhau trong văn bản lập luận: lập luận tương phản, trình bày vấn đề - giải pháp và mối quan hệ nguyên nhân - kết quả.
BẬC 3	Có thể hiểu các văn bản cung cấp thuần thông tin về các chủ đề liên quan đến sở thích hoặc nghiên cứu của mình. Có thể hiểu các văn bản ngắn về các chủ đề quen thuộc hoặc đang quan tâm, trong đó mọi người đưa ra quan điểm của họ (ví dụ: đóng góp quan trọng cho một diễn đàn thảo luận trực tuyến hoặc thư của độc giả gửi cho biên tập viên). Có thể xác định các kết luận chính trong các văn bản lập luận được thể hiện rõ ràng. Có thể nhận ra dòng lập luận trong việc xử lý vấn đề được trình bày, mặc dù không nhất thiết phải chi tiết.
	Có thể nhận ra những điểm quan trọng trong các bài báo đơn giản về các chủ đề quen thuộc. Có thể hiểu hầu hết các thông tin thực tế có khả năng gặp phải về các chủ đề quan tâm quen thuộc, miễn là có đủ thời gian để đọc lại. Có thể hiểu những điểm chính trong ghi chú mô tả như những điểm trên hiện vật bảo tàng hoặc bảng giải thích trong triển lãm.
BẬC 2	Có thể xác định thông tin cụ thể trong tài liệu bằng văn bản đơn giản như thư từ, tài liệu quảng cáo và các bài báo ngắn mô tả các sự kiện. Có thể hiểu dàn ý chung của một báo cáo tin tức về một loại sự kiện quen thuộc, miễn là nội dung quen thuộc và dễ đoán. Có thể chọn ra thông tin chính trong các báo cáo ngắn hoặc các bài viết

	đơn giản trong đó hình ảnh, tên, minh họa và tiêu đề đóng một vai trò nổi bật và hỗ trợ ý nghĩa của văn bản. Có thể hiểu những điểm chính của văn bản ngắn liên quan đến các chủ đề hàng ngày (ví dụ: lối sống, sở thích, thể thao, thời tiết).
	Có thể hiểu các văn bản mô tả con người, địa điểm, cuộc sống hàng ngày và văn hóa, v.v., được viết bằng ngôn ngữ đơn giản. Có thể hiểu thông tin được cung cấp trong tài liệu quảng cáo và bản đồ minh họa, ví dụ: các điểm tham quan chính của một thành phố hoặc khu vực. Có thể hiểu những điểm chính trong các mục tin tức ngắn về các chủ đề quan tâm cá nhân (ví dụ: thể thao, người nổi tiếng). Có thể hiểu một mô tả hoặc báo cáo thực tế ngắn trong lĩnh vực của mình, miễn là được viết bằng ngôn ngữ đơn giản và không chứa chi tiết khó đoán. Có thể hiểu hầu hết những gì mọi người nói về bản thân họ trong quảng cáo hoặc bài đăng cá nhân và những điểm họ thích ở người khác.
BẬC 1	Có thể có ý tưởng về nội dung của tài liệu thông tin đơn giản hơn và mô tả đơn giản ngắn, đặc biệt nếu có hỗ trợ trực quan. Có thể hiểu các văn bản ngắn về các chủ đề quan tâm cá nhân (ví dụ: điểm tin thể thao, âm nhạc, du lịch hoặc câu chuyện, v.v.) được viết bằng những từ đơn giản và được hỗ trợ bởi hình minh họa và hình ảnh.
Tiền Bậc 1	Có thể hiểu các tài liệu thông tin đơn giản nhất bao gồm các từ và hình ảnh quen thuộc, chẳng hạn như thực đơn nhà hàng đồ ăn nhanh được minh họa bằng hình ảnh hoặc một câu chuyện minh họa được xây dựng bằng những từ thường ngày, rất đơn giản.

2.5. Đọc hướng dẫn

ĐỌC HƯỚNG DẪN	
BẬC 6	*Áp dụng đặc tả như Bậc 5*
BẬC 5	Có thể hiểu chi tiết các hướng dẫn dài, phức tạp về một loại máy hoặc một quy trình mới, cho dù các hướng dẫn có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của mình hay không, nếu được đọc lại các phần khó.
BẬC 4	Có thể hiểu các hướng dẫn dài, phức tạp trong lĩnh vực của mình, bao gồm chi tiết về các điều kiện và cảnh báo, miễn là có thể được đọc lại các phần khó.
BẬC 3	Có thể hiểu các hướng dẫn và quy trình dưới dạng văn bản liền mạch, ví dụ như trong sách hướng dẫn, miễn là quen thuộc với loại quy trình

	hoặc sản phẩm liên quan.
	Có thể hiểu hướng dẫn bằng văn bản rõ ràng, đơn giản cho một thiết bị. Có thể làm theo các hướng dẫn đơn giản được đưa ra trên bao bì (ví dụ: hướng dẫn nấu ăn). Có thể hiểu hầu hết các hướng dẫn an toàn ngắn (ví dụ: trên phương tiện giao thông công cộng hoặc trong sách hướng dẫn sử dụng thiết bị điện).
BẬC 2	Có thể hiểu các quy định, ví dụ như quy định về an toàn, khi được thể hiện bằng ngôn ngữ đơn giản. Có thể hiểu các hướng dẫn ngắn được minh họa từng bước (ví dụ: để cài đặt công nghệ mới).
	Có thể hiểu các hướng dẫn đơn giản về thiết bị thông dụng trong cuộc sống hàng ngày (ví dụ: điện thoại công cộng). Có thể hiểu các hướng dẫn đơn giản, ngắn gọn được minh họa bằng hình ảnh và không được viết liền mạch. Có thể hiểu hướng dẫn trên nhãn thuốc được thể hiện dưới dạng một mệnh lệnh thức đơn giản như "Dùng trước bữa ăn" hoặc "Không dùng khi lái xe". Có thể làm theo một công thức nấu ăn đơn giản, đặc biệt nếu có hình ảnh để minh họa các bước quan trọng nhất.
BẬC 1	Có thể làm theo các hướng dẫn ngắn, đơn giản bằng văn bản (đi từ X đến Y).
Tiền Bậc 1	Có thể hiểu các hướng dẫn rất ngắn gọn, đơn giản, được sử dụng trong các ngữ cảnh quen thuộc, hàng ngày như "Không đỗ xe", "Không ăn uống", v.v., đặc biệt nếu có hình minh họa.

2.6. Đọc giải trí

ĐỌC GIẢI TRÍ	
BẬC 6	Có thể đọc hầu như tất cả các hình thức của ngôn ngữ viết bao gồm các tác phẩm văn học cổ điển hoặc đời thường và phi văn học ở các thể loại khác nhau, hiểu được sự khác biệt tinh tế về văn phong và ý nghĩa bao gồm cả ý nghĩa ngầm cũng như nghĩa tường minh.
BẬC 5	Có thể đọc và hiểu nhiều văn bản văn học khác nhau, miễn là có thể đọc lại một số phần nhất định và có thể truy cập các công cụ tham khảo nếu muốn. Có thể đọc các văn bản văn học đương đại và phi hư cấu được viết ở

	dạng ngôn ngữ tiêu chuẩn một cách tương đối dễ dàng và có thể cảm thụ được các ý tưởng và nét nghĩa hàm ẩn.
BẬC 4	Có thể đọc để giải trí với mức độ độc lập cao, điều chỉnh phong cách và tốc độ đọc với các văn bản khác nhau (tạp chí, tiểu thuyết đơn giản hơn, sách lịch sử, tiểu sử, du lịch, hướng dẫn, lời bài hát, thơ, v.v.), sử dụng các nguồn tham khảo thích hợp một cách có chọn lọc. Có thể đọc tiểu thuyết có cốt truyện, thể loại tường thuật rõ ràng và được viết bằng ngôn ngữ đơn giản khi có thời gian và sử dụng từ điển.
BẬC 3	Có thể đọc các bài báo/tạp chí về phim ảnh, sách vở, hòa nhạc, v.v. được viết cho công chúng phổ thông và hiểu được những ý chính. Có thể hiểu những bài thơ đơn giản và lời bài hát được viết bằng ngôn ngữ và văn phong đơn giản.
	Có thể hiểu mô tả về địa điểm, sự kiện, thể hiện rõ ràng cảm xúc và quan điểm trong các câu chuyện, hướng dẫn và các bài báo trên tạp chí được viết bằng ngôn ngữ hàng ngày, tần suất cao. Có thể hiểu một cuốn nhật ký du lịch chủ yếu mô tả các sự kiện của một cuộc hành trình và những trải nghiệm, khám phá mà người đó đã thực hiện. Có thể theo dõi cốt truyện của những câu chuyện, tiểu thuyết và truyện tranh đơn giản với cốt truyện tuyến tính rõ ràng và ngôn ngữ hàng ngày có tần suất sử dụng cao, được sử dụng thường xuyên trong từ điển.
BẬC 2	Có thể hiểu những câu chuyện ngắn, đơn giản và truyện tranh liên quan đến những tình huống quen thuộc, cụ thể được viết bằng ngôn ngữ hàng ngày có tần suất sử dụng cao. Có thể hiểu những điểm chính trong các bài tường thuật tạp chí ngắn hoặc các mục hướng dẫn liên quan đến các chủ đề cụ thể hàng ngày (sở thích, thể thao, hoạt động giải trí, động vật, v.v.).
	Có thể hiểu những câu chuyện ngắn và mô tả về cuộc đời của ai đó được viết bằng ngôn ngữ đơn giản. Có thể hiểu những gì đang xảy ra trong một câu chuyện bằng ảnh (ví dụ: trong tạp chí phong cách sống) và hình dung được các nhân vật. Có thể hiểu phần lớn thông tin được cung cấp trong một đoạn mô tả ngắn về một người (ví dụ: một người nổi tiếng). Có thể hiểu điểm chính của một bài báo ngắn đưa tin về một sự kiện theo kịch bản có thể dự đoán trước (ví dụ: giải Oscar), miễn là bài viết được trình bày rõ ràng bằng ngôn ngữ đơn giản.
BẬC 1	Có thể hiểu những câu chuyện ngắn, có minh họa về các hoạt động hàng

	ngày được mô tả bằng những từ đơn giản. Có thể hiểu sơ lược các văn bản ngắn trong truyện tranh minh họa, với điều kiện hình ảnh giúp đoán được phần lớn nội dung.
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả*

2.7. Chiến lược đọc hiểu

NHẬN DIỆN Ý VÀ SUY LUẬN (VĂN BẢN ĐỌC)	
BẬC 6	*Áp dụng đặc tả như Bậc 5*
BẬC 5	Có kỹ năng sử dụng các dấu hiệu nhận biết theo ngữ cảnh, ngữ pháp và từ vựng để suy ra thái độ, tâm trạng và ý định của tác giả và dự đoán những gì sẽ xảy ra tiếp theo.
BẬC 4	Có thể sử dụng nhiều chiến lược khác nhau để hiểu được nội dung văn bản đọc bao gồm chú ý những điểm chính và kiểm tra mức độ hiểu bằng cách sử dụng các gợi ý ngữ cảnh.
BẬC 3	Có thể khai thác các loại từ nối khác nhau (con số, thời gian, logic) và vai trò của các đoạn văn chính trong cấu trúc tổng thể để hiểu rõ hơn về các lập luận trong văn bản. Có thể suy ra ý nghĩa của một phần văn bản bằng cách xem xét toàn bộ văn bản. Có thể xác định nghĩa của các từ không quen thuộc thông qua ngữ cảnh về các chủ đề liên quan đến lĩnh vực và sở thích của mình. Có thể suy ra ý nghĩa của các từ chưa biết trong ngữ cảnh và suy ra ý nghĩa câu miễn là chủ đề được thảo luận là quen thuộc.
	Có thể đưa ra suy luận hoặc dự đoán cơ bản về nội dung văn bản từ tiêu đề, phụ đề hoặc đề mục. Có thể hiểu một câu chuyện ngắn và dự đoán những gì sẽ xảy ra tiếp theo. Có thể theo dõi một chuỗi lập luận hoặc trình tự sự kiện trong một câu chuyện, bằng cách tập trung vào các từ kết nối logic phổ biến (tuy nhiên, bởi vì, v.v.) và các từ kết nối thời gian (sau đó, trước, v.v.). Có thể suy ra nghĩa của các từ mới trong một văn bản bằng cách xác định thành phần cấu tạo của chúng (xác định gốc từ, các yếu tố từ vựng, hậu tố và tiền tố, v.v.).
BẬC 2	Có thể sử dụng ý tưởng về ý nghĩa tổng thể của các văn bản ngắn về các chủ đề hàng ngày thuộc loại cụ thể để suy luận nghĩa của các từ mới từ

	ngữ cảnh. Có thể khai thác hiểu biết sẵn có về các từ đã biết để suy luận nghĩa của các từ không quen thuộc trong các cụm từ ngắn được sử dụng trong bối cảnh thông thường hàng ngày.
	Có thể khai thác các tính năng định dạng, giao diện và kiểu chữ để xác định loại văn bản: câu chuyện tin tức, văn bản quảng cáo, bài viết, sách giáo khoa, trò chuyện hoặc diễn đàn, v.v. Có thể khai thác con số, ngày tháng, tên, tên riêng, v.v. để xác định chủ đề của văn bản. Có thể suy ra nghĩa và chức năng của các cụm từ cố định mới từ vị trí của chúng trong một văn bản viết ví dụ ở đầu hoặc cuối bức thư.
BẬC 1	Có thể suy ra ý nghĩa của một từ mới chỉ hành động hoặc đồ vật cụ thể, miễn là văn bản xung quanh từ mới rất đơn giản và về một chủ đề quen thuộc hàng ngày. Có thể đoán nghĩa tương đối của một từ/ký hiệu không biết mà tương đương với một từ trong ngôn ngữ mà họ thường sử dụng.
	Có thể đoán nghĩa từ mới từ một từ hoặc biểu tượng đi kèm mà từ và biểu tượng đó tương tự như trong ngôn ngữ thường dùng.
Tiền Bậc 1	Có thể suy ra nghĩa của một từ dựa vào hình ảnh hoặc biểu tượng đi kèm.

PHẦN 3: KỸ NĂNG NÓI

3.1. Nói sản sinh

3.1.1. Đặc tả tổng quát cho kỹ năng nói sản sinh

NÓI SẢN SINH TỔNG QUÁT	
BẬC 6	Có thể trình bày một bài phát biểu một cách rõ ràng và trôi chảy với kết cấu logic và hiệu quả giúp người nghe chú ý và nhớ các ý chính.
BẬC 5	Có thể mô tả và trình bày rõ ràng, chi tiết về các chủ đề phức tạp, tích hợp các chủ đề phụ, phát triển các điểm cụ thể và đưa ra kết luận thích hợp.
BẬC 4	Có thể mô tả và trình bày rõ ràng bài nói được phát triển một cách có hệ thống, nhấn mạnh các điểm quan trọng và chi tiết hỗ trợ có liên quan.
	Có thể mô tả và thuyết trình rõ ràng, chi tiết về một loạt các chủ đề liên quan đến lĩnh vực quan tâm, mở rộng và triển khai các ý tưởng với các

	luận cứ và các luận chứng liên quan.
BẬC 3	Có thể trình bày khá trôi chảy một mô tả đơn giản về nhiều chủ đề mình quan tâm, theo trình tự từng ý một cách mạch lạc.
BẬC 2	Có thể đưa ra một mô tả hoặc trình bày một cách đơn giản về con người, điều kiện sống hoặc làm việc, thói quen hàng ngày, thích/không thích, v.v. dưới dạng một loạt các cụm từ và câu đơn giản được liên kết thành một danh sách.
BẬC 1	Có thể tạo ra các cụm từ đơn giản, riêng lẻ về con người và địa điểm.
Tiền Bậc 1	Có thể tạo ra các cụm từ ngắn về bản thân, cung cấp thông tin cá nhân cơ bản (tên, địa chỉ, gia đình, quốc tịch, v.v.).

3.1.2. Nói độc thoại: Mô tả trải nghiệm

NÓI ĐỘC THOẠI: MÔ TẢ KINH NGHIỆM	
BẬC 6	Có thể đưa ra các mô tả rõ ràng, trôi chảy, công phu, giúp người nghe dễ hiểu, dễ nhớ.
BẬC 5	Có thể mô tả rõ ràng, chi tiết các chủ đề phức tạp. Có thể mô tả và tường thuật phức tạp, tích hợp các chủ đề phụ, phát triển các luận điểm cụ thể và đưa ra kết luận thích hợp.
BẬC 4	Có thể mô tả rõ ràng, chi tiết về một loạt các chủ đề liên quan đến lĩnh vực quan tâm. Có thể mô tả chi tiết quan điểm cá nhân về các sự kiện và trải nghiệm.
BẬC 3	Có thể bày tỏ rõ ràng cảm xúc về một điều gì đó đã trải nghiệm và đưa ra lý do để giải thích những cảm xúc đó.
	Có thể đưa ra mô tả đơn giản về nhiều chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực quan tâm. Có thể liên hệ trôi chảy hợp lý một câu chuyện hoặc mô tả đơn giản theo một trình tự. Có thể kể chi tiết về trải nghiệm, mô tả cảm xúc và phản ứng. Có thể kể chi tiết về các sự cố không lường trước được như tai nạn. Có thể kể cốt truyện của một cuốn sách hoặc bộ phim và mô tả cảm xúc của bản thân khi trải nghiệm cuốn sách hoặc bộ phim đó. Có thể mô tả ước mơ, hy vọng và tham vọng. Có thể mô tả các sự kiện thực tế hoặc tưởng tượng.

	Có thể tường thuật một câu chuyện.
BẬC 2	Có thể kể một câu chuyện hoặc mô tả một trải nghiệm theo các điểm chính. Có thể mô tả các khía cạnh hàng ngày trong môi trường sống của mình, ví dụ như con người, địa điểm, công việc hoặc kinh nghiệm học tập. Có thể đưa ra các mô tả ngắn, cơ bản về các sự kiện và hoạt động. Có thể mô tả các kế hoạch và dự định, thói quen và hoạt động thường ngày, các hoạt động trong quá khứ và kinh nghiệm cá nhân. Có thể sử dụng ngôn ngữ mô tả đơn giản để đưa ra các tuyên bố ngắn gọn và so sánh các đối tượng và đồ vật sở hữu. Có thể giải thích vì sao thích hoặc không thích một cái gì đó.
	Có thể mô tả gia đình, điều kiện sống, nền tảng giáo dục, công việc hiện tại hoặc gần đây nhất. Có thể mô tả con người, địa điểm và tài sản bằng những thuật ngữ đơn giản. Có thể nói về những gì bản thân giỏi và không giỏi lắm (ví dụ: thể thao, trò chơi, kỹ năng, môn học, v.v.). Có thể nói ngắn gọn về những gì định làm vào cuối tuần hoặc trong kỳ nghỉ.
BẬC 1	Có thể mô tả các thông tin cơ bản về bản thân, nghề nghiệp và nơi sống. Có thể mô tả các khía cạnh đơn giản trong cuộc sống hàng ngày bằng một loạt các câu đơn giản, sử dụng các từ đơn giản và cụm từ cơ bản, miễn là có sự chuẩn bị trước.
Tiền Bậc 1	Có thể mô tả bản thân (tên, tuổi, gia đình, v.v.), sử dụng các từ đơn giản và cụm từ cố định, miễn là có sự chuẩn bị trước. Có thể diễn tả cảm giác của mình bằng những từ đơn giản như "hạnh phúc", "mệt mỏi", kèm theo ngôn ngữ cơ thể.

3.1.3. Độc thoại dài: Cung cấp thông tin

ĐỘC THOẠI DÀI: CUNG CẤP THÔNG TIN	
BẬC 6	*Áp dụng đặc tả như Bậc 5*
BẬC 5	Có thể truyền đạt rõ ràng những điểm khác biệt chi tiết giữa các ý tưởng, khái niệm và sự vật gần giống nhau. Có thể đưa ra hướng dẫn về việc thực hiện một loạt các quy trình chuyên môn hoặc học thuật phức tạp.

BẬC 4	Có thể truyền đạt thông tin phức tạp và tư vấn đầy đủ về các vấn đề liên quan đến vai trò nghề nghiệp của mình.
	Có thể truyền đạt thông tin chi tiết một cách đáng tin cậy. Có thể đưa ra một mô tả rõ ràng, chi tiết về cách thực hiện một quy trình.
BẬC 3	Có thể giải thích những điểm chính trong một ý tưởng hoặc vấn đề với độ chính xác hợp lý. Có thể mô tả cách làm một việc đó, đưa ra hướng dẫn chi tiết.
	Có thể báo cáo thông tin thực tế đơn giản về một chủ đề quen thuộc, ví dụ chỉ ra bản chất của vấn đề hoặc đưa ra hướng dẫn chi tiết, miễn là được chuẩn bị trước.
BẬC 2	Có thể chỉ đường đơn giản từ nơi này sang nơi khác, sử dụng các cách diễn đạt cơ bản như "rẽ phải" và "đi thẳng" cùng với các từ nối như "đầu tiên", "sau đó" và "tiếp theo".
BẬC 1	Có thể gọi tên một đồ vật đơn giản, mô tả hình dáng và màu sắc khi giới thiệu đồ vật đó với người khác bằng cách sử dụng các từ, cụm từ cố định, miễn là được chuẩn bị trước.
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

3.1.4. Độc thoại dài: Đưa ra quan điểm lập luận

ĐỘC THOẠI DÀI: ĐƯA RA QUAN ĐIỂM LẬP LUẬN (VÍ DỤ: TRONG CUỘC TRANH LUẬN)	
BẬC 6	*Áp dụng đặc tả như Bậc 5.*
BẬC 5	Có thể tranh luận về một vấn đề phức tạp, xây dựng các điểm lập luận một cách chính xác và sử dụng sự nhấn mạnh một cách hiệu quả. Có thể phát triển một lập luận một cách có hệ thống trong bài phát biểu có cấu trúc tốt, có tính đến quan điểm của người đối thoại, làm nổi bật những điểm quan trọng với các ví dụ hỗ trợ và kết luận một cách thích hợp.
BẬC 4	Có thể phát triển một lập luận một cách có hệ thống nhấn mạnh các điểm quan trọng và luận cứ có liên quan một cách thích hợp.

	Có thể phát triển một lập luận rõ ràng, mở rộng và hỗ trợ quan điểm của mình có chi tiết với các luận cứ và luận chứng có liên quan. Có thể xây dựng một chuỗi các lập luận hợp lý. Có thể giải thích một quan điểm về một vấn đề thời sự, đưa ra những lợi thế và bất lợi của các lựa chọn khác nhau.
BẬC 3	Có khả năng triển khai một cuộc tranh luận mạch lạc, dễ theo dõi trong phần lớn các trường hợp. Có thể đưa ra những lý do đơn giản để biện minh cho một quan điểm về một chủ đề quen thuộc.
	Có thể bày tỏ ý kiến về các chủ đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, sử dụng các cụm từ đơn giản. Có thể đưa ra lý do và giải thích ngắn gọn ý kiến, kế hoạch và hành động. Có thể giải thích xem họ có tán thành về một việc ai đó đã làm và đưa ra lý do để chứng minh cho ý kiến này.
BẬC 2	Có thể giải thích những gì bản thân thích hoặc không thích, tại sao thích thứ này hơn thứ kia, so sánh đơn giản, trực tiếp.
	Có thể trình bày ý kiến của mình một cách đơn giản, miễn là người nghe kiên nhẫn.
BẬC 1	*Không có đặc tả.*
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

3.1.5. Nói độc thoại: Nói trước khán giả

NÓI TRƯỚC KHÁN GIẢ	
BẬC 6	Có thể trình bày một chủ đề phức tạp một cách tự tin và rõ ràng cho khán giả không quen thuộc với chủ đề đó; Có thể cấu trúc và điều chỉnh cuộc nói chuyện một cách linh hoạt để đáp ứng nhu cầu của khán giả. Có thể xử lý các câu hỏi khó hoặc thậm chí mang tính thù địch.
BẬC 5	Có thể trình bày một bài thuyết trình rõ ràng, có cấu trúc tốt về một chủ đề phức tạp, mở rộng và bảo vệ các quan điểm có chi tiết với các luận cứ, nguyên do và các luận chứng có liên quan. Có thể cấu trúc một bài thuyết trình dài hơn một cách thích hợp để giúp khán giả theo dõi chuỗi ý tưởng và hiểu được lập luận tổng thể. Có thể suy đoán hoặc đưa ra giả thuyết trong việc trình bày một chủ đề

	phức tạp, so sánh và đánh giá các đề xuất và lập luận thay thế. Có khả năng sử dụng thán từ một cách tự nhiên và phản ứng tức thời gần như không gặp khó khăn.
BẬC 4	Có thể đưa ra một bài thuyết trình rõ ràng, được phát triển có hệ thống, làm nổi bật các điểm quan trọng và chi tiết hỗ trợ có liên quan. Có thể khởi đầu bài trình bày một cách tự nhiên từ dàn ý chuẩn bị sẵn và phản hồi linh hoạt các vấn đề thú vị do khán giả đưa ra, thường thể hiện sự trôi chảy và khả năng diễn đạt ấn tượng.
	Có thể trình bày một bài thuyết trình rõ ràng có chuẩn bị trước, trong đó đưa ra lý do ủng hộ hoặc phản bác một quan điểm cụ thể và đưa ra những lợi thế và bất lợi của các lựa chọn khác nhau. Có thể thực hiện một loạt các câu hỏi tiếp theo với mức độ trôi chảy và tự phát, không gây căng thẳng cho bản thân hoặc khán giả.
BẬC 3	Có thể trình bày một bài thuyết trình về một chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực của mình, đưa ra dàn ý về những điểm tương đồng và khác biệt (ví dụ: giữa các sản phẩm, quốc gia/khu vực, kế hoạch, v.v.).
	Có thể trình bày một bài thuyết trình đã chuẩn bị trước về chủ đề quen thuộc trong chuyên môn của mình một cách rõ ràng, dễ theo dõi và với các luận điểm chính được giải thích tương đối chính xác. Có thể nghe các câu hỏi tiếp theo, nhưng có thể phải yêu cầu lặp lại nếu bài phát biểu có tốc độ nhanh.
BẬC 2	Có thể đưa ra một bài thuyết trình ngắn, đã được tập luyện về một chủ đề phù hợp với cuộc sống hàng ngày của mình, đưa ra lý do ngắn gọn và giải thích cho các ý kiến, kế hoạch và hành động. Có thể đối phó với một số lượng hạn chế các câu hỏi bổ sung, mở rộng đơn giản.
	Có thể thuyết trình ngắn, cơ bản về một chủ đề quen thuộc khi đã được tập luyện. Có thể trả lời các câu hỏi bổ sung đơn giản khi được nhắc lại và được trợ giúp.
BẬC 1	Có thể đọc một tuyên bố rất ngắn, đã được tập dượt (ví dụ: giới thiệu một diễn giả, đề nghị nâng cốc chúc mừng, v.v.)
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

3.1.6. Thông báo chung

THÔNG BÁO CHUNG	
BẬC 6	*Áp dụng đặc tả như Bậc 5.*
BẬC 5	Có thể đưa ra thông báo trôi chảy, dễ dàng, sử dụng trọng âm và ngữ điệu để truyền đạt các sắc thái ý nghĩa tốt hơn một cách chính xác.
BẬC 4	Có thể đưa ra thông báo về hầu hết các chủ đề chung với mức độ rõ ràng, trôi chảy và tự phát, không gây căng thẳng hoặc bất tiện cho người nghe.
BẬC 3	Có thể đưa ra các thông báo ngắn đã luyện trước về một chủ đề liên quan đến các sự kiện hàng ngày trong lĩnh vực của mình để người khác vẫn hiểu rõ ràng, dù đôi lúc dùng trọng âm và ngữ điệu còn gặp vấn đề.
BẬC 2	Có thể đưa ra những thông báo rất ngắn, dễ đoán, nội dung quen thuộc, dễ hiểu đối với người nghe tập trung.
BẬC 1	*Không có đặc tả.*
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

3.1.7. Các chiến lược sản sinh

3.1.7.1. Lên kế hoạch

LÊN KẾ HOẠCH	
BẬC 6	*Áp dụng đặc tả như Bậc 5.*
BẬC 5	Có khả năng áp dụng một cách có chủ đích các quy ước liên quan đến thể loại văn bản nói trang trọng (về cấu trúc, tính trang trọng).
BẬC 4	Có thể lên kế hoạch trước cho các tình huống khó, dự đoán nhiều phản ứng có thể xảy ra và chuẩn bị cách nói phù hợp.
	Có khả năng hoạch định nội dung và phương thức trình bày, đồng thời cân nhắc tác động đối với người tiếp nhận thông điệp.
BẬC 3	Có thể thực hành và thử nghiệm các cách kết hợp và diễn đạt mới với mong muốn nhận được phản hồi để cải thiện.
	Có thể truyền đạt ý chính, dùng các nguồn có sẵn và chỉ nói những gì nhớ được hoặc tìm được cách nói.

BẬC 2	Có thể ghi nhớ và rèn luyện các cách diễn đạt phù hợp từ vốn từ vựng sẵn có.
BẬC 1	*Không có đặc tả.*
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

3.1.7.2. Kỹ năng bù trừ, thay thế

KỸ NĂNG BÙ TRỪ, THAY THẾ	
BẬC 6	Có thể thay thế một thuật ngữ tương đương cho một từ không thể nhớ ra một cách trơn tru đến mức hầu như không ai nhận ra.
BẬC 5	Có thể khai thác phạm vi vốn từ vựng của mình một cách sáng tạo để sử dụng cách nói vòng một cách dễ dàng và hiệu quả trong hầu hết các tình huống.
BẬC 4	Có thể sử dụng cách nói vòng và diễn giải để bù đắp khoảng trống về từ vựng và cấu trúc.
	Có thể giải quyết hầu hết các vấn đề giao tiếp bằng cách sử dụng cách nói vòng, hoặc tránh các cách diễn đạt khó.
BẬC 3	Có thể mô tả đặc điểm của một sự vật cụ thể khi không thể nhớ ra từ/ký hiệu cho sự vật đó. Có thể truyền tải ý nghĩa của từ/cụm từ/ký hiệu không biết bằng cách sử dụng một từ/cụm từ/ký hiệu có nghĩa tương tự (ví dụ: xe tải chở người = xe buýt).
	Có thể sử dụng một từ/ký hiệu đơn giản có nghĩa tương tự với khái niệm muốn truyền đạt và nhờ người khác "cung cấp từ/ký hiệu đúng". Có thể "ngoại lai hóa" các từ/ký hiệu trong ngôn ngữ mẹ đẻ và yêu cầu người sử dụng ngôn ngữ đích xác nhận độ chính xác.
BẬC 2	Có thể dùng từ /ký hiệu không đủ nghĩa, rồi dùng cử chỉ, điệu bộ để giải thích rõ hơn.
	Có thể chỉ ra thứ mình định nói bằng cách chỉ tay vào đồ vật đó (ví dụ: "Tôi muốn cái này, làm ơn").
BẬC 1	Có thể sử dụng cử chỉ để hỗ trợ các từ đơn giản trong việc thể hiện nhu cầu.
Tiền Bậc 1	Có thể chỉ vào một cái gì đó và hỏi nó là gì.

3.1.7.3. Xem xét và chỉnh sửa

XEM XÉT VÀ CHỈNH SỬA	
BẬC 6	Khi nói sai, có thể nói lại bằng cách tái cấu trúc lời nói để vượt qua rào cản một cách trơn tru đến mức người đối thoại hầu như không nhận ra.
BẬC 5	Có thể nói lại khi gặp khó khăn và chỉnh sửa lại những gì muốn nói mà không làm gián đoạn hoàn toàn mạch nói. Có thể tự sửa chữa với mức độ hiệu quả cao.
BẬC 4	Có thể thường xuyên tự sửa lại những "lúc lỡ miệng" hoặc các lỗi sai không hệ thống và những khiếm khuyết nhỏ trong cấu trúc câu.
	Có thể sửa những sai sót và các lỗi mà bản thân nhận thức được, hoặc đã dẫn đến hiểu lầm. Có thể ghi chép lại những lỗi thường gặp của mình và có ý thức theo dõi để sửa.
BẬC 3	Có thể sửa chữa các nhầm lẫn về các thì, các cụm từ chỉ thời gian hoặc các diễn đạt làm người đối thoại hiểu lầm miễn là được người đối thoại chỉ ra vấn đề.
	Có thể yêu cầu người đối thoại xác nhận rằng cách diễn đạt được sử dụng là chính xác. Có thể bắt đầu lại bằng cách sử dụng một chiến thuật khác khi giao tiếp bị gián đoạn.
BẬC 2	*Không có đặc tả.*
BẬC 1	*Không có đặc tả.*
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

3.2. Nói tương tác

3.2.1. Đặc tả tổng quát cho kỹ năng nói tương tác

NÓI TƯƠNG TÁC TỔNG QUÁT	
BẬC 6	Sử dụng thành thạo cách diễn đạt có tính đặc ngữ, cách nói đời thường và ý thức được các lớp nghĩa khác nhau. Có thể truyền đạt những sắc thái nghĩa một cách chính xác bằng cách sử dụng ngôn từ thể hiện các sắc thái biểu cảm chính xác và hợp lý. Có thể nói lại và thay đổi cách diễn đạt một cách trôi chảy tới mức người đối thoại hầu như không nhận ra.

BẬC 5	Có thể diễn đạt một cách trôi chảy và tự nhiên, gần như không cần cố gắng. Làm chủ một vốn từ vựng rộng cho phép dễ dàng khắc phục các khoảng trống từ vựng bằng cách sử dụng cách diễn đạt vòng. Rất hiếm khi phải ngập ngừng để tìm cách diễn đạt hoặc phải sử dụng các chiến lược né tránh; chỉ khi gặp phải chủ đề khó về mặt khái niệm mới làm ảnh hưởng đến mạch ngôn ngữ tự nhiên, trơn tru.
BẬC 4	Có thể sử dụng ngôn ngữ trôi chảy, chính xác và hiệu quả trong các chủ đề chung, học thuật, dạy nghề hoặc giải trí, thể hiện rõ ràng mối quan hệ giữa các ý tưởng. Có thể giao tiếp tự nhiên với khả năng kiểm soát ngữ pháp tốt mà không có nhiều dấu hiệu phải hạn chế những gì muốn nói, áp dụng một mức độ trang trọng phù hợp với hoàn cảnh.
	Có thể tương tác lưu loát và tự phát để duy trì tương tác thường xuyên và mối quan hệ bền vững với người nói ngôn ngữ đích mà không gây căng thẳng cho một trong hai bên. Có thể nhấn mạnh sự kiện và trải nghiệm cá nhân, giải thích và duy trì quan điểm rõ ràng bằng cách cung cấp các giải thích và lập luận có liên quan.
BẬC 3	Có thể giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc hoặc không quen thuộc liên quan đến sở thích và lĩnh vực chuyên môn của mình. Có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, xử lý các tình huống ít gặp và giải thích vấn đề nằm ở đâu. Có thể bày tỏ suy nghĩ về các chủ đề văn hóa, trừu tượng hơn như phim ảnh, sách, âm nhạc, v.v.
	Có thể tận dụng nhiều cấu trúc ngôn ngữ đơn giản để xử lý hầu hết các tình huống có thể phát sinh trong khi đi du lịch. Có thể tham gia vào cuộc trò chuyện về các chủ đề quen thuộc mà không cần chuẩn bị trước, bày tỏ ý kiến cá nhân và trao đổi thông tin về các chủ đề quen thuộc, được cá nhân quan tâm hoặc phù hợp với cuộc sống hàng ngày như gia đình, sở thích, công việc, du lịch và các sự kiện hiện tại, v.v.
BẬC 2	Có thể tương tác một cách tương đối dễ dàng trong các tình huống có cấu trúc và các cuộc trò chuyện ngắn, miễn là người đối thoại giúp đỡ nếu cần thiết. Có thể xử lý các cuộc trao đổi đơn giản, thường xuyên mà không cần nỗ lực quá mức. Có thể hỏi và trả lời các câu hỏi và trao đổi ý tưởng, thông tin về các chủ đề quen thuộc trong các tình huống hàng ngày có thể dự đoán được.
	Có thể giao tiếp trong các nhiệm vụ đơn giản hàng ngày, đòi hỏi phải trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về các vấn đề quen thuộc và thường gặp, liên quan đến công việc và thời gian rảnh. Có thể xử lý các trao đổi xã hội rất ngắn nhưng hiếm khi có thể hiểu đủ để duy trì cuộc trò chuyện.

BẬC 1	Có thể tương tác nhưng thường xuyên dừng lại sửa lỗi với điều kiện người đối thoại nói chậm, lặp lại hoặc diễn đạt lại. Có thể hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản, khởi xướng và trả lời các câu đơn giản trong các lĩnh vực đang nói hoặc về các chủ đề rất quen thuộc.
Tiền Bậc 1	Có thể hỏi và trả lời các câu hỏi về bản thân và thói quen hàng ngày, sử dụng các cụm từ cố định, công thức và dựa vào cử chỉ để củng cố thông tin.

3.2.2 Hiểu người tham thoại

HIỂU NGƯỜI THAM THOẠI	
BẬC 6	Có thể hiểu bất kỳ người đối thoại nào, ngay cả về các chủ đề trừu tượng và phức tạp có tính chất chuyên môn vượt ra ngoài lĩnh vực của mình, miễn là có thể hiểu biến thể ngôn ngữ ít gặp.
BẬC 5	Có thể hiểu chi tiết bài phát biểu về các chủ đề trừu tượng và phức tạp có tính chất chuyên môn vượt ra ngoài lĩnh vực của mình, mặc dù có thể cần xác nhận các chi tiết ít gặp, đặc biệt nếu cách nói không quen thuộc.
BẬC 4	Có thể hiểu chi tiết những gì được nói bằng ngôn ngữ nói tiêu chuẩn ngay cả trong môi trường ồn ào.
BẬC 3	Có thể theo dõi các cuộc trò chuyện hàng ngày được diễn đạt rõ ràng, mặc dù đôi khi sẽ phải yêu cầu lặp lại các từ và cụm từ cụ thể.
BẬC 2	Có thể hiểu đủ để trao đổi đơn giản, thường xuyên mà không cần nỗ lực quá mức. Nói chung có thể hiểu lời nói rõ ràng, tiêu chuẩn về các vấn đề quen thuộc với mình, miễn là có thể yêu cầu lặp lại hoặc diễn đạt lại.
	Có thể hiểu nội dung nói rõ ràng, chậm rãi và trực tiếp trong cuộc trò chuyện đơn giản hàng ngày; có thể hiểu được nếu người nói giải thích kỹ.
BẬC 1	Có thể hiểu các cách diễn đạt hàng ngày nhằm thỏa mãn các nhu cầu đơn giản, cụ thể, được nói trực tiếp bằng lời nói rõ ràng, chậm rãi và có lặp lại bởi người đối thoại thân thiện và sẵn sàng trợ giúp. Có thể hiểu các câu hỏi và hướng dẫn được nói cẩn thận và chậm rãi; có thể làm theo các hướng dẫn ngắn, đơn giản.

Tiền Bậc 1	Có thể hiểu những câu hỏi đơn giản, liên quan trực tiếp đến bản thân, ví dụ như hỏi tên, tuổi và địa chỉ, v.v. nếu được hỏi chậm và rõ ràng. Có thể hiểu thông tin cá nhân đơn giản (ví dụ: tên, tuổi, nơi cư trú, nguồn gốc) khi người khác tự giới thiệu, miễn là họ nói chậm, rõ ràng, trực tiếp; có thể hiểu các câu hỏi về chủ đề này, mặc dù các câu hỏi có thể cần phải được lặp lại. Có thể hiểu một số từ và lời chào quen thuộc và nhận ra thông tin chính như số, giá cả, ngày tháng và thứ trong tuần, miễn là lời nói được truyền tải rất chậm, lặp lại nếu cần thiết.

3.2.3. Nói tương tác: Hội thoại

NÓI TƯƠNG TÁC: HỘI THOẠI	
BẬC 6	Có thể trò chuyện thoải mái và tự nhiên, không bị cản trở bởi bất kỳ giới hạn ngôn ngữ nào trong giao tiếp xã hội và cá nhân.
BẬC 5	Có thể sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và hiệu quả cho các mục đích xã hội, bao gồm cả việc sử dụng cảm xúc, ám chỉ và nói đùa.
BẬC 4	Có thể thiết lập mối quan hệ với người đối thoại thông qua câu hỏi thông cảm và bày tỏ sự đồng ý, và nếu thích hợp, có thể nhận xét về bên thứ ba hoặc các điều kiện được chia sẻ. Có thể thể hiện sự dè dặt và miễn cưỡng; Có thể đưa ra điều kiện trước khi đồng ý hoặc cho phép và yêu cầu người khác hiểu quan điểm của mình.
	Có thể tập trung tham gia vào cuộc trò chuyện dài về hầu hết các chủ đề chung, ngay cả trong môi trường ồn ào. Có thể duy trì mối quan hệ với những người nói ngôn ngữ đích mà không vô tình gây cười hoặc khó chịu cho họ hoặc khiến họ phải thay đổi cách cư xử so với khi nói chuyện với một người nói thành thạo khác. Có thể thực hiện những cuộc trò chuyện tương đối dài về các chủ đề quan tâm chung, với điều kiện người đối thoại hỗ trợ sự hiểu biết.
BẬC 3	Có thể bắt đầu và duy trì một cuộc trò chuyện bằng cách hỏi những câu hỏi tương đối tự phát về một trải nghiệm hoặc sự kiện đặc biệt, bày tỏ phản ứng và ý kiến về các chủ đề quen thuộc. Có thể thực hiện những cuộc trò chuyện tương đối dài về các chủ đề quan tâm chung, với điều kiện người đối thoại nỗ lực hỗ trợ sự hiểu biết.
	Có thể tham gia vào các cuộc trò chuyện về các chủ đề quen thuộc mà không có sự chuẩn bị trước.

	Có thể theo dõi lời nói rõ ràng trong cuộc trò chuyện hàng ngày, mặc dù đôi khi sẽ phải yêu cầu lặp lại các từ và cụm từ cụ thể. Có thể duy trì một cuộc trò chuyện hoặc thảo luận nhưng đôi khi có thể khó theo dõi khi cố gắng diễn đạt chính xác những gì muốn nói. Có thể bày tỏ và phản ứng với những cảm xúc như bất ngờ, hạnh phúc, buồn bã, quan tâm và thờ ơ.
BẬC 2	Có thể thực hiện các giao tiếp xã hội như chào và chia tay, giới thiệu, cảm ơn. Nhìn chung, có thể hiểu lời nói rõ ràng, tiêu chuẩn về các vấn đề quen thuộc liên quan đến bản thân, miễn là đôi khi có thể yêu cầu lặp lại hoặc diễn đạt lại. Có thể tham gia vào các cuộc trò chuyện ngắn trong bối cảnh thông thường về các chủ đề quan tâm. Có thể bày tỏ cảm giác của mình bằng những thuật ngữ đơn giản và bày tỏ lời cảm ơn. Có thể yêu cầu sự giúp đỡ (ví dụ: cho mượn một vật gì đó), có thể giúp đỡ ai đó và có thể trả lời nếu ai đó yêu cầu sự giúp đỡ.
	Có thể giao tiếp xã hội rất ngắn nhưng hiếm khi có thể hiểu đủ để giữ cho cuộc trò chuyện diễn ra theo đúng ý mình, mặc dù có thể sẽ hiểu người đối thoại nếu họ giải thích rõ. Có thể sử dụng các hình thức chào hỏi và xưng hô đơn giản, lịch sự hàng ngày. Có thể trò chuyện bằng ngôn ngữ đơn giản với đồng nghiệp, cộng sự hoặc thành viên của gia đình chủ nhà, đặt câu hỏi và hiểu câu trả lời liên quan đến hầu hết các vấn đề thông thường. Có thể đưa ra và trả lời lời mời, đề xuất và lời xin lỗi. Có thể diễn tả cảm giác của bản thân bằng cách sử dụng các cụm từ diễn đạt cố định rất cơ bản. Có thể nói những gì thích và không thích.
BẬC 1	Có thể hiểu các cách diễn đạt hàng ngày nhằm thỏa mãn các nhu cầu đơn giản, cụ thể, được nói trực tiếp một cách rõ ràng, chậm và lặp lại. Có thể tham gia vào một cuộc trò chuyện đơn giản có tính chất thực tế cơ bản về một chủ đề dễ đoán, ví dụ như quê hương, gia đình, trường học. Có thể giới thiệu và sử dụng các cách diễn đạt chào hỏi và chia tay cơ bản. Có thể hỏi thăm mọi người và đáp lại lời hỏi thăm.
Tiền	Có thể hiểu và sử dụng một số cách diễn đạt cơ bản, theo công thức như

Bậc 1	"Có", "Không", "Xin lỗi", "Làm ơn", "Cảm ơn", "Không, cảm ơn", "Xin lỗi". Có thể nhận ra lời chào đơn giản. Có thể chào hỏi mọi người, giới thiệu tên và tạm biệt.

3.2.4. Thảo luận thân mật (với bạn bè)

THẢO LUẬN THÂN MẬT (VỚI BẠN BÈ)	
BẬC 6	Có thể tư vấn hoặc thảo luận về các vấn đề nhạy cảm mà không lúng túng, hiểu các cách nói đời thường và xử lý bất đồng, chỉ trích một cách khéo léo.
BẬC 5	Có thể dễ dàng theo dõi và tham gia vào các hội thoại phức tạp giữa các bên thứ ba trong thảo luận nhóm ngay cả về các chủ đề trừu tượng, phức tạp không quen thuộc.
BẬC 4	Có thể theo kịp một cuộc thảo luận sôi nổi giữa những người nói ngôn ngữ đích. Có thể diễn đạt ý tưởng và ý kiến của mình một cách chính xác, trình bày và trả lời các dòng lập luận phức tạp một cách thuyết phục.
	Có thể tham gia tích cực vào các cuộc thảo luận không chính thức trong các bối cảnh quen thuộc; bình luận, đưa ra quan điểm rõ ràng, đánh giá các đề xuất thay thế; đưa ra và trả lời các giả thuyết. Có thể cố gắng nắm bắt được phần lớn nội dung thảo luận, nhưng có thể cảm thấy khó khăn để tham gia thảo luận hiệu quả với một số người nói ngôn ngữ đích khi những người này không điều chỉnh lời nói cho dễ hiểu hơn. Có thể giải thích và duy trì ý kiến của mình trong cuộc thảo luận bằng cách giải thích, lập luận và đưa ra các nhận xét có liên quan.
BẬC 3	Có thể theo dõi phần lớn nội dung về các chủ đề chung miễn là người đối thoại tránh sử dụng thành ngữ và nói rõ ràng. Có thể bày tỏ suy nghĩ của mình về các chủ đề trừu tượng hoặc văn hóa như âm nhạc, phim ảnh. Có thể giải thích nguyên nhân của vấn đề. Có thể đưa ra nhận xét ngắn gọn về quan điểm của người khác. Có thể so sánh đối chiếu các phương án thay thế, bàn thảo việc cần làm, nơi cần đi, người hoặc điều cần chọn, v.v.
	Nhìn chung, có thể bám sát các điểm chính trong một cuộc thảo luận thân mật giữa bạn bè miễn là lời nói được phát âm rõ ràng và ngôn ngữ chuẩn mực.

	Có thể đưa ra hoặc tìm kiếm quan điểm và ý kiến cá nhân trong việc thảo luận về các chủ đề quan tâm. Có thể làm cho người đối thoại hiểu ý kiến và phản ứng của mình khi tìm các giải pháp cho các vấn đề hoặc câu hỏi thực tế về nơi để đi, phải làm gì, làm thế nào để tổ chức một sự kiện (ví dụ: một chuyến đi chơi). Có thể bày tỏ niềm tin, ý kiến đồng ý và không đồng ý một cách lịch sự.
BẬC 2	Nhìn chung, có thể xác định chủ đề đang được thảo luận với điều kiện được nói chậm và rõ ràng. Có thể trao đổi ý kiến và so sánh sự vật và con người bằng ngôn ngữ đơn giản. Có thể thảo luận về những việc cần làm vào buổi tối, vào cuối tuần. Có thể đưa ra và trả lời các đề xuất. Có thể đồng ý và không đồng ý với người khác.
	Có thể thảo luận các vấn đề thực tế hàng ngày một cách đơn giản khi được giải quyết rõ ràng, chậm rãi và trực tiếp. Có thể thảo luận về những việc cần làm, đi đâu và sắp xếp để gặp gỡ. Có thể bày tỏ ý kiến một cách hạn chế.
BẬC 1	Có thể trao đổi về những gì mình thích và không thích về thể thao, thực phẩm, v.v., với vốn biểu đạt hạn chế, nếu được nói rõ ràng, chậm rãi và trực tiếp.
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

3.2.5. Thảo luận mang tính trang trọng (trong cuộc họp)

THẢO LUẬN MANG TÍNH TRANG TRỌNG (TRONG CUỘC HỌP)	
BẬC 6	Có thể bảo vệ thành công được quan điểm của mình trong các cuộc thảo luận mang tính trang trọng về những vấn đề phức tạp, đưa ra được những lập luận rõ ràng thuyết phục mà không gây bất lợi cho đối tác giao tiếp. Có thể tư vấn/xử lý các vấn đề phức tạp, tế nhị hoặc gây tranh cãi, miễn là có kiến thức chuyên môn cần thiết. Có thể xử lý các câu hỏi thù địch một cách tự tin, đợi đến lượt mình để nói và bác bỏ các lập luận phản biện một cách khéo léo.
BẬC 5	Có thể dễ dàng theo kịp cuộc tranh luận, ngay cả về các chủ đề trừu tượng, phức tạp không quen thuộc. Có thể tranh luận, bảo vệ quan điểm một cách thuyết phục, trả lời các

	câu hỏi, nhận xét và trả lời các lượt phản biện phức tạp một cách trôi chảy, tức thì và phù hợp. Có thể trình bày lại, đánh giá và phản biện quan điểm của những người tham gia khác về các vấn đề thuộc phạm vi học thuật hoặc chuyên môn của mình. Có thể chỉ trích hoặc bày tỏ sự bất đồng một cách khéo léo. Có thể hỏi thêm các câu hỏi phụ để biết thêm chi tiết và có thể diễn đạt lại câu hỏi nếu chúng bị hiểu lầm.
BẬC 4	Có thể theo kịp một cuộc thảo luận sôi nổi, xác định chính xác các lập luận ủng hộ và phản đối. Có thể sử dụng thuật ngữ kỹ thuật thích hợp khi thảo luận về lĩnh vực chuyên môn của mình với các chuyên gia khác. Có thể diễn đạt ý tưởng và ý kiến của mình một cách chính xác, trình bày và trả lời các dòng lập luận phức tạp một cách thuyết phục.
	Có thể tham gia tích cực vào các cuộc thảo luận trang trọng thường xuyên và không thường xuyên. Có thể theo dõi cuộc thảo luận về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực của mình; hiểu kỹ những điểm nổi bật của người nói. Có thể đóng góp, giải thích và duy trì ý kiến của mình; đánh giá các đề xuất thay thế, đưa ra và phản hồi các giả thuyết.
BẬC 3	Có thể theo dõi phần lớn những gì được nói có liên quan đến lĩnh vực của bản thân, miễn là người đối thoại tránh sử dụng các thành ngữ và nói rõ ràng. Có thể đưa ra một quan điểm rõ ràng, nhưng gặp khó khăn khi tham gia tranh luận.
	Có thể thường xuyên tham gia thảo luận chính thức về các chủ đề quen thuộc được thực hiện bằng lời nói rõ ràng ở dạng ngôn ngữ tiêu chuẩn và liên quan đến việc trao đổi thông tin thực tế, nhận hướng dẫn hoặc thảo luận các giải pháp cho các vấn đề thực tế. Có thể tranh luận và thảo luận về một chủ đề quen thuộc hoặc dự đoán, miễn được diễn đạt bằng ngôn ngữ tương đối đơn giản hoặc lặp đi lặp lại, và được hỏi để làm rõ ý.
BẬC 2	Nói chung có thể nắm được việc thay đổi chủ đề trong các cuộc thảo luận trang trọng liên quan đến lĩnh vực của mình khi được tiến hành chậm và rõ ràng. Có thể trao đổi thông tin liên quan và đưa ra ý kiến của mình về các vấn đề thực tế khi được hỏi trực tiếp, miễn là nhận được một số trợ giúp về

	diễn đạt và có thể yêu cầu lặp lại các điểm chính nếu cần thiết.
	Có thể nói những gì nghĩ khi được hỏi trực tiếp trong một cuộc họp trang trọng, miễn là có thể yêu cầu lặp lại các điểm chính nếu cần thiết.
BẬC 1	*Không có đặc tả.*
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

3.2.6. Hợp tác có mục đích

HỢP TÁC CÓ MỤC ĐÍCH **(VÍ DỤ: CÙNG NẤU ĂN, THẢO LUẬN VỀ MỘT TÀI LIỆU, TỔ CHỨC MỘT SỰ KIỆN, V.V.)**	
BẬC 6	*Áp dụng đặc tả như Bậc 5.*
BẬC 5	Có thể giới hạn nội dung thảo luận để quyết định phương án hành động cùng đối tác, báo cáo về những gì người khác đã nói, tóm tắt, xây dựng và cân nhắc nhiều quan điểm.
BẬC 4	Có thể hiểu đúng hướng dẫn chi tiết. Có thể xúc tiến công việc bằng cách mời người khác tham gia, nói những gì họ nghĩ, v.v. Có thể khái quát một vấn đề hoặc một khó khăn rõ ràng; suy đoán về nguyên nhân hoặc hậu quả; cân nhắc những lợi thế và bất lợi của các phương pháp khác nhau.
BẬC 3	Có thể theo sát nội dung thảo luận, mặc dù đôi khi có thể phải yêu cầu lặp lại hoặc làm rõ nếu cuộc nói chuyện nhanh hoặc kéo dài. Có thể giải thích nguyên nhân vấn đề, thảo luận về những gì cần làm tiếp theo, so sánh và đối chiếu các lựa chọn. Có thể đưa ra nhận xét ngắn gọn quan điểm của người khác.
	Về cơ bản có thể theo sát nội dung, khi cần có thể nhắc lại một phần nội dung người khác đã nói để các bên cùng hiểu nhau. Có thể sử dụng các lý do và cách giải thích ngắn gọn để giải thích các ý kiến và phản ứng của mình về các giải pháp khả thi hoặc về vấn đề phải làm gì tiếp theo cho người khác. Có thể mời người khác đưa ra quan điểm của họ về cách tiến hành.
BẬC 2	Có thể hiểu đủ để xử lý các công việc đơn giản, thường ngày mà không cần nỗ lực quá mức, khi không hiểu thì yêu cầu nhắc lại một cách đơn

	giản. Có thể thảo luận về những việc cần làm tiếp theo; đưa ra và trả lời các đề xuất; yêu cầu và đưa ra hướng dẫn.
	Có thể tập trung theo dõi và hiểu nội dung đang được trình bày nếu người nói giải thích kỹ. Có thể giao tiếp trong các tình huống đơn giản và thường nhật, sử dụng các cụm từ đơn giản để xin, cho vật dụng, thu nhận thông tin đơn giản và thảo luận về những việc cần làm tiếp theo.
BẬC 1	Có thể hiểu các câu hỏi và hướng dẫn khi được truyền tải cẩn thận và chậm rãi; làm theo các hướng dẫn ngắn, đơn giản. Có thể hành động theo các hướng dẫn cơ bản liên quan đến thời gian, địa điểm, số, v.v. Có thể yêu cầu xin, cho vật dụng.
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

3.2.7. Nói tương tác: Giao dịch hàng hóa và dịch vụ

GIAO DỊCH HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ	
BẬC 6	*Áp dụng đặc tả như Bậc 5.*
BẬC 5	Có thể đàm phán các giao dịch phức tạp hoặc nhạy cảm trong đời sống công cộng, nghề nghiệp hoặc học thuật.
BẬC 4	Có thể dùng ngôn ngữ để thương lượng giải pháp cho các bất đồng như vé phạt giao thông không xác đáng, trách nhiệm tài chính đối với thiệt hại trong căn hộ, hoặc sự đổ lỗi liên quan đến tai nạn. Có thể trình bày một vụ việc để đòi bồi thường, sử dụng ngôn ngữ thuyết phục để yêu cầu xử lý thoả đáng và nêu rõ các giới hạn đối với bất kỳ sự nhượng bộ nào mà bản thân sẵn sàng thực hiện.
	Có thể nêu các yêu cầu và đặt câu hỏi chi tiết liên quan đến các dịch vụ phức tạp hơn, ví dụ: hợp đồng cho thuê. Có thể giải thích một vấn đề đã phát sinh và chỉ rõ ràng nhà cung cấp dịch vụ/khách hàng phải nhượng bộ.
BẬC 3	Có thể xử lý hầu hết các giao dịch có thể phát sinh trong khi đi du lịch, sắp xếp đi lại hoặc chỗ ở, hoặc giao dịch với chính quyền trong một chuyến thăm nước ngoài. Có thể yêu cầu nhân viên trong một cửa hàng giải thích về sự khác biệt

	giữa hai hoặc nhiều sản phẩm cùng mục đích để đưa ra quyết định, đặt ra các câu hỏi tiếp theo khi cần thiết. Có thể xử lý các tình huống ít xảy ra tại các cửa hàng, bưu điện, ngân hàng, ví dụ như trả lại hàng không đạt yêu cầu. Có thể khiếu nại. Có thể xử lý với hầu hết các tình huống phát sinh khi sắp xếp chuyến đi thông qua một đại lý hoặc trong khi đi du lịch, ví dụ: hỏi một hành khách nơi xuống xe để đến một điểm đến xa lạ.
BẬC 2	Có thể xử lý các tình huống phổ biến của cuộc sống hàng ngày như du lịch, chỗ ở, ăn uống và mua sắm. Có thể tương tác trong các tình huống hàng ngày (ví dụ: bưu điện, nhà ga, cửa hàng), sử dụng nhiều từ và cách diễn đạt đơn giản. Có thể nhận các thông tin cần thiết từ một văn phòng du lịch, miễn là đơn giản, không có tính chuyên ngành.
	Có thể yêu cầu và cung cấp hàng hóa và dịch vụ hàng ngày. Có thể nhận thông tin đơn giản về đi lại, sử dụng phương tiện giao thông công cộng như xe buýt, xe lửa và taxi; hỏi và chỉ đường; mua vé. Có thể hỏi về mọi thứ và thực hiện các giao dịch đơn giản trong các cửa hàng, bưu điện hoặc ngân hàng. Có thể cung cấp và nhận thông tin về số lượng, con số, giá cả, v.v. Có thể mua hàng đơn giản bằng cách nêu rõ mặt hàng cần mua và hỏi giá. Có thể đặt một bữa ăn. Có thể nói khi có điều gì đó không ổn, ví dụ: "Thức ăn lạnh" hoặc "Không có ánh sáng trong phòng tôi". Có thể yêu cầu (mặt đối mặt) thăm khám y tế và hiểu câu trả lời. Có thể nêu ra bản chất của một vấn đề cho một chuyên gia y tế, với việc sử dụng cử chỉ và ngôn ngữ cơ thể.
BẬC 1	Có thể hỏi xin và đưa đồ vật cho người khác. Có thể gọi đồ ăn và đồ uống bằng cách sử dụng các cách diễn đạt cơ bản. Có thể xử lý các con số, số lượng, chi phí và thời gian.
Tiền Bậc 1	Có thể thực hiện giao dịch mua hàng đơn giản hoặc đặt đồ ăn/đồ uống khi dùng tay chỉ hoặc các cử chỉ khác để hỗ trợ lời nói.

3.2.8. Trao đổi thông tin

TRAO ĐỔI THÔNG TIN	
BẬC 6	*Áp dụng đặc tả như Bậc 4.*
BẬC 5	*Áp dụng đặc tả như Bậc 4.*
BẬC 4	Có thể hiểu, trao đổi thông tin và lời khuyên phức tạp về nhiều vấn đề liên quan đến vai trò nghề nghiệp của mình. Có thể sử dụng thuật ngữ kỹ thuật thích hợp khi trao đổi thông tin hoặc thảo luận về lĩnh vực chuyên môn của mình với các chuyên gia khác.
	Có thể truyền thông tin chi tiết một cách đáng tin cậy.
BẬC 3	Có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin thực tế về các vấn đề quen thuộc thường gặp và ít gặp trong lĩnh vực của mình một cách tương đối tự tin. Có thể tóm tắt và đưa ra ý kiến của mình về một câu chuyện ngắn, bài báo, bài nói chuyện, phỏng vấn, thảo luận hoặc phim tài liệu và trả lời các câu hỏi chi tiết hơn.
	Có thể tìm hiểu và truyền đạt thông tin thực tế đơn giản. Có thể yêu cầu và làm theo hướng dẫn chi tiết. Có thể lấy thông tin chi tiết hơn. Có thể đưa ra lời khuyên về những vấn đề đơn giản trong lĩnh vực kinh nghiệm của mình.
BẬC 2	Có thể hiểu đủ để trao đổi đơn giản, thường xuyên mà không cần nỗ lực quá mức. Có thể xử lý các nhu cầu thực tế hàng ngày: tìm hiểu và chuyển các thông tin thực tế đơn giản. Có thể hỏi và trả lời các câu hỏi về thói quen và hoạt động thường ngày. Có thể hỏi và trả lời các câu hỏi về trò tiêu khiển và các hoạt động trong quá khứ. Có thể hỏi và trả lời các câu hỏi về kế hoạch và ý định. Có thể cung cấp và làm theo các hướng dẫn và chỉ dẫn đơn giản, ví dụ: giải thích cách đến một nơi nào đó.
	Có thể thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp đơn giản và thường xuyên, đòi hỏi phải trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp. Có thể trao đổi thông tin hạn chế về các hoạt động quen thuộc và thường xuyên.

	Có thể hỏi và trả lời các câu hỏi về công việc họ thường làm và việc thường làm khi rỗi. Có thể hỏi và chỉ đường, có tham khảo bản đồ hoặc kế hoạch. Có thể yêu cầu và cung cấp thông tin cá nhân. Có thể hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản về một sự kiện, ví dụ hỏi sự kiện diễn ra ở đâu và khi nào, ai đã ở đó và nó như thế nào.
BẬC 1	Có thể hiểu các câu hỏi và hướng dẫn được nói cẩn thận, chậm rãi và làm theo các hướng dẫn ngắn, đơn giản. Có thể hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản; bắt chuyện và đáp lại các câu đơn giản về các đề tài thiết thân hoặc các chủ đề rất quen thuộc. Có thể hỏi và trả lời các câu hỏi về bản thân và người khác, nơi họ sống, những người họ biết, những thứ họ có. Có thể chỉ ra thời gian bằng các cụm từ như "tuần tới", "thứ Sáu tuần trước", "trong tháng mười một", "ba giờ". Có thể đọc con số, số lượng và chi phí một cách hạn chế. Có thể gọi tên màu sắc của quần áo hoặc các đồ vật quen thuộc và có thể hỏi màu sắc của các vật.
Tiền Bậc 1	Có thể tự nêu tên và hỏi tên người khác. Có thể sử dụng và hiểu các con số đơn giản trong các cuộc trò chuyện hàng ngày. Có thể hỏi và cho biết ngày, giờ và thứ. Có thể hỏi và nói ngày sinh. Có thể hỏi và cho số điện thoại. Có thể nói tuổi của mình và hỏi tuổi người khác. Có thể hỏi những câu hỏi rất đơn giản để biết thông tin, chẳng hạn như "Đây là gì?" và hiểu câu trả lời gồm một hoặc hai từ.

3.2.9. Nói tương tác: Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn

PHỎNG VẤN VÀ TRẢ LỜI PHỎNG VẤN	
BẬC 6	Có thể duy trì quan điểm, tổ chức nội dung thảo luận và trao đổi với vai trò là người phỏng vấn và người được phỏng vấn một cách chủ động và hoàn toàn lưu loát, không gây khó khăn cho đối tác giao tiếp.
BẬC 5	Có thể chủ động tham gia vào một cuộc phỏng vấn, với tư cách là người phỏng vấn hoặc người được phỏng vấn, mở rộng và phát triển điểm được thảo luận trôi chảy mà không cần bất kỳ sự hỗ trợ nào, sử dụng được

	những từ ngữ cảm thán.
BẬC 4	Có thể thực hiện một cuộc phỏng vấn hiệu quả, trôi chảy, bắt đầu một cách tự nhiên từ các câu hỏi đã chuẩn bị, hỏi tiếp và gợi ra các câu trả lời thú vị.
	Có thể thể hiện sự chủ động trong một cuộc phỏng vấn, mở rộng và phát triển ý tưởng mà ít cần người phỏng vấn phải hỏi thêm.
BẬC 3	Có thể cung cấp thông tin cụ thể cần thiết trong một cuộc phỏng vấn/khám bệnh (ví dụ: mô tả các triệu chứng cho bác sĩ) nhưng với độ chính xác hạn chế. Có thể thực hiện một cuộc phỏng vấn được chuẩn bị sẵn, kiểm tra và xác nhận thông tin, mặc dù đôi khi có thể phải yêu cầu lặp lại nếu người khác trả lời nhanh hoặc dài.
	Có thể chủ động một cách tương đối trong một cuộc phỏng vấn/tư vấn (ví dụ: để đưa ra một chủ đề mới) nhưng mức độ tương tác rất phụ thuộc vào người phỏng vấn. Có thể mô tả các triệu chứng một cách đơn giản và xin lời khuyên khi sử dụng các dịch vụ y tế; có thể hiểu câu trả lời với điều kiện được trả lời một cách rõ ràng bằng ngôn ngữ hàng ngày. Có thể sử dụng một bảng hỏi được chuẩn bị sẵn để thực hiện một cuộc phỏng vấn có cấu trúc, và có thể hỏi tiếp một cách tự phát.
BẬC 2	Có thể làm người khác hiểu mình trong một cuộc phỏng vấn và truyền đạt ý tưởng, thông tin về các chủ đề quen thuộc, với điều kiện đôi khi có thể yêu cầu làm rõ và được giúp đỡ để bày tỏ những gì mình muốn. Có thể mô tả cho bác sĩ các triệu chứng và bệnh rất cơ bản như cảm lạnh, cảm cúm.
	Có thể trả lời các câu hỏi đơn giản và đáp lại các câu đơn giản trong một cuộc phỏng vấn. Có thể dùng ngôn ngữ đơn giản để nêu ra bản chất của vấn đề cho chuyên gia y tế, đôi khi sử dụng cử chỉ và ngôn ngữ cơ thể.
BẬC 1	Có thể nói về các chi tiết cá nhân khi được phỏng vấn bằng các câu hỏi trực tiếp đơn giản được nói rất chậm và rõ ràng, không có thành ngữ. Có thể dùng ngôn ngữ đơn giản để nêu bản chất của vấn đề với chuyên gia y tế và trả lời các câu hỏi đơn giản như "Có đau không?" nhưng phải dựa vào cử chỉ và ngôn ngữ cơ thể để củng cố thông điệp.
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

3.2.10. Nói tương tác: Giao tiếp sử dụng viễn thông

GIAO TIẾP SỬ DỤNG VIỄN THÔNG	
BẬC 6	Có thể sử dụng phương tiện viễn thông một cách tự tin và hiệu quả cho cả mục đích cá nhân và nghề nghiệp, ngay cả khi đường truyền nhiễu hoặc người gọi có giọng nói không quen thuộc.
BẬC 5	Có thể sử dụng phương tiện viễn thông hiệu quả cho hầu hết các mục đích nghề nghiệp hoặc mục đích cá nhân.
BẬC 4	Có thể sử dụng phương tiện viễn thông cho nhiều mục đích cá nhân và nghề nghiệp, miễn là có thể yêu cầu làm rõ nếu giọng hoặc thuật ngữ không quen thuộc. Có thể tham gia vào cuộc trò chuyện thông thường kéo dài qua điện thoại với một người đã biết về nhiều chủ đề khác nhau.
BẬC 3	Có thể sử dụng phương tiện viễn thông cho mục đích cá nhân hoặc nghề nghiệp hàng ngày, miễn là đôi khi có thể yêu cầu giải thích rõ. Có thể cung cấp các chi tiết quan trọng qua điện thoại về một sự cố bất ngờ (ví dụ: sự cố trong khách sạn, sự cố khi sắp xếp đi lại, sự cố với xe thuê).
	Có thể sử dụng phương tiện viễn thông để nói chuyện tương đối đơn giản nhưng kéo dài với những người mình biết. Có thể sử dụng phương tiện viễn thông cho các tin nhắn thông thường (ví dụ: sắp xếp một cuộc họp) và để đặt các dịch vụ cơ bản (ví dụ: đặt phòng khách sạn hoặc đặt lịch hẹn y tế).
BẬC 2	Có thể sử dụng phương tiện viễn thông với bạn bè của mình để trao đổi tin tức đơn giản, lên kế hoạch và sắp xếp gặp gỡ.
	Có thể nói chuyện điện thoại ngắn, đơn giản với một người đã quen biết về một chủ đề dễ dự đoán, ví dụ như thời gian đến, sắp xếp để gặp gỡ, nếu người kia nói lại và giải thích rõ. Có thể hiểu một tin nhắn điện thoại đơn giản (ví dụ: "Chuyến bay của tôi bị trễ. Tôi sẽ đến lúc mười giờ."), xác nhận chi tiết tin nhắn và chuyển nó qua điện thoại cho những người khác có liên quan.
BẬC 1	*Không có đặc tả*
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả*

3.2.11. Nói tương tác: Giao tiếp trực tuyến

TRÒ CHUYỆN VÀ THẢO LUẬN TRỰC TUYẾN	
BẬC 6	Có thể diễn đạt một cách rõ ràng và chính xác, điều chỉnh ngôn ngữ một cách linh hoạt và nhạy cảm để phù hợp với ngữ cảnh, bao gồm cả cách sử dụng cảm xúc, ám chỉ và đùa giỡn trong cuộc thảo luận trực tuyến thời gian thực. Có thể dự đoán và xử lý hiệu quả với những hiểu lầm có thể xảy ra (bao gồm cả những hiểu lầm về văn hóa), các vấn đề giao tiếp và phản ứng cảm xúc xảy ra trong một cuộc thảo luận trực tuyến. Có thể dễ dàng và nhanh chóng điều chỉnh văn phong và phong cách của mình để phù hợp với các môi trường trực tuyến, mục đích giao tiếp và hành vi nói khác nhau.
BẬC 5	Có thể tham gia trao đổi trực tuyến thời gian thực với một số người tham gia, hiểu ý định giao tiếp và ý nghĩa văn hóa của các ý kiến đóng góp khác nhau. Có thể tham gia hiệu quả vào các cuộc thảo luận trực tiếp, trực tuyến về nghề nghiệp hoặc học thuật, yêu cầu giải thích và giải thích rõ các vấn đề phức tạp, trừu tượng khi cần thiết. Có thể điều chỉnh văn phong của mình theo bối cảnh tương tác trực tuyến, chuyển từ văn phong này sang văn phong khác trong cùng một cuộc nói chuyện, trao đổi, tọa đàm nếu cần thiết. Có thể đánh giá, trình bày lại và phản bác lập luận trong cuộc trò chuyện và thảo luận trực tuyến trực tiếp mang tính chuyên nghiệp hoặc học thuật.
BẬC 4	Có thể tham gia trao đổi trực tuyến, xâu chuỗi các bình luận đóng góp vào mạch thảo luận, hiểu ngụ ý văn hóa, có phản ứng phù hợp. Có thể tham gia tích cực vào một cuộc thảo luận trực tuyến, nêu và trả lời ý kiến về các chủ đề quan tâm ở một độ dài nào đó, miễn là những người tham gia không dùng ngôn ngữ bất thường/phức tạp và chờ trả lời. Có thể tham gia vào các cuộc trao đổi trực tuyến với nhiều người, xâu chuỗi các bình luận đóng góp vào mạch thảo luận, miễn là có người điều phối cuộc thảo luận. Có thể nhận ra những hiểu lầm và bất đồng phát sinh trong giao tiếp trực tuyến và có thể giải quyết hiểu lầm, miễn là người đối thoại sẵn sàng hợp tác.
	Có thể tham gia trao đổi trực tuyến theo thời gian thực với nhiều người, nhận ra chủ định của từng người, nhưng có thể không hiểu các chi tiết

BẬC 3	hoặc hàm ý nếu không được giải thích thêm. Có thể đăng bài trực tuyến về các sự kiện, trải nghiệm và hoạt động xã hội có đính kèm các liên kết và phương tiện truyền thông và chia sẻ cảm xúc.
	Có thể đóng góp một cách dễ hiểu vào thảo luận trực tuyến về một chủ đề quan tâm quen thuộc, miễn là có chuẩn bị trước và được sử dụng các công cụ trực tuyến để sửa lỗi và kiểm tra độ chính xác của ngôn ngữ. Có thể đăng bài về trải nghiệm, cảm xúc và sự kiện của mình, trả lời các nhận xét của người khác một cách chi tiết, mặc dù đôi khi bị giới hạn từ vựng khiến dùng từ lặp lại và dựng câu không phù hợp.
BẬC 2	Có thể giới thiệu bản thân và trao đổi trực tuyến đơn giản, hỏi và trả lời các câu hỏi và trao đổi ý tưởng về các chủ đề hàng ngày, miễn là có đủ thời gian để trả lời và tương tác với từng người một. Có thể đăng bài trực tuyến mô tả ngắn gọn các chi tiết chính của các vấn đề hàng ngày, các hoạt động xã hội và cảm xúc. Có thể nhận xét về các bài đăng của người khác, nếu được viết bằng ngôn ngữ đơn giản, phản hồi các bài đính kèm bằng cách cách thể hiện cảm xúc một cách đơn giản (ngạc nhiên, quan tâm hoặc thờ ơ).
	Có thể giao tiếp trực tuyến cơ bản (ví dụ: viết một tin nhắn đơn giản trên thiệp ảo cho dịp đặc biệt, chia sẻ tin tức và xếp/xác nhận lịch gặp gỡ). Có thể đưa ra bình luận tích cực hoặc tiêu cực ngắn về các liên kết và phương tiện đính kèm bằng cách sử dụng vốn từ vựng cơ bản, mặc dù phải thường xuyên tham khảo công cụ dịch thuật trực tuyến và các tài nguyên khác.
BẬC 1	Có thể viết các tin nhắn rất đơn giản và đăng bài cá nhân bằng cách dùng các câu rất ngắn nói về sở thích, điều thích/ghét, v.v., dựa vào công cụ dịch thuật. Có thể sử dụng các cách diễn đạt có sẵn và kết hợp các từ đơn giản để đăng phản ứng tích cực hoặc tiêu cực về các bài đăng, các liên kết và bài đính kèm đơn giản; có thể trả lời các nhận xét khác bằng các câu cảm ơn hoặc xin lỗi cơ bản.
Tiền Bậc 1	Có thể đăng lời chào trực tuyến đơn giản, sử dụng các cách diễn đạt và biểu tượng cảm xúc cơ bản. Có thể đăng những tuyên bố đơn giản (ví dụ: tình trạng quan hệ, quốc tịch, nghề nghiệp), miễn là được chọn từ danh mục hoặc tham khảo công cụ dịch thuật trực tuyến.

3.2.12. Chiến lược giao tiếp

3.2.12.1. Lượt lời

LƯỢT LỜI	
BẬC 6	*Áp dụng đặc tả như Bậc 5.*
BẬC 5	Có thể chọn các từ phù hợp tùy mục đích để mở đầu phát biểu, hoặc để dành thời gian và giữ quyền phát biểu trong lúc đang suy nghĩ.
BẬC 4	Có thể dùng ngôn ngữ phù hợp để can thiệp vào thảo luận. Có thể bắt đầu, duy trì và kết thúc lượt nói thích hợp. Có thể phát biểu, tiếp lượt và kết thúc vào lúc thích hợp, mặc dù không phải lúc nào cũng nói đúng phép lịch sự. Có thể sử dụng các cụm từ cho sẵn (ví dụ: "Đây là một câu hỏi khó trả lời") để kéo dài thời gian và giữ lượt trong khi nghĩ nội dung trình bày.
BẬC 3	Có thể can thiệp vào thảo luận về chủ đề quen thuộc, sử dụng cụm từ phù hợp để lấy quyền phát biểu.
	Có thể bắt đầu, duy trì và kết thúc cuộc trò chuyện đơn giản về các chủ đề quen thuộc hoặc chủ đề quan tâm.
BẬC 2	Có thể sử dụng các kỹ thuật đơn giản để bắt đầu, duy trì hoặc kết thúc một cuộc trò chuyện ngắn. Có thể bắt đầu, duy trì và kết thúc cuộc trò chuyện đơn giản trực tiếp.
	Có thể yêu cầu người khác chú ý.
BẬC 1	*Không có đặc tả.*
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

3.2.12.2. Hợp tác trong hội thoại

HỢP TÁC TRONG HỘI THOẠI	
Lưu ý: Thang đo này được phát triển thêm trong các thang "Tạo điều kiện tương tác hợp tác với đồng nghiệp" và "Hợp tác xây dựng ý nghĩa".	
BẬC 6	Có thể khéo léo xâu chuỗi bình luận của mình vào bình luận của người khác, mở rộng phạm vi tương tác và giúp tương tác có hiệu quả.
BẬC 5	Có thể liên hệ bình luận của mình với bình luận của người khác.

BẬC 4	Có thể bình luận phản hồi và bổ sung vào các phát ngôn hoặc suy luận để phát triển cuộc thảo luận. Có thể tóm tắt và đánh giá các điểm thảo luận chính của các vấn đề trong năng lực học tập hoặc chuyên môn của mình.
	Có thể nối tiếp cuộc thảo luận về đề tài quen thuộc, hỏi để xem mọi người hiểu hay không, mời người khác tham gia, v.v. Có thể tóm tắt điểm đạt được trong cuộc thảo luận và đề xuất các bước tiếp theo.
BẬC 3	Có thể khai thác vốn ngôn ngữ cơ bản và chiến lược để giúp tiếp tục hội thoại hoặc thảo luận. Có thể tóm tắt điểm đạt được trong một cuộc thảo luận và giúp ý kiến tranh luận được tập trung.
	Có thể lặp lại một phần người khác đã nói để xác nhận sự hiểu biết lẫn nhau và giúp phát triển ý tưởng đúng hướng. Có thể mời người khác tham gia thảo luận.
BẬC 2	Có thể thể hiện mình đang theo dõi cuộc thảo luận.
BẬC 1	*Không có đặc tả.*
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

3.2.12.3. Đề nghị giải thích, làm rõ

YÊU CẦU LÀM RÕ	
BẬC 6	*Áp dụng đặc tả như Bậc 5.*
BẬC 5	Có thể yêu cầu giải thích hoặc làm rõ để đảm bảo hiểu những ý tưởng phức tạp, trừu tượng trong bối cảnh chuyên môn hoặc học thuật, trong cả điều kiện trực tiếp và trực tuyến.
BẬC 4	Có thể đặt câu hỏi phụ để xem đã hiểu ý người khác chưa và làm rõ những điểm mơ hồ.
	Có thể yêu cầu giải thích hoặc làm rõ để hiểu ý phức tạp, trừu tượng. Có thể đặt câu hỏi phụ cho thành viên của nhóm để làm rõ vấn đề tiềm ẩn hoặc chưa được diễn đạt rõ ràng.
	Có thể hỏi thêm chi tiết và yêu cầu các thành viên trong nhóm giải thích

BẬC 3	rõ để thúc đẩy thảo luận.
	Có thể yêu cầu ai đó làm rõ hoặc giải thích những gì họ vừa nói.
BẬC 2	Có thể yêu cầu người khác nói lại theo cách rất đơn giản khi chưa hiểu. Có thể yêu cầu làm rõ các từ khóa hoặc cụm từ chưa hiểu bằng cách sử dụng cụm từ có sẵn.
	Có thể cho thấy mình không hiểu. Có thể cho thấy mình không hiểu và yêu cầu người khác đánh vần từ.
BẬC 1	Có thể dùng lời nói, ngữ điệu và cử chỉ để cho thấy là mình không hiểu. Có thể diễn đạt một cách đơn giản là mình không hiểu.
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

PHẦN 4: KỸ NĂNG VIẾT

4.1. Viết sản sinh

4.1.1. Đặc tả tổng quát cho kỹ năng viết sản sinh

VIẾT SẢN SINH TỔNG QUÁT	
BẬC 6	Có thể viết các văn bản rõ ràng, trôi chảy, phức tạp theo phong cách phù hợp và hiệu quả, cấu trúc logic giúp người đọc tìm ra những điểm quan trọng.
BẬC 5	Có thể viết các văn bản rõ ràng, có cấu trúc tốt về các chủ đề phức tạp, nhấn mạnh các vấn đề nổi bật có liên quan, mở rộng và hỗ trợ các quan điểm có chi tiết với các các luận cứ và luận chứng liên quan, và kết luận phù hợp. Có thể sử dụng cấu trúc và quy ước của nhiều thể loại văn bản, thay đổi giọng điệu, phong cách và văn phong tuỳ người nhận, loại văn bản và chủ đề.
BẬC 4	Có thể viết văn bản rõ ràng, chi tiết về nhiều chủ đề liên quan đến lĩnh vực mình quan tâm, đồng thời tổng hợp và đánh giá thông tin, lập luận từ một số nguồn.
BẬC 3	Có thể viết các văn bản đơn giản có tính kết nối về một loạt các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực quan tâm, bằng cách liên kết một loạt các yếu tố rời rạc ngắn hơn thành một trình tự tuyến tính.
BẬC 2	Có thể viết một loạt các cụm từ và câu đơn giản được liên kết bằng các từ nối đơn giản như "và", "nhưng" và "bởi vì".

BẬC 1	Có thể cung cấp thông tin bằng văn bản về các vấn đề cá nhân (ví dụ: điều thích và không thích, gia đình, vật nuôi) bằng cách sử dụng các từ đơn giản và cách diễn đạt cơ bản. Có thể viết các cụm từ và câu rời rạc đơn giản.
Tiền Bậc 1	Có thể cung cấp thông tin cá nhân cơ bản bằng văn bản (ví dụ: tên, địa chỉ, quốc tịch), có thể bằng cách sử dụng từ điển.

4.1.2. Viết sản sinh: Viết sáng tạo

VIẾT SÁNG TẠO	
BẬC 6	Có thể viết những câu chuyện và mô tả trải nghiệm rõ ràng, trôi chảy và hấp dẫn theo phong cách phù hợp với thể loại được áp dụng. Có thể khai thác thành ngữ và sự hài hước một cách thích hợp để tăng hiệu quả của văn bản.
BẬC 5	Có thể mô tả rõ ràng, chi tiết, có cấu trúc, phát triển ý đầy đủ và viết các văn bản giàu trí tưởng tượng theo phong cách chắc chắn, mang tính cá nhân, tự nhiên phù hợp với người đọc. Có thể kết hợp thành ngữ và yếu tố hài hước, mặc dù việc sử dụng yếu tố hài hước không phải lúc nào cũng phù hợp. Có thể viết một bài phê bình chi tiết về các sự kiện văn hóa (ví dụ: kịch, phim, hòa nhạc) hoặc các tác phẩm văn học.
BẬC 4	Có thể viết mô tả rõ ràng, chi tiết về các sự kiện và trải nghiệm thực tế hoặc tưởng tượng đánh dấu mối quan hệ giữa các ý tưởng trong văn bản được kết nối rõ ràng và tuân theo các quy ước của thể loại văn học.
	Có thể viết mô tả rõ ràng, chi tiết về nhiều chủ đề liên quan đến lĩnh vực quan tâm. Có thể viết đánh giá về một bộ phim, cuốn sách hoặc vở kịch.
BẬC 3	Có thể đưa ra các chỉ báo rõ ràng về trình tự thời gian trong văn bản trần thuật. Có thể viết một bài đánh giá đơn giản về một bộ phim, cuốn sách hoặc chương trình truyền hình bằng vốn ngôn ngữ hạn chế.
	Có thể viết mô tả đơn giản, chi tiết về một loạt các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực quan tâm. Có thể viết văn bản ngắn về trải nghiệm, mô tả cảm xúc và phản ứng trong các thể loại văn bản có cấu trúc đơn giản. Có thể mô tả sự kiện, chuyến đi gần đây, dựa trên thực tế hoặc tưởng tượng. Có thể tường thuật một câu chuyện.

	Có thể viết về các khía cạnh hàng ngày về môi trường sống của mình, ví dụ như con người, địa điểm, công việc hoặc kinh nghiệm học tập bằng các câu liên kết. Có thể mô tả rất ngắn và cơ bản về các sự kiện, hoạt động trong quá khứ và trải nghiệm của bản thân. Có thể kể một câu chuyện đơn giản (ví dụ: về các sự kiện trong kỳ nghỉ hoặc về cuộc sống trong tương lai xa).
BẬC 2	Có thể viết một loạt các cụm từ và câu đơn giản về gia đình, điều kiện sống, nền tảng giáo dục, công việc hiện tại hoặc gần đây nhất. Có thể viết tiểu sử ngắn, đơn giản dựa theo trí tưởng tượng và viết những bài thơ đơn giản về con người. Có thể viết các đoạn nhật ký mô tả các hoạt động (ví dụ: thói quen hàng ngày, đi chơi, thể thao, sở thích), con người và địa điểm, sử dụng từ vựng cơ bản, cụ thể và các cụm từ và câu đơn giản có các từ nối như "và", "nhưng" và "bởi vì". Có thể viết phần giới thiệu cho một câu chuyện hoặc tiếp tục một câu chuyện, nếu được tham khảo từ điển và tài liệu tham khảo (ví dụ: bảng thì động từ trong sách học).
BẬC 1	Có thể viết các cụm từ và câu đơn giản về bản thân và những người tưởng tượng, về nơi ở của họ và những gì họ làm. Có thể mô tả một căn phòng bằng ngôn ngữ rất đơn giản. Có thể sử dụng các từ và cụm từ đơn giản để mô tả một số vật dụng hàng ngày (ví dụ: màu sắc, kích thước của một chiếc xe hơi).
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

4.1.3. Viết sản sinh: Viết báo cáo và tiểu luận

VIẾT BÁO CÁO VÀ TIỂU LUẬN	
BẬC 6	Có thể viết báo cáo, bài báo hoặc tiểu luận phức tạp một cách rõ ràng, trôi chảy, đánh giá phê bình các đề xuất hoặc các tác phẩm văn học. Có thể cung cấp một cấu trúc logic phù hợp và hiệu quả giúp người đọc tìm ra những điểm quan trọng. Có thể đặt ra nhiều quan điểm về các chủ đề học thuật hoặc chuyên môn phức tạp, phân biệt rõ ràng ý tưởng và ý kiến của riêng mình với những ý tưởng và ý kiến từ các nguồn khác nhau.

BẬC 5	Có thể mô tả các chủ đề phức tạp một cách rõ ràng, có cấu trúc, nhấn mạnh các vấn đề nổi bật có liên quan. Có thể mở rộng và hỗ trợ các quan điểm một cách chi tiết và dùng các luận cứ và luận chứng liên quan. Có thể viết phần giới thiệu và kết luận cho một báo cáo, bài báo hoặc luận án dài xoay quanh một chủ đề học thuật hoặc chuyên môn phức tạp với điều kiện chủ đề đó nằm trong lĩnh vực mà họ quan tâm và có cơ hội soạn thảo, sửa đổi lại.
BẬC 4	Có thể viết một bài luận hoặc báo cáo trong đó có phát triển một lập luận một cách có hệ thống bằng cách làm nổi bật các điểm quan trọng và luận cứ liên quan một cách thích hợp. Có thể mô tả một quá trình phức tạp một cách chi tiết. Có thể đánh giá các ý tưởng hoặc giải pháp khác nhau cho một vấn đề.
	Có thể viết một bài luận hoặc báo cáo phát triển một lập luận, đưa ra lý do ủng hộ hoặc chống lại một quan điểm cụ thể và giải thích những lợi thế và bất lợi của các phương án khác nhau. Có thể tổng hợp thông tin và lập luận từ một số nguồn.
BẬC 3	Có thể viết các bài luận ngắn, đơn giản về các chủ đề quan tâm. Có thể viết một văn bản về một chủ đề thời sự mình quan tâm, sử dụng ngôn ngữ đơn giản để liệt kê ưu điểm và nhược điểm, đưa ra ý kiến và biện minh cho ý kiến của mình. Có thể tóm tắt, báo cáo và đưa ra ý kiến của mình về thông tin thực tế của các vấn đề quen thuộc, xảy ra thường xuyên hoặc không thường xuyên, trong lĩnh vực của mình một cách tương đối chắc chắn.
	Có thể viết báo cáo rất ngắn gọn theo định dạng quy ước tiêu chuẩn, truyền tải thông tin thực tế thông thường và nêu lý do hành động. Có thể trình bày một chủ đề trong một báo cáo ngắn hoặc áp phích, sử dụng ảnh và các đoạn văn bản ngắn.
BẬC 2	Có thể viết các văn bản đơn giản về các chủ đề quan tâm quen thuộc, liên kết các câu bằng các từ nối như "và", "bởi vì" hoặc "sau đó". Có thể đưa ra cảm nghĩ và ý kiến của mình bằng văn bản về các chủ đề quan tâm cá nhân (ví dụ: lối sống và văn hóa, câu chuyện), sử dụng từ vựng và cách diễn đạt cơ bản hàng ngày.
BẬC 1	*Không có đặc tả.*
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

4.2. Viết tương tác

4.2.1. Đặc tả tổng quát cho kỹ năng viết tương tác

VIẾT TƯƠNG TÁC TỔNG QUÁT	
BẬC 6	Có thể bày tỏ bản thân bằng giọng điệu và phong cách thích hợp trong hầu hết mọi loại hình tương tác bằng văn bản trang trọng hoặc thân mật.
BẬC 5	Có thể diễn đạt rõ ràng và chính xác, truyền tải thông tin đến người nhận một cách linh hoạt và hiệu quả.
BẬC 4	Có thể diễn đạt tin tức và quan điểm một cách hiệu quả bằng văn viết và truyền tải thông tin đến những người khác.
BẬC 3	Có thể truyền đạt thông tin và ý tưởng về các chủ đề trừu tượng cũng như cụ thể, kiểm tra thông tin và hỏi về các vấn đề hoặc giải thích các vấn đề với độ chính xác hợp lý.
	Có thể viết thư và ghi chú cá nhân yêu cầu thông tin hoặc truyền đạt thông tin đơn giản mật thiết, truyền đạt điểm mình cho là quan trọng.
BẬC 2	Có thể viết ghi chú thường nhật ngắn và đơn giản liên quan đến các vấn đề cấp thiết.
BẬC 1	Có thể yêu cầu thông tin hoặc chuyển thông tin cá nhân dưới dạng văn bản.
Tiền Bậc 1	Có thể viết các cụm từ ngắn để cung cấp thông tin cơ bản (ví dụ: tên, địa chỉ, gia đình) trên biểu mẫu hoặc trong ghi chú, có sử dụng từ điển.

4.2.2. Viết tương tác: Trao đổi thư tín

TRAO ĐỔI THƯ TÍN	
BẬC 6	Có thể viết hầu như bất kỳ loại thư từ cần thiết nào trong quá trình làm việc chuyên môn của mình với giọng văn và văn phong phù hợp.
BẬC 5	Có thể diễn đạt bản thân một cách rõ ràng và chính xác trong thư từ cá nhân, sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và hiệu quả, bao gồm cả việc sử dụng cảm xúc, ám chỉ và trêu đùa. Có thể dùng cách diễn đạt tốt và chính xác để viết thư trang trọng, ví dụ như thư giải thích, xin việc, đề xuất, giới thiệu, khiếu nại, an ủi và chia buồn.
BẬC 4	Có thể duy trì mối quan hệ thông qua thư từ cá nhân bằng cách sử dụng ngôn ngữ trôi chảy và hiệu quả để mô tả chi tiết về trải nghiệm, đặt câu

	hỏi một cách thông cảm và hỏi thêm về các vấn đề cùng quan tâm. Trong hầu hết các trường hợp, có thể hiểu các thành ngữ và cách diễn đạt đời thường trong thư từ và các phương tiện liên lạc khác, sử dụng những cách diễn đạt phổ biến phù hợp nhất với tình huống. Có thể viết thư trang trọng như thư yêu cầu, kiến nghị, xin việc và khiếu nại với văn phong, cấu trúc và quy ước phù hợp. Có thể viết một lá thư khiếu nại kiên quyết nhưng lịch sự, bao gồm các luận chứng và yêu cầu kết quả.
	Có thể viết thư truyền đạt nhiều mức độ cảm xúc khác nhau và nêu bật tầm quan trọng của các sự kiện, trải nghiệm và bình luận về tin tức và quan điểm của người nhận thư. Có thể sử dụng hình thức và quy ước phù hợp với bối cảnh khi viết thư và thư điện tử cá nhân và chuyên môn. Có thể viết thư điện tử/thư mời chính thức, cảm ơn hoặc xin lỗi bằng cách dùng văn phong và quy ước thích hợp. Có thể viết các thư chuyên môn bất thường, sử dụng cấu trúc và quy ước thích hợp, miễn là các vấn đề trong thư là có thật. Có thể trao đổi bằng thư hoặc thư điện tử thông tin cần thiết cho một mục đích cụ thể, đối chiếu và chuyển tiếp thông tin qua thư cho người khác.
BẬC 3	Có thể viết thư cá nhân đưa ra tin tức và bày tỏ suy nghĩ về các chủ đề trừu tượng hoặc văn hóa như âm nhạc, phim ảnh. Có thể viết thư bày tỏ ý kiến khác nhau và mô tả chi tiết về cảm xúc và trải nghiệm bản thân. Có thể viết thư hỏi về một quảng cáo và hỏi thêm thông tin về các mặt hàng quan tâm. Có thể viết thư điện tử/thư trang trọng cơ bản, ví dụ để khiếu nại và yêu cầu xử lý.
	Có thể viết thư cá nhân mô tả trải nghiệm, cảm xúc và sự kiện một cách chi tiết. Có thể viết thư điện tử/thư cơ bản có tính chất thực tế, ví dụ như để yêu cầu thông tin, xin xác nhận hoặc cho xác nhận. Có thể viết một thư xin việc cơ bản có ít chi tiết đi kèm.
BẬC 2	Có thể trao đổi thông tin bằng tin nhắn văn bản, thư điện tử hoặc thư ngắn, trả lời các câu hỏi của người khác (ví dụ: về một sản phẩm hoặc hoạt động mới).
	Có thể truyền đạt thông tin cá nhân có tính chất thường xuyên, ví dụ như

	trong một thư điện tử hoặc thư giới thiệu ngắn. Có thể viết thư cá nhân rất đơn giản để cảm ơn hoặc xin lỗi. Có thể viết các ghi chú, thư điện tử, tin nhắn văn bản ngắn và đơn giản (ví dụ: để gửi hoặc trả lời lời mời, để xác nhận hoặc thay đổi lịch hẹn). Có thể viết một đoạn ngắn trong thiệp chúc mừng (ví dụ: sinh nhật của ai đó hoặc chúc một năm mới hạnh phúc).
BẬC 1	Có thể viết tin nhắn và bài đăng trực tuyến dưới dạng một loạt các câu rất ngắn về sở thích và những điều thích/không thích, sử dụng các từ đơn giản và các cụm từ có sẵn, có sử dụng từ điển. Có thể viết một tấm bưu thiếp ngắn, đơn giản. Có thể viết một tin nhắn ngắn, rất đơn giản (ví dụ: tin nhắn văn bản) cho bạn bè để cung cấp cho họ một mẩu thông tin hoặc đặt câu hỏi cho họ.
Tiền Bậc 1	Có thể viết các cụm từ và câu ngắn cung cấp thông tin cá nhân cơ bản có sử dụng từ điển.

4.2.3. Viết tương tác: Ghi chú, tin nhắn, biểu mẫu

GHI CHÚ, TIN NHẮN VÀ BIỂU MẪU	
BẬC 6	*Áp dụng đặc tả như Bậc 4.*
BẬC 5	*Áp dụng đặc tả như Bậc 4.*
BẬC 4	Có thể nhận hoặc để lại các tin nhắn cá nhân hoặc chuyên môn phức tạp, miễn là có thể yêu cầu làm rõ hoặc giải thích chi tiết nếu cần thiết.
BẬC 3	Có thể nhận các tin nhắn thông thường có khả năng xảy ra trong bối cảnh cá nhân, nghề nghiệp hoặc học thuật. Có thể nhận tin nhắn truyền đạt thắc mắc, giải thích vấn đề.
	Có thể viết ghi chú truyền đạt thông tin đơn giản có liên quan trực tiếp đến bạn bè, người phục vụ, giáo viên và những người khác xuất hiện trong cuộc sống hàng ngày, hiểu rõ những điểm cảm thấy quan trọng. Có thể nhận tin nhắn qua điện thoại có chứa một số ý quan trọng, miễn là người gọi nói rõ ràng và chậm rãi.
BẬC 2	Có thể lấy một thông điệp ngắn, đơn giản miễn là có thể yêu cầu lặp lại và sửa đổi.
	Có thể viết các ghi chú và thông điệp ngắn, đơn giản liên quan đến các vấn đề trong các lĩnh vực cần thiết.

	Có thể điền thông tin cá nhân và các chi tiết khác vào hầu hết các biểu mẫu hàng ngày, ví dụ: mở tài khoản ngân hàng, gửi thư có biên nhận, v.v.
BẬC 1	Có thể viết số và ngày, tên riêng, quốc tịch, địa chỉ, tuổi, ngày sinh hoặc ngày đến quốc gia, v.v. ví dụ như trên mẫu đăng ký phòng khách sạn. Có thể để lại một tin nhắn đơn giản cung cấp thông tin, ví dụ: đã đi đâu, thời gian sẽ trở lại. (ví dụ: "Mua sắm: trở lại lúc 5 giờ chiều").
Tiền Bậc 1	Có thể điền vào các mẫu rất đơn giản các chi tiết cá nhân cơ bản: tên, địa chỉ, quốc tịch, tình trạng hôn nhân.

4.2.4. Viết tương tác: Giao dịch trực tuyến và hợp tác có mục đích

GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN VÀ HỢP TÁC CÓ MỤC ĐÍCH	
BẬC 6	Có thể giải quyết những hiểu lầm và xử lý hiệu quả những xích mích phát sinh trong quá trình hợp tác. Có thể cung cấp hướng dẫn và tăng tính chính xác cho công việc nhóm ở giai đoạn soạn thảo lại và chỉnh sửa.
BẬC 5	Có thể điều phối một nhóm đang làm dự án trực tuyến, xây dựng và sửa đổi các hướng dẫn chi tiết, đánh giá các đề xuất từ các thành viên trong nhóm và làm rõ chi tiết để hoàn thành công việc chung. Có thể xử lý các giao dịch trực tuyến phức tạp trong vai trò hỗ trợ dịch vụ (ví dụ: các ứng dụng có yêu cầu phức tạp), điều chỉnh ngôn ngữ linh hoạt để thảo luận và đàm phán. Có thể tham gia vào các dự án phức tạp đòi hỏi phải viết và soạn thảo lại cũng như cộng tác qua các hình thức trực tuyến khác, làm theo hướng dẫn hoặc chuyển tiếp các hướng dẫn một cách chính xác để đạt được mục tiêu. Có thể giải quyết hiệu quả các vấn đề giao tiếp và các vấn đề văn hóa phát sinh trong trao đổi hợp tác hoặc giao dịch trực tuyến bằng cách diễn đạt lại, làm rõ và minh họa thông qua các phương tiện truyền thông (hình ảnh, âm thanh, đồ họa).
BẬC 4	Có thể đóng vai trò lãnh đạo việc hợp tác trực tuyến trong (các) lĩnh vực chuyên môn của mình, giữ cho nhóm bám sát nhiệm vụ bằng cách nhắc nhở về vai trò, trách nhiệm và thời hạn để đạt được các mục tiêu đã đặt ra. Có thể tham gia trao đổi trực tuyến để hợp tác hoặc giao dịch trong (các) lĩnh vực chuyên môn đòi hỏi phải đàm phán điều kiện, giải thích các chi tiết phức tạp hoặc các yêu cầu đặc biệt. Có thể giải quyết những hiểu lầm và các vấn đề phát sinh trong trao đổi trực tuyến, hợp tác hoặc giao dịch bằng cách trả lời một cách lịch sự và

	thích hợp để giúp giải quyết vấn đề.
	Có thể cộng tác trực tuyến với một nhóm đang làm dự án, biện giải các đề xuất, hỏi để hiểu rõ và hỗ trợ hoàn thành các nhiệm vụ chung.
BẬC 3	Có thể tham gia vào các giao dịch trực tuyến cần trao đổi thông tin kéo dài, miễn là người đối thoại tránh sử dụng ngôn ngữ phức tạp, sẵn sàng lặp lại và nói rõ khi cần thiết. Có thể tương tác trực tuyến với một nhóm đang làm dự án, làm theo các hướng dẫn đơn giản, hỏi để hiểu rõ và giúp hoàn thành các nhiệm vụ chung.
	Có thể tham gia vào các trao đổi hợp tác hoặc giao dịch trực tuyến yêu cầu làm rõ hoặc giải thích các chi tiết liên quan một cách đơn giản, chẳng hạn như đăng ký khóa học, chuyến du lịch, đăng ký sự kiện hoặc đăng ký thành viên. Có thể tương tác trực tuyến với một người hoặc một nhóm nhỏ làm dự án, miễn là có các phương tiện trực quan như hình ảnh, thống kê và đồ thị để làm rõ các khái niệm phức tạp hơn. Có thể trả lời các hướng dẫn hoặc đặt câu hỏi để hiểu rõ để hoàn thành công việc chung thông qua làm việc trực tuyến.
BẬC 2	Có thể sử dụng ngôn ngữ có sẵn để đáp ứng các vấn đề thông thường hay phát sinh trong các giao dịch trực tuyến (ví dụ: tính khả dụng của các mẫu hàng hoá và các ưu đãi đặc biệt, ngày giao hàng, địa chỉ, v.v.). Có thể tương tác trực tuyến với một người hỗ trợ để cùng làm một công việc đơn giản, trả lời các hướng dẫn cơ bản và hỏi để hiểu rõ, miễn là có một số phương tiện trực quan như hình ảnh, thống kê hoặc đồ thị để làm rõ các khái niệm liên quan.
	Có thể thực hiện các giao dịch trực tuyến đơn giản (chẳng hạn như đặt hàng hoặc đăng ký khóa học) bằng cách điền vào biểu mẫu hoặc bảng câu hỏi trực tuyến, cung cấp thông tin cá nhân, xác nhận các điều khoản và điều kiện, từ chối các dịch vụ bổ sung, v.v. Có thể đặt câu hỏi cơ bản về tính năng hoặc tính khả dụng của sản phẩm. Có thể trả lời các hướng dẫn đơn giản và đặt câu hỏi đơn giản để hoàn thành công việc chung qua phương tiện trực tuyến khi có người hỗ trợ.
BẬC 1	Có thể hoàn thành việc mua hàng hoặc ứng dụng trực tuyến rất đơn giản, cung cấp thông tin cá nhân cơ bản (như tên, địa chỉ, thư điện tử hoặc số điện thoại).
Tiền Bậc 1	Có thể lựa chọn (ví dụ: chọn sản phẩm, kích thước, màu sắc) trong một mẫu đơn đăng ký hoặc mua hàng trực tuyến đơn giản, miễn là có hỗ trợ trực quan.

4.3. Các chiến lược sản sinh

4.3.1. Lên kế hoạch

LÊN KẾ HOẠCH	
BẬC 6	*Áp dụng đặc tả như Bậc 5*
BẬC 5	Có thể theo các quy ước của từng loại văn bản cụ thể có liên quan khi chuẩn bị viết văn bản trang trọng (ví dụ: quy ước về cấu trúc hoặc mức độ trang trọng).
BẬC 4	Có thể lên kế hoạch xem cần viết gì khi gặp tình huống phức tạp hoặc khó xử bằng cách suy nghĩ xem cách diễn đạt nào sẽ phù hợp khi gặp các trường hợp phản ứng khác nhau.
	Có thể soạn thảo nội dung viết/nói và cách viết/nói, đồng thời xem xét phản ứng từ phía người nhận.
BẬC 3	Có thể luyện tập các cụm từ và các cách diễn đạt mới, đồng thời mời ý kiến đóng góp.
	Có thể tìm ra cách truyền tải các điểm muốn diễn đạt, khai thác tài nguyên có sẵn, giới hạn nội dung ở những điểm có thể nhớ được hoặc tự tìm cách diễn đạt.
BẬC 2	Có thể nhớ lại và luyện tập một loạt các cụm từ thích hợp trong vốn từ vựng của mình.
BẬC 1	*Không có đặc tả.*
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

4.3.2. Sử dụng kỹ năng bù trừ (sử dụng cho cả Nói và Viết)

KỸ NĂNG BÙ TRỪ	
BẬC 6	Có thể dùng thuật ngữ tương đương thay thế cho từ không nhớ được trơn tru đến mức người đối thoại không nhận ra được.
BẬC 5	Có thể dùng vốn từ vựng của mình một cách sáng tạo để dùng từ một cách dễ dàng và hiệu quả trong hầu hết mọi tình huống.
BẬC 4	Có thể diễn đạt vòng hoặc diễn đạt theo cách khác để bù vào phần từ vựng và cấu trúc không biết.
	Có thể giải quyết hầu hết các vấn đề trong giao tiếp bằng cách diễn đạt

	vòng hoặc tránh các cách diễn đạt khó.
BẬC 3	Có thể mô tả các đặc điểm của một vật cụ thể khi không nhớ được từ gọi tên vật đó. Có thể truyền đạt ý nghĩa bằng cách sử dụng một từ có nghĩa tương tự (ví dụ: một chiếc xe tải chở người = xe buýt).
	Có thể sử dụng một từ đơn giản có nghĩa tương tự như khái niệm muốn truyền đạt và hỏi để người khác "chỉnh lại". Có thể tự chuyển thể một từ trong ngôn ngữ thứ nhất sang tiếng nước ngoài và yêu cầu người đối thoại xác nhận từ đó có trong ngôn ngữ đích không.
BẬC 2	Có thể sử dụng một từ chưa đúng nghĩa trong vốn từ vựng và sử dụng cử chỉ để làm rõ những gì muốn truyền đạt.
	Có thể diễn đạt ý muốn bằng cách chỉ vào đồ vật (ví dụ: "Tôi muốn cái này, làm ơn").
BẬC 1	Có thể sử dụng cử chỉ để hỗ trợ diễn đạt các từ đơn giản nhằm thể hiện ý muốn.
Tiền Bậc 1	Có thể chỉ vào một cái gì đó và hỏi nó là gì.

4.3.3. Xem xét và chỉnh sửa

XEM XÉT VÀ CHỈNH SỬA	
BẬC 6	Có thể diễn đạt/diễn đạt lại một ý khó theo cách khác trơn tru đến mức người đối thoại gần như không nhận ra.
BẬC 5	Có thể nói lại khi gặp khó khăn trong diễn đạt và diễn đạt lại ý muốn nói mà không làm gián đoạn mạch nói. Có thể tự chỉnh sửa ngôn ngữ mình dùng một cách hiệu quả.
BẬC 4	Thường có thể tự sửa chữa bài viết của mình, thỉnh thoảng mắc lỗi không hệ thống và sai sót nhỏ trong cấu trúc câu.
	Có thể sửa chữa nếu nhận ra sai sót, hoặc nếu các sai sót dẫn đến hiểu lầm. Có thể ghi lại 'những lỗi hay gặp' và tự ý thức sửa chữa.
BẬC 3	Có thể sửa các sai sót về cách diễn đạt thời gian hoặc cách diễn đạt dẫn đến hiểu lầm miễn là người đối thoại chỉ ra vấn đề.
	Có thể yêu cầu xác nhận rằng một biểu mẫu được sử dụng là chính xác.

	Có thể bắt đầu lại bằng cách sử dụng một chiến thuật khác khi giao tiếp bị phá vỡ.
BẬC 2	*Không có đặc tả.*
BẬC 1	*Không có đặc tả.*
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

5. KỸ NĂNG TRUNG GIAN

5.1. Đặc tả kỹ năng trung gian tổng quan

KỸ NĂNG TRUNG GIAN TỔNG QUAN	
BẬC 6	Có thể làm trung gian một cách hiệu quả và tự nhiên, đóng nhiều vai tùy thuộc vào nhu cầu của những người tham gia cũng như bối cảnh, nhận ra các sắc thái và ý ngầm để định hướng một cuộc thảo luận tế nhị hoặc nhạy cảm. Có thể dùng ngôn ngữ trôi chảy, mạch lạc, cấu trúc rõ ràng để trình bày bằng chứng và luận điểm, truyền tải một cách chính xác các quan điểm đánh giá và gần như toàn bộ các sắc thái, và chỉ ra các cách ngụ ý thường dùng trong văn hóa xã hội (ví dụ như giọng điệu, lối nói giảm nói tránh, lối nói trớ trêu, nói mỉa mai).
BẬC 5	Có thể làm trung gian một cách hiệu quả, giúp duy trì tương tác tích cực bằng cách diễn giải các quan điểm khác nhau, hạn chế việc không rõ ý, dự kiến những tình huống hiểu nhầm và can thiệp một cách ngoại giao để chuyển hướng cuộc hội thoại. Có thể xây dựng quan điểm dựa trên các đóng góp khác nhau trong một cuộc thảo luận, thúc đẩy tư duy lý luận bằng nhiều câu hỏi. Có thể truyền tải trôi chảy và rõ ràng các ý tưởng có giá trị, các quan điểm đánh giá và hầu hết các sắc thái bằng ngôn ngữ chuẩn tắc trong các văn bản dài và phức tạp, dù có thể không liên quan đến lĩnh vực mình quan tâm.
BẬC 4	Có thể tạo lập môi trường hỗ trợ việc chia sẻ ý tưởng và có thể họp bàn các vấn đề nhạy cảm, tôn trọng các quan điểm khác nhau, khuyến khích mọi người nghiên cứu vấn đề và tự điều chỉnh cách diễn đạt một cách nhạy bén. Có thể đề xuất cách tiến hành dựa trên ý tưởng của người khác. Có thể truyền tải nội dung chính của các văn bản mạch lạc song dài và khó về các đề tài thuộc lĩnh vực chuyên môn, học thuật và lĩnh vực quan tâm chính, làm rõ quan điểm và mục tiêu của các diễn giả.
	Có thể phối hợp làm việc cùng những người không cùng kiến thức nền, tạo bầu không khí tích cực bằng cách hỗ trợ, hỏi các câu hỏi nhằm xác

	định mục tiêu chung, cùng so sánh các lựa chọn giải quyết mục tiêu và có thể giải thích các đề xuất cho các bước tiếp theo. Có thể phát triển thêm ý tưởng của người khác, đặt các câu hỏi nhằm gợi mở các câu trả lời từ nhiều góc nhìn và đề xuất giải pháp hoặc các bước làm tiếp theo. Có thể truyền tải thông tin chi tiết và các lý lẽ tranh luận một cách đáng tin cậy, ví dụ như truyền tải các điểm chính của một văn bản phức tạp song có cấu trúc mạch lạc thuộc lĩnh vực chuyên môn, học thuật và lĩnh vực quan tâm chính.
BẬC 3	Có thể phối hợp làm việc cùng những người không cùng kiến thức nền, thể hiện sự chú ý và thái độ cảm thông bằng việc hỏi cũng như trả lời các câu hỏi đơn giản, đưa ra các gợi ý và trả lời các gợi ý của người khác, hỏi để xem người khác có đồng ý hay không, và đề xuất các hướng tiếp cận khác. Có thể truyền tải ý chính trong các văn bản dài dùng ngôn ngữ không quá phức tạp về chủ đề mình quan tâm, với điều kiện là có thể tự kiểm tra nghĩa của các cách diễn đạt cụ thể.
	Có thể giới thiệu nhiều người có kiến thức nền khác nhau, ý thức được rằng có một số câu hỏi có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, đồng thời mời mọi người chia sẻ kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm, và quan điểm. Có thể truyền tải thông tin nằm trong các văn bản mang tính chất cung cấp thông tin có cấu trúc mạch lạc, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hoặc nằm trong lĩnh vực mình quan tâm, hoặc các chủ đề thuộc lĩnh vực quan tâm hiện thời, kể cả khi gặp hạn chế về ngôn từ gây khó khăn trong diễn đạt.
BẬC 2	Có thể đóng vai trò hỗ trợ trong việc giao tiếp, nếu những người tham gia hội thoại nói chậm và một (hoặc nhiều) người tham gia có giúp đỡ đóng góp và gợi ý. Có thể truyền tải thông tin liên quan trong các đoạn văn bản nhằm cung cấp thông tin có nội dung ngắn, đơn giản, có cấu trúc rõ ràng, nếu như văn bản đề cập tới các chủ đề quen thuộc, dễ nắm bắt và sử dụng ngôn ngữ đơn giản hàng ngày.
	Có thể dùng các từ đơn giản để yêu cầu người khác giải thích. Có thể nhận thấy khi gặp khó khăn trong giao tiếp và dùng ngôn ngữ đơn giản để diễn đạt bản chất của vấn đề. Có thể truyền tải ý chính của các đoạn hội thoại ngắn và đơn giản hoặc của các đoạn văn bản về các chủ đề thường nhật thuộc về lĩnh vực quan tâm gần gũi nếu như ngôn ngữ đơn giản và thể hiện rõ nội dung.
BẬC 1	Có thể diễn đạt thông tin đơn giản và ký hiệu giao tiếp phi ngôn ngữ để thể hiện sự hứng thú với một ý tưởng nhất định. Có thể truyền tải các thông tin cơ bản, dễ đoán thuộc lĩnh vực quan tâm gần gũi được đưa ra trong các biển báo, thông báo, tờ rơi và các chương trình ngắn gọn, đơn giản.

Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

5.2. Truyền tải thông tin cụ thể bằng lời nói

TRUYỀN TẢI THÔNG TIN CỤ THỂ BẰNG LỜI NÓI	
BẬC 6	*Áp dụng đặc tả như Bậc 5*
BẬC 5	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích xem thông tin cụ thể trong một văn bản dài, phức tạp được viết bằng Ngôn ngữ A có liên quan như thế nào.
BẬC 4	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải các bài thuyết trình được trình bày bằng Ngôn ngữ A tại một hội nghị, những bài viết trong một cuốn sách được viết bằng Ngôn ngữ A đặc biệt phù hợp cho một mục đích cụ thể. Có thể chuyển ngữ sang Ngôn ngữ B những bài thuyết trình bằng Ngôn ngữ A tại hội nghị, hoặc xác định được những bài viết phù hợp với mục đích cụ thể trong sách sử dụng Ngôn ngữ A.
	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải (các) điểm chính có trong thư từ chính thức và/hoặc báo cáo về các chủ đề chung và về các chủ đề liên quan đến lĩnh vực quan tâm của mình được viết bằng Ngôn ngữ A.
BẬC 3	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải nội dung của các thông báo công cộng và thông điệp được nói một cách rõ ràng, chuẩn mực bằng Ngôn ngữ A ở tốc độ bình thường. Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải nội dung của các chỉ dẫn hoặc hướng dẫn chi tiết, được trình bày rõ ràng bằng Ngôn ngữ A. Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải thông tin cụ thể trong các văn bản thông tin đơn giản (như tờ rơi, mục tài liệu quảng cáo, thông báo, thư tay hoặc thư điện tử) được viết bằng Ngôn ngữ A.
BẬC 2	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải những ý chính trong thông báo được phát rõ ràng bằng Ngôn ngữ A về các chủ đề quen thuộc hàng ngày, mặc dù đôi khi cần đơn giản hóa nội dung và tìm từ ngữ phù hợp. Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải thông tin hữu ích trong các văn bản sử dụng Ngôn ngữ A một cách ngắn gọn, dễ hiểu như các chỉ dẫn trên nhãn mác, thông báo về những chủ đề thường gặp
	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải những ý chính trong các thông báo, hướng dẫn ngắn gọn, rõ ràng bằng Ngôn ngữ A khi người nói nói chậm và dùng ngôn ngữ đơn giản.

	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải một cách đơn giản các hướng dẫn ngắn bằng Ngôn ngữ A, miễn là người nói phát âm rõ ràng và chậm rãi.
BẬC 1	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải thông tin đơn giản, dễ đoán về thời gian và địa điểm từ những câu ngắn trong Ngôn ngữ A.
Tiền Bậc 1	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải các chỉ dẫn đơn giản về địa điểm và thời gian bằng Ngôn ngữ A khi được nhắc lại rất chậm và rõ ràng. Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải những thông tin rất cơ bản (như số lượng, giá cả) từ văn bản ngắn, đơn giản, có hình minh họa trong Ngôn ngữ A.

5.3. Truyền tải thông tin cụ thể bằng văn viết

TRUYỀN TẢI THÔNG TIN CỤ THỂ BẰNG VĂN VIẾT	
BẬC 6	*Áp dụng đặc tả như Bậc 4.*
BẬC 5	*Áp dụng đặc tả như Bậc 4.*
BẬC 4	Có thể dùng Ngôn ngữ B truyền tải tóm tắt mức độ liên quan của các bài thuyết trình hội nghị đang dùng Ngôn ngữ A, chỉ ra phần nào đáng nghiên cứu kỹ. Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải các ý quan trọng trong văn bản phức tạp viết bằng Ngôn ngữ A có cấu trúc rõ ràng thuộc lĩnh vực chuyên môn, học thuật hoặc sở thích cá nhân. Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải những điểm chính trong bài báo bằng Ngôn ngữ A trong tạp chí học thuật hoặc chuyên ngành.
	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải các quyết định quan trọng được đưa ra trong cuộc họp bằng Ngôn ngữ A. Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải những điểm chính trong thư từ chính thức bằng Ngôn ngữ A.
BẬC 3	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải các thông tin cụ thể trong bài nói dùng Ngôn ngữ A về chủ đề quen thuộc (như điện thoại, thông báo, hướng dẫn). Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải thông tin cụ thể, hữu ích trong văn bản thông tin đơn giản dùng Ngôn ngữ A viết về chủ đề quen thuộc.

	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải thông tin cụ thể từ tin nhắn ghi âm đơn giản bằng Ngôn ngữ A, miễn là chủ đề quen thuộc và phát âm chậm, rõ ràng.
BẬC 2	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải thông tin cụ thể trong văn bản thông tin ngắn, đơn giản bằng Ngôn ngữ A về chủ đề quen thuộc, được viết bằng ngôn ngữ hàng ngày.
	Có thể liệt kê trong Ngôn ngữ B những điểm chính của các thông điệp và thông báo ngắn, rõ ràng, đơn giản dùng Ngôn ngữ A miễn là lời nói được phát âm rõ ràng và chậm rãi. Có thể liệt kê bằng Ngôn ngữ B thông tin cụ thể trong các văn bản đơn giản được viết bằng Ngôn ngữ A về các chủ đề hàng ngày được quan tâm hoặc mật thiết. Có thể ghi lại bằng Ngôn ngữ B những ý chính của thông báo ngắn gọn, rõ ràng bằng Ngôn ngữ A khi người nói phát âm rõ và chậm. Có thể ghi lại bằng Ngôn ngữ B thông tin cụ thể trong văn bản đơn giản Ngôn ngữ A về chủ đề hàng ngày hoặc cần ngay.
BẬC 1	Có thể ghi chép lại (bằng Ngôn ngữ B) tên, số lượng, giá cả và các thông tin rất đơn giản cần thiết khi được nói bằng Ngôn ngữ A, khi người nói phát âm rất chậm, rõ và lặp lại.
Tiền Bậc 1	Có thể ghi chép lại bằng Ngôn ngữ B tên, số lượng, giá cả và thông tin rất đơn giản cần thiết từ văn bản Ngôn ngữ A được viết đơn giản và có hình minh họa.

5.4. Diễn giải số liệu dưới hình thức nói

DIỄN GIẢI SỐ LIỆU DƯỚI HÌNH THỨC NÓI	
BẬC 6	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích và mô tả rõ ràng, đáng tin cậy các dạng dữ liệu thực nghiệm khác nhau và thông tin được tổ chức trực quan với văn bản bằng Ngôn ngữ A từ nghiên cứu phức tạp về mặt khái niệm liên quan đến các chủ đề học thuật hoặc chuyên môn.
BẬC 5	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích và mô tả một cách rõ ràng, đáng tin cậy các điểm nổi bật và chi tiết có trong sơ đồ phức tạp và thông tin được tổ chức trực quan khác với văn bản bằng Ngôn ngữ A về các chủ đề học thuật hoặc chuyên môn.
BẬC 4	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích và mô tả chính xác thông tin chi tiết có trong các sơ đồ, biểu đồ phức tạp và thông tin được tổ chức trực

	quan khác với văn bản bằng Ngôn ngữ A về các chủ đề trong lĩnh vực mà họ quan tâm.
BẬC 3	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích và mô tả thông tin chi tiết trong sơ đồ trong lĩnh vực quan tâm với văn bản bằng Ngôn ngữ A, mặc dù có thể nói không liền mạch để tìm từ hoặc dựng câu chưa chính xác.
	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích và mô tả các xu hướng tổng thể được thể hiện trong các sơ đồ đơn giản (ví dụ: đồ thị, biểu đồ thanh) trong văn bản bằng Ngôn ngữ A, mặc dù các hạn chế từ vựng đôi khi gây khó khăn cho việc dựng câu.
BẬC 2	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích và mô tả các hình ảnh đơn giản về chủ đề quen thuộc (như bản đồ thời tiết, sơ đồ cơ bản) trong văn bản Ngôn ngữ A, dù có thể ngập ngừng, lỡ lời ở đầu câu và sửa lại khá nhiều.
BẬC 1	*Không có đặc tả.*
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

5.5. Diễn giải số liệu bằng văn viết

DIỄN GIẢI SỐ LIỆU BẰNG VĂN VIẾT	
BẬC 6	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích và trình bày bằng văn bản các dạng dữ liệu thực nghiệm khác nhau (khác với văn bản bằng Ngôn ngữ A) từ nghiên cứu phức tạp về mặt khái niệm liên quan đến các chủ đề học thuật hoặc chuyên môn.
BẬC 5	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích và trình bày rõ ràng và đáng tin cậy các điểm nổi bật, có liên quan trong các sơ đồ phức tạp và dữ liệu trực quan khác (với văn bản bằng Ngôn ngữ A) về các chủ đề học thuật hoặc chuyên môn phức tạp.
BẬC 4	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích và trình bày đáng tin cậy bằng văn bản thông tin chi tiết từ sơ đồ và dữ liệu trực quan trong các lĩnh vực quan tâm của mình (với văn bản bằng Ngôn ngữ A).
BẬC 3	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích và trình bày bằng văn bản các xu hướng tổng thể được thể hiện trong các sơ đồ đơn giản (ví dụ: đồ thị, biểu đồ thanh) (với văn bản bằng Ngôn ngữ A), giải thích các điểm quan trọng chi tiết hơn, với sự trợ giúp của từ điển hoặc các tài liệu tham khảo khác.
	Có thể dùng Ngôn ngữ B để mô tả bằng các câu đơn giản các sự kiện chính được hiển thị trong hình ảnh về các chủ đề quen thuộc (ví dụ: bản đồ thời tiết, biểu đồ/sơ đồ quy trình cơ bản) (với văn bản bằng Ngôn ngữ A).

BẬC 2	*Không có đặc tả.*
BẬC 1	*Không có đặc tả.*
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

5.6. Xử lý văn bản nói

XỬ LÝ VĂN BẢN NÓI	
BẬC 6	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích các suy luận khi các liên kết hoặc hàm ý trong Ngôn ngữ A không rõ ràng và chỉ ra ý nghĩa văn hóa xã hội của hình thức biểu đạt của người nói/người viết (ví dụ: hình thức nói nhỏ, trớ trêu, mỉa mai).
BẬC 5	Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt các đoạn nói dài, đòi hỏi khắt khe từ Ngôn ngữ A. Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt cuộc thảo luận từ Ngôn ngữ A về vấn đề thuộc lĩnh vực học thuật hoặc chuyên môn của mình, nêu và xem xét các quan điểm khác nhau, đồng thời chỉ ra những điểm quan trọng nhất. Có thể dùng Ngôn ngữ B để trình bày rõ ràng, có hệ thống những ý chính từ đoạn nói phức tạp từ Ngôn ngữ A thuộc lĩnh vực chuyên môn khác, mặc dù đôi khi cần tra cứu các khái niệm kỹ thuật cụ thể. Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích sự khác biệt tinh tế trong cách trình bày sự việc và lập luận từ Ngôn ngữ A. Có thể khai thác thông tin và lập luận từ đoạn nói phức tạp bằng Ngôn ngữ A để dùng Ngôn ngữ B thảo luận chủ đề một cách trôi chảy, có nhận xét đánh giá và bổ sung ý kiến riêng. Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích thái độ hoặc quan điểm được thể hiện trong đoạn nói dùng Ngôn ngữ A về chủ đề chuyên ngành, kèm theo những suy luận có căn cứ dựa trên các đoạn thông tin cụ thể trong bản gốc.
BẬC 4	Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt những điểm quan trọng trong các đoạn nói dài hơn, phức tạp, trực tiếp từ Ngôn ngữ A về các chủ đề quan tâm hiện tại, bao gồm cả các lĩnh vực quan tâm đặc biệt. Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt những điểm chính của các cuộc thảo luận phức tạp bằng Ngôn ngữ A, đồng thời cân nhắc các quan điểm khác nhau được trình bày.

	Có thể dùng Ngôn ngữ B để tổng hợp và trình bày thông tin và lập luận từ nhiều nguồn nói hoặc viết bằng Ngôn ngữ A. Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt nhiều loại đoạn nói bằng Ngôn ngữ A từ thực tế đến hư cấu, nhận xét và phân tích các quan điểm đối lập cũng như chủ đề chính. Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt những ý quan trọng trong đoạn nói dài, phức tạp bằng Ngôn ngữ A về chủ đề đang quan tâm, bao gồm cả các lĩnh vực được quan tâm đặc biệt. Có thể nhận biết đối tượng hướng tới của đoạn nói trong Ngôn ngữ A về chủ đề quan tâm, và giải thích bằng Ngôn ngữ B mục đích, thái độ cũng như quan điểm của tác giả. Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt những đoạn trích tin tức, phỏng vấn hoặc phim tài liệu có chứa ý kiến, lập luận và thảo luận bằng Ngôn ngữ A. Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt và bình luận về cốt truyện và chuỗi sự kiện trong phim hoặc kịch bằng Ngôn ngữ A.
BẬC 3	Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt những ý chính trong đoạn nói dài được nói bằng Ngôn ngữ A về chủ đề quan tâm, miễn là dùng ngôn ngữ chuẩn và có thể tra nghĩa của một số cách diễn đạt nhất định. Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt một câu chuyện hoặc bài viết ngắn, cuộc trò chuyện, thảo luận, phỏng vấn hoặc phim tài liệu bằng Ngôn ngữ A, đồng thời trả lời thêm các câu hỏi chi tiết khác. Có thể đối chiếu các thông tin ngắn từ nhiều nguồn trong Ngôn ngữ A và tóm tắt lại bằng Ngôn ngữ B cho người khác.
	Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt những ý chính trong đoạn nói rõ ràng, có cấu trúc được nói bằng Ngôn ngữ A về chủ đề quen thuộc hoặc quan tâm, mặc dù đôi khi hạn chế về từ vựng gây khó khăn cho việc diễn đạt. Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt đơn giản nội dung thông tin chính từ đoạn nói dễ hiểu (được viết bằng Ngôn ngữ A) về chủ đề quen thuộc (như bài phỏng vấn ngắn, bài báo tạp chí, tài liệu du lịch). Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt những ý chính trong cuộc trò chuyện nói bằng ngôn ngữ A về chủ đề quan tâm hoặc chủ đề thời sự, miễn là người nói phát âm rõ ràng bằng ngôn ngữ chuẩn.

	Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt những ý chính trong bài nói dài được nói bằng Ngôn ngữ A về chủ đề quan tâm, miễn là dùng ngôn ngữ chuẩn và có thể nghe lại nhiều lần. Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt những ý hoặc sự kiện chính trong chương trình truyền hình và video được nói bằng Ngôn ngữ A, miễn là được xem lại nhiều lần.
BẬC 2	Có thể dùng Ngôn ngữ B để trình bày những ý chính trong tin tức truyền hình hoặc đài phát thanh đơn giản được nói bằng Ngôn ngữ A về sự kiện, thể thao, tai nạn, v.v., miễn là chủ đề quen thuộc và phát âm chậm, rõ ràng. Có thể dùng Ngôn ngữ B để trình bày thông tin từ đoạn nói ngắn, dễ hiểu, có cấu trúc rõ ràng trong Ngôn ngữ A kèm hình minh họa hoặc bảng biểu đơn giản quen thuộc bằng các câu đơn giản. Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt những ý chính trong đoạn nói có thông tin ngắn gọn, đơn giản từ Ngôn ngữ A về các chủ đề quen thuộc.
	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền đạt những ý chính trong đoạn nói ngắn, đơn giản, có cấu trúc rõ ràng từ tiếng A, đồng thời dùng các phương tiện khác bổ sung cho vốn từ hạn chế (như cử chỉ, hình vẽ, sử dụng từ vay mượn từ ngôn ngữ khác).
BẬC 1	Có thể dùng Ngôn ngữ B truyền đạt thông tin đơn giản, cơ bản từ các biển báo, thông báo ngắn, áp phích và chương trình rất dễ hiểu được nói bằng Ngôn ngữ A.
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

5.7. Dịch nói văn bản viết

DỊCH NÓI VĂN BẢN VIẾT	
BẬC 6	Có thể dùng Ngôn ngữ B để dịch nói trôi chảy các văn bản trừu tượng được viết trong Ngôn ngữ A về một loạt các chủ đề quan tâm cá nhân, học thuật và chuyên môn, truyền đạt thành công các lập luận và đánh giá, bao gồm các sắc thái và ý nghĩa liên quan.
BẬC 5	Có thể dùng Ngôn ngữ B để dịch nói một cách trôi chảy các văn bản viết phức tạp trong Ngôn ngữ A về một loạt các chủ đề chung và chuyên ngành, nắm bắt hầu hết các sắc thái.
BẬC 4	Có thể dùng Ngôn ngữ B để dịch nói các văn bản phức tạp được viết bằng Ngôn ngữ A chứa thông tin và lập luận về các chủ đề trong lĩnh vực chuyên môn, học thuật và sở thích cá nhân của mình.

BẬC 3	Có thể dịch nói các văn bản được viết bằng Ngôn ngữ A chứa thông tin và lập luận về các chủ đề trong lĩnh vực chuyên môn, học thuật và cá nhân của mình, được viết bằng ngôn ngữ tiêu chuẩn, không phức tạp sang ngôn ngữ B một cách tương đối.
	Có thể dịch nói gần đúng các văn bản thông tin rõ ràng, có cấu trúc tốt được viết bằng Ngôn ngữ A về các chủ đề quen thuộc hoặc quan tâm cá nhân sang ngôn ngữ B một cách tương đối, mặc dù những hạn chế về từ vựng đôi khi gây khó khăn cho việc đọc câu dịch.
BẬC 2	Có thể dịch nói gần đúng các văn bản ngắn, đơn giản hàng ngày (ví dụ: mục tài liệu quảng cáo, thông báo, hướng dẫn, thư hoặc thư điện tử) được viết bằng Ngôn ngữ A sang ngôn ngữ B một cách tương đối và đơn giản.
	Có thể dịch nói các văn bản ngắn, đơn giản (ví dụ: thông báo về các chủ đề quen thuộc) được viết bằng Ngôn ngữ A sang ngôn ngữ B một cách tương đối và đơn giản, nắm bắt điểm quan trọng nhất. Có thể dịch nói các chủ đề quen thuộc hàng ngày được viết bằng các câu đơn giản bằng Ngôn ngữ A (ví dụ: tin tức cá nhân, tường thuật ngắn, chỉ đường, thông báo hoặc hướng dẫn) sang ngôn ngữ B một cách tương đối và đơn giản.
BẬC 1	Có thể dịch các từ và cụm từ đơn giản, hàng ngày được viết bằng Ngôn ngữ A trên các biển hiệu và thông báo, áp phích, chương trình, tờ rơi, v.v. sang ngôn ngữ B một cách tương đối và đơn giản.
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

5.8. Dịch viết văn bản viết

DỊCH VIẾT VĂN BẢN VIẾT	
BẬC 6	Có thể dịch từ Ngôn ngữ A sang Ngôn ngữ B tài liệu kỹ thuật ngoài lĩnh vực chuyên môn của mình, miễn là có chuyên gia trong lĩnh vực kiểm tra độ chính xác.
BẬC 5	Có thể dịch từ Ngôn ngữ A sang Ngôn ngữ B các văn bản trừu tượng được viết về các chủ đề xã hội, học thuật và chuyên môn trong lĩnh vực của mình, truyền đạt thành công các khía cạnh và lập luận đánh giá, bao gồm nhiều hàm ý liên quan đến chúng, mặc dù một số cách diễn đạt có thể bị ảnh hưởng quá mức bởi bản gốc.
BẬC 4	Có thể dịch từ Ngôn ngữ A sang Ngôn ngữ B và tạo ra các bản dịch có cấu trúc rõ ràng, sử dụng ngôn ngữ thông thường nhưng có thể bị ảnh

	hưởng quá mức bởi trật tự, cách chia đoạn, dấu câu và các cách dựng câu của bản gốc.
	Có thể dịch sang Ngôn ngữ B, bám sát cấu trúc câu và đoạn văn của văn bản gốc của Ngôn ngữ A, truyền đạt chính xác các điểm chính của văn bản gốc, mặc dù đọc bản dịch có thể còn thấy thô.
BẬC 3	Có thể dịch từ Ngôn ngữ A sang Ngôn ngữ B gần đúng các văn bản đơn giản, thực tế được viết bằng ngôn ngữ tiêu chuẩn, không phức tạp, bám sát cấu trúc của bản gốc; mặc dù có thể còn lỗi ngôn ngữ nhưng bản dịch vẫn dễ hiểu.
	Có thể dịch gần đúng từ Ngôn ngữ A sang Ngôn ngữ B thông tin chứa trong các văn bản ngắn, thực tế và được viết bằng ngôn ngữ tiêu chuẩn, không phức tạp; mặc dù có lỗi, bản dịch vẫn dễ hiểu.
BẬC 2	Có thể sử dụng ngôn ngữ đơn giản để dịch gần đúng từ Ngôn ngữ A sang Ngôn ngữ B các văn bản rất ngắn về các chủ đề quen thuộc hàng ngày có chứa từ vựng thường dùng nhất; bản dịch dù có lỗi vẫn hiểu được.
BẬC 1	Có thể dùng từ điển và dịch các từ và cụm từ đơn giản từ Ngôn ngữ A sang Ngôn ngữ B, nhưng có thể không phải lúc nào cũng chọn nghĩa thích hợp.
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

5.9. Ghi chú

GHI CHÚ (BÀI GIẢNG, HỘI THẢO, CUỘC HỌP, V.V.)	
BẬC 6	Có thể ghi chú (hoặc ghi biên bản) khi tham gia cuộc họp hoặc hội thảo một cách đáng tin cậy cho những người không có mặt, ngay cả khi chủ đề phức tạp hoặc không quen thuộc. Có thể nhận biết để ghi lại nghĩa ẩn dụ và nghĩa ám chỉ của nội dung nói song song với các từ được người nói dùng. Có thể ghi chú có chọn lọc, diễn giải và viết tắt để nắm bắt các khái niệm trừu tượng và liên hệ giữa các ý tưởng.
BẬC 5	Có thể ghi chú các chi tiết trong một bài giảng về các chủ đề trong lĩnh vực quan tâm, ghi lại thông tin rất chính xác và gần với bản gốc để người khác cũng có thể sử dụng các ghi chú. Có thể quyết định xem cần ghi chú nội dung gì và bỏ qua nội dung gì trong khi bài giảng hoặc hội thảo đang diễn ra, kể cả khi chủ đề không quen thuộc.

	Có thể chọn các thông tin và lập luận chi tiết và có liên quan trong các chủ đề phức tạp, trừu tượng từ nhiều nguồn nói (ví dụ: bài giảng, podcast, thảo luận và tranh luận chính thức, phỏng vấn, v.v.), miễn là giọng đọc có tốc độ bình thường và quen thuộc với người nghe.
BẬC 4	Có thể hiểu một bài giảng có cấu trúc rõ ràng về một chủ đề quen thuộc và có thể ghi chú vào những điểm quan trọng, mặc dù hay tập trung vào cấu trúc câu và bỏ lỡ một số thông tin. Có thể ghi chú chính xác trong các cuộc họp và hội thảo về hầu hết các chủ đề xuất hiện trong lĩnh vực quan tâm.
BẬC 3	Có thể ghi chú bài giảng đủ chính xác để sau đó dùng riêng, miễn là chủ đề nằm trong lĩnh vực quan tâm và bài giảng rõ ràng và có hệ thống.
	Có thể ghi các điểm chính trong một bài giảng đơn giản thành các đề mục, miễn là chủ đề quen thuộc, bài giảng có ngôn ngữ đơn giản và được đọc rõ ràng. Có thể ghi lại các chỉ đạo thông thường khi họp về chủ đề quen thuộc, miễn là ngôn ngữ đơn giản và người ghi có đủ thời gian để ghi chép.
BẬC 2	Có thể ghi chú đơn giản khi nghe một bài thuyết trình/diễn thuyết khi chủ đề quen thuộc, dễ dự đoán và người thuyết trình giải thích rõ và chờ ghi chép.
BẬC 1	*Không có đặc tả.*
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

5.10. Thể hiện phản hồi cá nhân đối với các văn bản sáng tạo

THỂ HIỆN PHẢN HỒI CÁ NHÂN ĐỐI VỚI CÁC VĂN BẢN SÁNG TẠO (BAO GỒM CẢ VĂN HỌC)	
BẬC 6	*Không có đặc tả cho bậc 6*
BẬC 5	Có thể mô tả chi tiết cách giải thích cá nhân về một tác phẩm, nêu rõ phản ứng của mình đối với những đặc điểm văn học nhất định và giải thích tầm quan trọng của chúng. Có thể diễn giải sơ bộ mang tính cá nhân về một nhân vật trong tác phẩm: về trạng thái tâm lý/cảm xúc của họ, động cơ thúc đẩy hành động và hậu quả của những hành động đó.

BẬC 4	Có thể trình bày rõ ràng về phản ứng của đối với một tác phẩm, phát triển ý tưởng của và hỗ trợ chúng bằng các ví dụ và lập luận. Có thể đưa ra giải thích cá nhân của mình về sự phát triển của cốt truyện, các nhân vật và chủ đề trong một câu chuyện, tiểu thuyết, phim hoặc vở kịch. Có thể mô tả phản ứng cảm xúc của mình đối với một tác phẩm và giải thích chi tiết về lý do tạo nên các phản ứng này. Có thể mô tả chi tiết về phản ứng của mình đối với hình thức thể hiện, văn phong và nội dung của một tác phẩm, giải thích tại sao lại đánh giá cao tác phẩm đó.
BẬC 3	Có thể giải thích tại sao lại quan tâm đến một số phần hoặc một số khía cạnh của một tác phẩm. Có thể giải thích chi tiết về nhân vật ấn tượng nhất và tại sao. Có thể liên hệ các sự kiện trong một câu chuyện, bộ phim hoặc vở kịch với các sự kiện tương tự mà mình đã trải qua hoặc nghe nói đến. Có thể liên hệ những cảm xúc mà một nhân vật trải qua trong một tác phẩm với những cảm xúc mà mình đã trải qua. Có thể mô tả những cảm xúc mà mình đã trải qua tại một thời điểm nhất định trong một câu chuyện, ví dụ: (các) tình tiết trong câu chuyện làm mình lo lắng cho một nhân vật và giải thích lý do tại sao. Có thể giải thích ngắn gọn những cảm xúc và ý kiến về một tác phẩm ưa thích. Có thể bày tỏ phản ứng của mình đối với một tác phẩm, báo cáo cảm xúc và ý tưởng của mình bằng ngôn ngữ đơn giản. Có thể mô tả tính cách của một nhân vật. Có thể mô tả cảm xúc của một nhân vật và giải thích lý do
BẬC 2	Có thể diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản để thuật lại các cảm xúc và suy nghĩ của mình về một tác phẩm. Có thể trình bày bằng ngôn ngữ đơn giản một số khía cạnh của một tác phẩm mà mình đặc biệt quan tâm. Có thể diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản điều mình thích và không thích về một tác phẩm và lý giải nguyên nhân.
BẬC 1	Có thể sử dụng các từ và cụm từ đơn giản để diễn đạt cảm xúc của mình về một tác phẩm.
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

5.11. Phân tích và phê bình các văn bản sáng tạo

PHÂN TÍCH VÀ PHÊ BÌNH CÁC VĂN BẢN SÁNG TẠO (BAO GỒM CẢ VĂN HỌC)	
BẬC 6	Có thể đánh giá phê bình các tác phẩm của các thời kỳ và thể loại khác nhau (tiểu thuyết, thơ và kịch), đánh giá cao sự khác biệt tinh tế về phong cách và ý nghĩa ngầm cũng như hiển minh. Có thể nhận ra những sắc thái tinh tế của ngôn ngữ đa nghĩa, hiệu ứng tu từ và cách sử dụng ngôn ngữ mang tính phong cách (như ẩn dụ, cú pháp khác thường, tính mơ hồ), diễn giải và "làm sáng tỏ" các nghĩa và hàm ý. Có thể đánh giá phê bình cách thức khai thác cấu trúc, ngôn ngữ và các biện pháp tu từ trong một tác phẩm nhằm mục đích cụ thể, đồng thời đưa ra lập luận có cơ sở về sự phù hợp và hiệu quả của chúng. Có thể đánh giá phê bình một cách sâu sắc những sự vi phạm có chủ ý các quy ước ngôn ngữ trong một tác phẩm văn học.
BẬC 5	Có thể đánh giá phê bình nhiều loại văn bản bao gồm các tác phẩm văn học thuộc các thời kỳ và thể loại khác nhau. Có thể đánh giá mức độ một tác phẩm tuân thủ các quy ước của thể loại của nó. Có thể mô tả và nhận xét về cách thức mà tác phẩm thu hút người đọc/ khán giả (ví dụ: bằng cách cho họ kỳ vọng và lật ngược các kỳ vọng đó).
BẬC 4	Có thể so sánh hai tác phẩm, xem xét các chủ đề, nhân vật và bối cảnh, khám phá những điểm tương đồng cũng như tương phản và giải thích sự liên quan kết nối giữa chúng. Có thể đưa ra ý kiến hợp lý về một tác phẩm, thể hiện nhận thức về các đặc điểm chủ đề, cấu trúc, hình thức; có thể tham khảo ý kiến và lập luận của người khác. Có thể đánh giá cách thức các tác phẩm khuyến khích sự đồng cảm với nhân vật, và đưa ra ví dụ. Có thể mô tả sự khác biệt của các tác phẩm khác nhau khi xử lý cùng một chủ đề.
BẬC 3	Có thể chỉ ra các tình tiết và sự kiện quan trọng nhất trong một câu chuyện có cấu trúc rõ ràng bằng ngôn ngữ hàng ngày và giải thích tầm quan trọng của các sự kiện và mối liên hệ giữa chúng. Có thể mô tả các chủ đề và nhân vật chính trong các câu chuyện ngắn liên quan đến các tình huống quen thuộc được viết bằng ngôn ngữ hàng ngày được sử dụng với tần suất cao.

BẬC 2	Có thể xác định và mô tả ngắn gọn, bằng các diễn đạt cố định cơ bản, các chủ đề và nhân vật chính trong các câu chuyện ngắn, đơn giản liên quan đến các tình huống quen thuộc được viết bằng ngôn ngữ hàng ngày được sử dụng với tần suất cao.
BẬC 1	*Không có đặc tả*
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

5.12. Tạo điều kiện tương tác hợp tác giữa các thành viên

TẠO ĐIỀU KIỆN TƯƠNG TÁC HỢP TÁC GIỮA CÁC THÀNH VIÊN		
	QUẢN LÝ TƯƠNG TÁC	**KHUYẾN KHÍCH THẢO LUẬN Ý TƯỞNG**
BẬC 6	Có thể đảm nhận các vai trò khác nhau theo nhu cầu của người tham gia và yêu cầu của hoạt động (chuyên gia, hướng dẫn thảo luận, giám sát viên, v.v.) và cung cấp hỗ trợ cá nhân phù hợp. Có thể nhận ra ảnh hưởng ngầm trong tương tác và thực hiện các bước thích hợp phù hợp để hướng dẫn hướng của cuộc nói chuyện.	Có thể dẫn dắt hiệu quả sự phát triển của các ý tưởng trong một cuộc thảo luận về các chủ đề trừu tượng phức tạp, điều hướng cuộc nói chuyện bằng cách đưa ra các câu hỏi và khuyến khích người tham gia giải thích lập luận của họ.
BẬC 5	Có thể tổ chức một chuỗi đa dạng và cân bằng giữa công việc chung toàn bộ, nhóm và cá nhân, đảm bảo chuyển tiếp suôn sẻ giữa các giai đoạn. Có thể can thiệp một cách khéo léo để chuyển hướng nói chuyện, giảm thiểu vai trò lấn lướt của một số cá nhân, hoặc xử lý các hành vi gây rối	Có thể đưa ra một loạt các câu hỏi mở dựa trên những đóng góp khác nhau để kích thích lý luận logic (ví dụ: giả thuyết, suy luận, phân tích, biện minh và dự đoán).
	Có thể tổ chức và quản lý công việc nhóm hợp tác một cách hiệu quả. Có thể giám sát công việc cá nhân và nhóm mà không can thiệp quá sâu; có thể xử lý để giúp các nhóm quay lại thực hiện nhiệm vụ hoặc để đảm bảo sự tham gia một cách đồng đều giữa các thành viên.	Có thể khuyến khích các thành viên của một nhóm mô tả và giải thích suy nghĩ của họ. Có thể khuyến khích các thành viên của một nhóm dựa trên thông tin và ý tưởng của nhau để đưa ra một khái niệm hoặc giải pháp.

BẬC 4	Có thể can thiệp một cách hỗ trợ để hướng sự chú ý của mọi người vào các khía cạnh của nhiệm vụ bằng cách đặt câu hỏi bám sát mục tiêu và mời mọi người đưa ra đề xuất.	
	Có thể giải thích các vai trò khác nhau của những người tham gia trong quá trình hợp tác, đưa ra hướng dẫn rõ ràng cho công việc nhóm. Có thể giải thích các quy tắc cơ bản trong thảo luận hợp tác trong các nhóm nhỏ liên quan đến giải quyết vấn đề hoặc đánh giá các đề xuất thay thế. Có thể can thiệp khi cần thiết để thiết lập một nhóm quay lại thực hiện nhiệm vụ với các hướng dẫn mới hoặc khuyến khích mọi người tham gia đồng đều hơn.	Có thể đưa ra các câu hỏi và phản hồi để khuyến khích mọi người mở rộng suy nghĩ và biện minh hoặc làm rõ ý kiến của họ. Có thể xây dựng dựa trên ý tưởng của mọi người và liên kết chúng thành các dòng suy nghĩ mạch lạc. Có thể yêu cầu mọi người giải thích một ý tưởng phù hợp với chủ đề chính đang thảo luận.
BẬC 3	Có thể phân bổ lượt lời trong một cuộc thảo luận, mời một người tham gia nói điều gì đó.	Có thể yêu cầu mọi người giải thích chi tiết về những điểm cụ thể mà họ đã giải thích trước đó. Có thể đặt câu hỏi thích hợp để kiểm tra sự hiểu biết về các khái niệm đã được giải thích. Có thể đặt câu hỏi để mời mọi người trình bày rõ lý do của họ.
	Có thể đưa ra hướng dẫn đơn giản, rõ ràng để tổ chức một hoạt động.	Có thể hỏi tại sao mọi người nghĩ như vậy, hoặc họ nghĩ điều đó sẽ diễn ra như thế nào.
BẬC 2	Có thể đưa ra hướng dẫn rất đơn giản cho một nhóm hợp tác, miễn là có sự trợ giúp cần thiết.	Có thể hỏi ai đó nghĩ gì về một ý tưởng nào đó.
BẬC 1	*Không có đặc tả.*	Có thể sử dụng các từ đơn giản, cô lập và tín hiệu phi ngôn ngữ để thể hiện sự quan tâm đến một ý tưởng.
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*	*Không có đặc tả.*

5.13. Tạo điều kiện thúc đẩy đa văn hóa

TẠO ĐIỀU KIỆN THÚC ĐẨY ĐA VĂN HÓA	
BẬC 6	Có thể trao đổi hiệu quả và tự nhiên giữa các thành viên trong cộng đồng của mình và các cộng đồng khác, có tính đến sự khác biệt về văn hóa xã hội và ngôn ngữ xã hội. Có thể hướng dẫn một cuộc thảo luận nhạy cảm một cách hiệu quả, nhận diện được các sắc thái tinh tế và các ngụ ý, dòng chảy ngầm trong các ý tưởng.
BẬC 5	Có thể đóng vai trò trung chuyển ngôn ngữ trong các cuộc gặp gỡ liên văn hóa, đóng góp vào văn hóa giao tiếp được chia sẻ bằng cách giảm thiểu sự mơ hồ, đưa ra lời khuyên và hỗ trợ và tránh những hiểu lầm. Có thể dự đoán cách mọi người có thể hiểu sai những gì đã được nói hoặc viết và giúp duy trì sự tương tác tích cực bằng cách bình luận và giải thích các quan điểm văn hóa khác nhau về vấn đề liên quan.
BẬC 4	Có thể khai thác kiến thức về các quy ước văn hóa xã hội để thiết lập sự đồng thuận về cách tiến hành trong một tình huống cụ thể không quen thuộc với mọi người liên quan. Có thể thể hiện sự đánh giá cao các quan điểm khác với thế giới quan bình thường của chính mình và thể hiện theo cách phù hợp với bối cảnh, trong các cuộc gặp gỡ liên văn hóa. Có thể làm rõ những hiểu lầm và diễn giải sai trong các cuộc gặp gỡ liên văn hóa, giải thích cách hiểu đúng cho các nội dung bị hiểu sai nhằm xoa dịu bầu không khí và đẩy cuộc thảo luận tiến triển.
	Có thể khuyến khích văn hóa giao tiếp chung bằng cách thể hiện sự hiểu biết và đánh giá cao những ý tưởng, cảm xúc và quan điểm khác nhau, đồng thời mời những người tham gia đóng góp và trao đổi ý tưởng với nhau. Có thể hợp tác với những người có định hướng văn hóa khác nhau, thảo luận về những điểm tương đồng và khác biệt trong quan điểm. Khi cộng tác với những người từ các nền văn hóa khác, có thể điều chỉnh cách thức làm việc của họ để tạo ra các quy trình chung.
BẬC 3	Có thể hỗ trợ giao tiếp giữa các nền văn hóa bằng cách bắt đầu cuộc trò chuyện, thể hiện sự quan tâm và đồng cảm bằng cách hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản, đồng thời bày tỏ sự đồng ý và hiểu biết. Có thể hỗ trợ trong các cuộc gặp gỡ liên văn hóa, nhận ra cảm xúc và thế giới quan khác nhau của các thành viên khác trong nhóm.

	Có thể hỗ trợ trao đổi liên văn hóa bằng cách sử dụng vốn ngôn ngữ và văn hóa hạn chế để giới thiệu mọi người từ các nền văn hóa khác nhau và đặt ra các câu hỏi cũng như trả lời các câu hỏi; có thể nhận thức được một số câu hỏi có thể được cảm nhận khác nhau trong các nền văn hóa khác nhau. Có thể giúp phát triển văn hóa giao tiếp chung, bằng cách trao đổi thông tin một cách đơn giản về các giá trị và thái độ đối với ngôn ngữ và văn hóa.
BẬC 2	Có thể đóng góp vào một cuộc trao đổi liên văn hóa, sử dụng những từ đơn giản để yêu cầu mọi người giải thích và làm rõ những gì họ nói, trong khi khai thác vốn ngôn ngữ và văn hóa hạn chế của mình để bày tỏ sự đồng ý, mời, cảm ơn, v.v.
BẬC 1	Có thể tạo điều kiện cho một cuộc trao đổi liên văn hóa diễn ra bằng cách thể hiện sự chào đón và quan tâm thông qua những từ đơn giản và tín hiệu phi ngôn ngữ, bằng cách mời người khác nói chuyện và bằng cách cho họ biết liệu mình có hiểu không khi giao tiếp trực tiếp.
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

5.14. Đóng vai trò trung gian trong các tình huống không trang trọng

ĐÓNG VAI TRÒ TRUNG GIAN TRONG CÁC TÌNH HUỐNG KHÔNG TRANG TRỌNG (VỚI BẠN BÈ VÀ ĐỒNG NGHIỆP)	
BẬC 6	Có thể truyền đạt rõ ràng, trôi chảy, mạch lạc từ Ngôn ngữ A sang Ngôn ngữ B ý nghĩa của lời nói về nhiều chủ đề chung và chuyên biệt, giữ được phong cách phù hợp, chuyển tải sắc thái tinh tế và nhạy cảm với hàm ý văn hóa xã hội.
BẬC 5	Có thể truyền đạt trôi chảy từ Ngôn ngữ A sang Ngôn ngữ B ý nghĩa của lời nói về nhiều chủ đề quan tâm cá nhân, học thuật và nghề nghiệp, chuyển tải thông tin quan trọng rõ ràng, chính xác cũng như giải thích các yếu tố văn hóa.
BẬC 4	Có thể làm trung gian giữa Ngôn ngữ A và Ngôn ngữ B, truyền đạt thông tin chi tiết, thu hút sự chú ý của cả hai bên vào thông tin cốt lõi và tín hiệu văn hóa xã hội, đồng thời đặt câu hỏi hoặc làm rõ khi cần thiết.
	Có thể truyền đạt sang Ngôn ngữ B ý nghĩa của lời chào, giai thoại hoặc bài trình bày trong lĩnh vực chuyên môn bằng Ngôn ngữ A, diễn giải tín

	hiệu văn hóa phù hợp và giải thích thêm khi cần, miễn là người nói dừng lại thường xuyên. Có thể truyền đạt sang Ngôn ngữ B ý nghĩa của lời nói Ngôn ngữ A về chủ đề quan tâm, chuyển tải và khi cần giải thích tầm quan trọng của những phát biểu và quan điểm chính, miễn là người nói làm rõ nếu cần.
BẬC 3	Có thể truyền đạt sang Ngôn ngữ B các nội dung chính từ Ngôn ngữ A về chủ đề quan tâm, chuyển tải thông tin thực tế đơn giản và yếu tố văn hóa rõ ràng, miễn là được chuẩn bị trước và người nói dùng ngôn ngữ hàng ngày một cách rõ ràng.
	Có thể truyền đạt sang Ngôn ngữ B các nội dung chính từ Ngôn ngữ A về chủ đề bản thân quan tâm, tuân thủ quy tắc lịch sự quan trọng, miễn là người đối thoại nói rõ bằng ngôn ngữ chuẩn và bản thân có thể yêu cầu người nói làm rõ ý hoặc dừng lại để suy nghĩ.
BẬC 2	Có thể truyền đạt sang Ngôn ngữ B ý nghĩa khái quát nội dung lời nói từ Ngôn ngữ A trong tình huống hàng ngày, tuân thủ quy ước văn hóa cơ bản và chuyển tải thông tin cần thiết, miễn là người đối thoại phát âm rõ bằng ngôn ngữ chuẩn và có thể xin người nói nhắc lại hoặc làm rõ thông tin.
	Có thể truyền đạt sang Ngôn ngữ B ý chính của lời nói từ Ngôn ngữ A trong tình huống hàng ngày; có thể trao đổi thông tin về mong muốn và nhu cầu cá nhân, miễn là người đối thoại có thiện chí hỗ trợ.
BẬC 1	Có thể truyền đạt sang Ngôn ngữ B thông tin cá nhân và thông tin rất đơn giản, sẵn có bằng Ngôn ngữ A, miễn là người đối thoại sẵn lòng hỗ trợ.
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

5.15. Tạo điều kiện giao tiếp trong các tình huống tế nhị và bất đồng

TẠO ĐIỀU KIỆN GIAO TIẾP TRONG CÁC TÌNH HUỐNG TẾ NHỊ VÀ BẤT ĐỒNG	
BẬC 6	Biết cách ứng xử khéo léo với người hay gây chuyện, đưa ra những nhận xét phù hợp với hoàn cảnh và tôn trọng văn hóa. Giữ vững quan điểm về những vấn đề quan trọng nhưng vẫn tôn trọng ý kiến người khác.

BẬC 5	Thể hiện sự thấu hiểu các quan điểm khác nhau, nhắc lại và diễn giải để cho thấy hiểu rõ yêu cầu của mỗi bên. Có thể đặt câu hỏi khéo léo để tìm ra điểm cốt lõi trong quan điểm của mỗi bên và những gì họ có thể chấp nhận nhượng bộ. Có thể dùng lời lẽ thuyết phục để gợi ý các bên xem xét lại quan điểm của mình.
BẬC 4	Có thể gợi ý những giải pháp khả thi bằng cách đặt câu hỏi mở, trung lập để tránh làm các bên bối rối hay khó chịu. Có thể giúp các bên hiểu nhau hơn bằng cách diễn đạt lại quan điểm của họ rõ ràng hơn và ưu tiên những gì họ thực sự cần. Có thể tóm tắt chính xác những gì đã thống nhất và trách nhiệm của mỗi bên.
	Có thể đặt câu hỏi để tìm ra điểm chung và khuyến khích mỗi bên đề xuất giải pháp. Có thể nêu được những điểm chính trong tranh cãi một cách chính xác và giải thích rõ quan điểm các bên. Tóm tắt lời của hai bên, chỉ ra chỗ nào đồng ý và chỗ nào còn khó khăn.
BẬC 3	Có thể yêu cầu các bên giải thích quan điểm và phản hồi ngắn gọn nếu chủ đề quen thuộc và các bên nói rõ ràng.
	Có thể hiểu được vấn đề chính trong tranh cãi về chủ đề quen thuộc và đặt câu hỏi đơn giản để xác nhận hoặc làm rõ.
BẬC 2	Có thể nhận ra khi có bất đồng hoặc khó khăn xảy ra và dùng những câu đơn giản đã biết để tìm sự thỏa hiệp.
BẬC 1	Có thể nhận biết khi ai đó có vấn đề và dùng từ ngữ đơn giản như "Tôi hiểu", "Bạn ổn chứ?" để thể hiện sự quan tâm.
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

5.16. Chiến lược giải thích một khái niệm mới

CHIẾN LƯỢC GIẢI THÍCH MỘT KHÁI NIỆM MỚI			
	LIÊN KẾT VỚI KIẾN THỨC TRƯỚC ĐÓ	**THAY ĐỔI NGÔN NGỮ**	**CHIA NHỎ THÔNG TIN PHỨC TẠP**

BẬC 6	Có thể giới thiệu những khái niệm phức tạp (như khái niệm khoa học) bằng cách đưa ra định nghĩa và giải thích chi tiết dựa trên những gì người nghe đã biết trước đó.	Có thể điều chỉnh ngôn ngữ của hầu hết các thể loại văn bản để trình bày nội dung chính trong từng thể loại văn bản, mức độ tinh tế và chi tiết phù hợp với các đối tượng độc giả/thính giả liên quan.	Có thể giúp người khác hiểu một vấn đề phức tạp bằng cách giải thích mối quan hệ giữa các chi tiết với tổng thể và khuyến khích các cách khác nhau để tiếp cận các nội dung này.
BẬC 5	Có thể đặt một chuỗi câu hỏi tự nhiên để khuyến khích mọi người nhớ lại kiến thức cũ về vấn đề trừu tượng và giúp họ liên kết với những gì sắp được giải thích.	Có thể giải thích thuật ngữ kỹ thuật và các khái niệm khó khi giao tiếp với những người không phải là chuyên gia về các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Có thể điều chỉnh ngôn ngữ của mình (ví dụ: cú pháp, thành ngữ, biệt ngữ) để làm cho một chủ đề chuyên môn phức tạp có thể tiếp cận được với những người nghe/người đọc không quen thuộc với chủ đề chuyên môn đó. Có thể diễn giải và giải thích các văn bản kỹ thuật/tài liệu chuyên môn với nhiều thuật ngữ phức tạp; có thểsử dụng ngôn ngữ phi kỹ thuật (không dùng thuật ngữ chuyên môn) phù hợp cho người nghe/đọc không có kiến thức chuyên môn.	Có thể giúp người khác hiểu một vấn đề phức tạp bằng cách làm nổi bật và phân loại các điểm chính, trình bày chúng theo một mô hình kết nối logic và củng cố thông điệp bằng cách lặp lại các khía cạnh chính theo những cách khác nhau.
BẬC 4	Có thể giải thích rõ ràng mối liên hệ giữa mục tiêu của buổi họp với sở thích, kinh	Có thể giải thích các chủ đề kỹ thuật trong lĩnh vực của mình, sử dụng ngôn ngữ phi kỹ thuật phù hợp	Có thể làm cho một vấn đề phức tạp dễ hiểu hơn bằng cách trình

	nghiệm cá nhân hoặc công việc của người tham gia.	cho người nghe/đọc không có kiến thức chuyên môn. Có thể làm cho một mẩu thông tin cụ thể, phức tạp trong lĩnh vực của rõ ràng hơn và rõ ràng hơn cho người khác bằng cách diễn giải nó bằng ngôn ngữ đơn giản hơn.	bày riêng rẽ từng thành phần của lập luận đó.
	Có thể đặt câu hỏi và phản hồi để khuyến khích mọi người kết nối với kiến thức và kinh nghiệm đã có. Có thể giải thích khái niệm hoặc quy trình mới bằng cách so sánh với những gì mọi người đã quen thuộc.	Có thể làm cho người khác có thể truy cập được nội dung chính của văn bản nói hoặc viết về một chủ đề quan tâm (ví dụ: một bài luận, một cuộc thảo luận trên diễn đàn, một bài thuyết trình) bằng cách diễn giải bằng ngôn ngữ đơn giản hơn.	Có thể làm cho một quá trình phức tạp dễ hiểu hơn bằng cách chia nó thành một loạt các bước nhỏ hơn.
BẬC 3	Có thể giải thích cách vận hành của một thiết bị bằng những ví dụ từ cuộc sống hàng ngày, quen thuộc với mọi người.	Có thể diễn giải đơn giản hơn các điểm chính trong các văn bản ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc (ví dụ: các bài báo tạp chí ngắn, các cuộc phỏng vấn) để làm cho nội dung dễ hiểu với người khác.	Có thể làm cho một văn bản hướng dẫn hoặc thông tin ngắn dễ hiểu hơn bằng cách trình bày nó dưới dạng danh sách từng điểm riêng biệt.
	Có thể liên hệ giữa thông tin mới với những gì mọi người đã biết bằng cách đặt những câu hỏi đơn giản.	Có thể diễn giải các đoạn văn ngắn một cách đơn giản, sử dụng thứ tự ban đầu của văn bản.	Có thể làm cho một chuỗi hướng dẫn dễ hiểu hơn bằng cách lặp lại thông tin một cách chậm rãi, mỗi lần chỉ nói từng cụm từ, nhấn mạnh bằng

			lời nói và điệu bộ để giúp người nghe hiểu rõ hơn.
BẬC 2	*Không có đặc tả.*	Có thể lặp lại điểm chính của một thông điệp đơn giản về một chủ đề hàng ngày, sử dụng các từ khác nhau để giúp người khác hiểu rõ hơn.	*Không có đặc tả.*
BẬC 1	*Không có đặc tả.*	*Không có đặc tả.*	*Không có đặc tả.*
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*	*Không có đặc tả.*	*Không có đặc tả.*

5.17. Các chiến lược đơn giản hóa một văn bản

CÁC CHIẾN LƯỢC ĐƠN GIẢN HÓA MỘT VĂN BẢN		
	MỞ RỘNG/LÀM RÕ MỘT VĂN BẢN CÔ ĐỌNG	**HỢP LÝ HÓA VĂN BẢN**
BẬC 6	Có thể làm sáng tỏ thông tin được đưa ra trong các văn bản về các chủ đề học thuật hoặc chuyên môn phức tạp bằng cách giải thích chi tiết và đưa ra ví dụ minh họa.	Có thể soạn thảo lại một văn bản nguồn phức tạp, cải thiện sự gắn kết, và mạch văn bản, trong khi loại bỏ các phần không cần thiết, sao cho phù hợp với mục đích của nó.
BẬC 5	Có thể làm cho nội dung phức tạp, đầy thách thức dễ tiếp cận hơn bằng cách giải thích các khía cạnh khó hiểu một cách rõ ràng hơn và thêm chi tiết hữu ích. Có thể làm cho các điểm chính chứa trong một văn bản phức tạp dễ tiếp cận hơn với đối tượng người đọc bằng cách đưa ra ví dụ, giải thích và điều chỉnh phong cách và giọng văn.	Có thể tổ chức lại một văn bản nguồn phức tạp để tập trung vào các điểm liên quan nhất đến đối tượng người nghe/người đọc.
	Có thể làm cho nội dung của một văn bản về một chủ đề trong các lĩnh vực quan tâm dễ tiếp cận hơn với đối tượng người nghe/người đọc bằng cách thêm các ví dụ, lý luận và nhận xét giải thích.	Có thể đơn giản hóa văn bản nguồn bằng cách loại trừ thông tin không liên quan hoặc lặp đi lặp lại và xem xét đối tượng người đọc/người nghe.

BẬC 4	Có thể làm cho các khái niệm về các chủ đề trong lĩnh vực quan tâm dễ tiếp cận hơn bằng cách đưa ra các ví dụ cụ thể, tóm tắt từng bước và lặp lại các điểm chính. Có thể làm cho thông tin mới dễ tiếp cận hơn bằng cách sử dụng lặp lại và thêm hình minh họa.	Có thể chỉnh sửa văn bản nguồn bằng cách xóa các phần không chứa thông tin mới, hoặc các phần thông tin bị lặp lại để làm cho người đọc/người nghe dễ tiếp cận với nội dung quan trọng . Có thể xác định thông tin liên quan hoặc lặp đi lặp lại trong các phần khác nhau của văn bản và hợp nhất nó để làm cho thông điệp thiết yếu rõ ràng hơn.
BẬC 3	Có thể làm cho một khía cạnh của một chủ đề hàng ngày rõ ràng và mạch lạc hơn bằng cách truyền đạt thông tin chính theo một cách khác. Có thể làm cho một khía cạnh của một chủ đề hàng ngày rõ ràng hơn bằng cách cung cấp các ví dụ đơn giản.	Có thể xác định và đánh dấu (ví dụ: gạch chân, đánh dấu, v.v.) thông tin cần thiết trong một văn bản các thông tin đơn giản, để chuyển thông tin này cho người khác.
BẬC 2	*Không có đặc tả.*	Có thể xác định và đánh dấu (ví dụ: gạch chân, đánh dấu, v.v.) các câu chính trong một văn bản ngắn, hàng ngày.
BẬC 1	*Không có đặc tả.*	*Không có đặc tả.*
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*	*Không có đặc tả.*

6. NĂNG LỰC NGÔN NGỮ GIAO TIẾP

6.1. Ngôn ngữ học

6.1.1. Phạm vi ngôn ngữ chung

PHẠM VI NGÔN NGỮ CHUNG	
BẬC 6	Hoàn toàn có thể khai thác kiến thức ngôn ngữ sâu rộng để diễn đạt ý tưởng một cách chính xác, rõ ràng, có trọng tâm và không hề gây nhầm lẫn. Không có dấu hiệu phải hạn chế những gì muốn nói.
BẬC 5	Có thể sử dụng nhiều cấu trúc ngữ pháp phức tạp một cách thích hợp và linh hoạt. Có thể chọn cách diễn đạt phù hợp từ nhiều ngôn ngữ khác nhau để diễn

	đạt ý mình một cách rõ ràng mà không hạn chế điều mình muốn nói.
BẬC 4	Có thể diễn đạt ý kiến của mình một cách rõ ràng và không có nhiều dấu hiệu phải hạn chế những gì mình muốn nói.
	Có vốn ngôn ngữ đủ phong phú để mô tả rõ ràng, bày tỏ quan điểm và phát triển lập luận mà không cần phải tìm kiếm từ ngữ quá nhiều, có thể sử dụng một số cấu trúc câu phức tạp.
BẬC 3	Có vốn ngôn ngữ tương đối phong phú, đủ để mô tả các tình huống khó lường, giải thích các điểm chính trong một ý tưởng hoặc vấn đề với độ chính xác hợp lý, và bày tỏ suy nghĩ về các chủ đề trừu tượng hoặc văn hóa như âm nhạc và phim ảnh.
	Có vốn ngôn ngữ đủ để giao tiếp cơ bản, có thể diễn đạt lời nói của mình dù có ngập ngừng và vòng vo về các chủ đề như gia đình, sở thích, công việc, du lịch và các sự kiện hiện tại, nhưng hạn chế về từ vựng dẫn đến lặp lại và đôi khi khó khăn trong diễn đạt.
BẬC 2	Có một vốn từ và cấu trúc cơ bản, cho phép xử lý các tình huống hàng ngày với nội dung dự đoán trước, mặc dù thường phải thỏa hiệp thông điệp và tìm kiếm từ ngữ.
	Có thể tạo ra các cụm từ ngắn gọn hàng ngày để đáp ứng các nhu cầu đơn giản, cụ thể như chi tiết cá nhân, thói quen hàng ngày, mong muốn và nhu cầu, yêu cầu thông tin. Có thể sử dụng các mẫu câu cơ bản và giao tiếp với các cụm từ đã ghi nhớ; có thể nhóm một vài từ và cụm từ cố định để nói về bản thân và người khác, những gì họ làm, địa điểm, tài sản, v.v.
BẬC 1	Có một vốn từ hạn chế gồm các cụm từ ngắn, các cách diễn đạt đơn giản rất cơ bản về các chi tiết cá nhân và nhu cầu cụ thể. Có thể sử dụng một số cấu trúc cơ bản trong các tình huống sinh tồn có thể đoán trước; thường xuyên xảy ra gián đoạn và hiểu lầm trong các tình huống không quen thuộc.
Tiền Bậc 1	Có thể sử dụng các từ riêng biệt và các biểu thức cơ bản để cung cấp thông tin đơn giản về.

6.1.2. Phạm vi từ vựng

PHẠM VI TỪ VỰNG	
BẬC 6	Có vốn từ vựng rất phong phú, bao gồm cả thành ngữ và cách nói đời thường; nhận thức được các tầng nghĩa ẩn của từ ngữ.

BẬC 5	Có khả năng sử dụng tốt một vốn từ vựng rộng, cho phép dễ dàng khắc phục các khoảng trống từ vựng bằng cách sử dụng cách diễn đạt vòng; ít có biểu hiện lúng túng tìm kiếm từ vựng hoặc né tránh diễn đạt. Có thể lựa chọn từ ngữ từ nhiều phương án trong hầu hết các tình huống bằng cách sử dụng từ đồng nghĩa, kể cả những từ/ký hiệu ít gặp. Nắm vững các thành ngữ và cách nói đời thường phổ biến; có thể chơi chữ khá tốt. Có thể hiểu và sử dụng đúng các thuật ngữ chuyên môn và thành ngữ thông dụng trong lĩnh vực chuyên môn của mình.
BẬC 4	Có thể hiểu và sử dụng thuật ngữ kỹ thuật chính của lĩnh vực của mình, khi thảo luận về lĩnh vực chuyên môn của mình với các chuyên gia khác.
	Có một phạm vi từ vựng tốt cho các vấn đề liên quan đến lĩnh vực của mình và hầu hết các chủ đề chung. Có thể sử dụng từ đa dạng để tránh lặp lại thường xuyên, nhưng vẫn ngập ngừng và diễn đạt vòng vì không tìm được từ một cách liền mạch. Có thể tạo ra các cụm từ thích hợp bằng vốn từ vựng của mình trong hầu hết các ngữ cảnh mang tính hệ thống. Có thể hiểu và sử dụng nhiều từ vựng chuyên môn của lĩnh vực của mình nhưng có vấn đề với thuật ngữ ngoài chuyên môn.
BẬC 3	Có một phạm vi từ vựng tốt liên quan đến các chủ đề quen thuộc và các tình huống hàng ngày. Có đủ vốn từ để diễn đạt ý của mình bằng cách nói vòng trong hầu hết các chủ đề phù hợp với cuộc sống hàng ngày như gia đình, sở thích và đam mê, công việc, du lịch và các sự kiện thời sự.
BẬC 2	Có đủ vốn từ vựng để thực hiện các giao dịch hàng ngày thông dụng, liên quan đến các tình huống và chủ đề quen thuộc.
	Có đủ vốn từ vựng để thể hiện nhu cầu giao tiếp cơ bản. Có đủ vốn từ vựng để xử lý nhu cầu sinh tồn đơn giản.
BẬC 1	Có một vốn từ vựng cơ bản bao gồm các từ và cụm từ liên quan đến các tình huống cụ thể nhất định.
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

6.1.3. Kiểm soát từ vựng

KIỂM SOÁT TỪ VỰNG	
BẬC 6	Sử dụng từ vựng chính xác và phù hợp một cách nhất quán.
BẬC 5	Sử dụng từ vựng ít phổ biến hơn, như các thành ngữ một cách thích hợp. Thỉnh thoảng có lỡ lời, nhưng không có lỗi từ vựng đáng kể.
BẬC 4	Độ chính xác từ vựng nói chung là cao, mặc dù một số nhầm lẫn và lựa chọn từ không chính xác xảy ra mà không cản trở giao tiếp.
BẬC 3	Thể hiện khả năng kiểm soát tốt từ vựng cơ bản nhưng vẫn xảy ra lỗi lớn khi diễn đạt những suy nghĩ phức tạp hơn hoặc xử lý các chủ đề và tình huống không quen thuộc. Sử dụng một loạt các từ vựng đơn giản một cách thích hợp khi nói về các chủ đề quen thuộc.
BẬC 2	Có thể kiểm soát một lượng từ nhỏ để giao tiếp trong các nhu cầu cụ thể hàng ngày.
BẬC 1	*Không có đặc tả.*
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

6.1.4. Độ chính xác ngữ pháp

ĐỘ CHÍNH XÁC NGỮ PHÁP	
BẬC 6	Duy trì sự kiểm soát ngữ pháp nhất quán đối với ngôn ngữ phức tạp, ngay cả khi sự chú ý đang được huy động vào các khía cạnh khác (ví dụ: lập kế hoạch các nội dung cần chuyển tải, theo dõi phản ứng của người khác).
BẬC 5	Luôn duy trì mức độ chính xác ngữ pháp cao; rất hiếm khi mắc lỗi hoặc khó bị phát hiện.
BẬC 4	Kiểm soát ngữ pháp tốt. Đôi khi 'lỡ lời' hoặc mắc lỗi không hệ thống và việc sai sót nhỏ trong cấu trúc câu vẫn có thể xảy ra, nhưng tương đối hiếm và thường được sửa ngay khi vừa nói xong.
	Có mức độ kiểm soát ngữ pháp tương đối cao. Không mắc các lỗi sai dẫn đến hiểu lầm. Có trình độ tốt về cấu trúc ngôn ngữ đơn giản và một số dạng ngữ pháp phức tạp, mặc dù có xu hướng sử dụng các cấu trúc phức tạp một cách cứng nhắc và không chính xác trong một số tình huống.

BẬC 3	Có thể giao tiếp với độ chính xác hợp lý trong các ngữ cảnh quen thuộc; nói chung có thể kiểm soát tốt mặc dù vẫn bị ảnh hưởng bởi tiếng mẹ đẻ một cách đáng kể. Có cố gắng diễn đạt tương đối rõ các nội dung cần diễn đạt mặc dù vẫn mắc lỗi.
	Sử dụng tương đối chính xác một số câu đơn giản quen thuộc và áp dụng các cụm từ cố định thường dùng, liên quan đến các tình huống tương tự.
BẬC 2	Sử dụng một số cấu trúc đơn giản một cách chính xác, nhưng vẫn mắc lỗi cơ bản một cách có hệ thống - ví dụ có xu hướng trộn lẫn các thì và quên đánh dấu câu; tuy nhiên, vẫn truyền tải tương đối rõ ràng những thông tin cơ bản muốn nói.
BẬC 1	Có thể kiểm soát một cách hạn chế một vài cấu trúc ngữ pháp đơn giản và các mẫu câu trong số các nội dung đã học.
Tiền Bậc 1	Có thể sử dụng các nguyên tắc rất đơn giản về trật tự từ trong các câu lệnh ngắn.

6.1.5. Kiểm soát âm vị học

KIỂM SOÁT ÂM VỊ HỌC			
	KIỂM SOÁT ÂM VỊ HỌC TỔNG THỂ	**PHÁT ÂM CÁC ÂM**	**ĐẶC ĐIỂM GIỌNG NÓI**
BẬC 6	Có thể sử dụng đầy đủ các tính năng âm vị học trong ngôn ngữ đích với mức độ kiểm soát cao - bao gồm các đặc điểm ngôn điệu như trọng âm từ và câu, nhịp điệu và ngữ điệu - để có thể truyền tải thông điệp một cách rõ ràng và chính xác. Tính dễ hiểu, truyền đạt hiệu quả và nâng cao ý nghĩa không bị ảnh hưởng dưới bất kỳ hình thức nào bởi các đặc điểm của trọng âm có thể bị ảnh hưởng từ ngôn ngữ khác.	Có thể phát âm hầu như tất cả các âm của ngôn ngữ đích với sự rõ ràng và chính xác.	Có thể khai thác các tính năng ngôn điệu (ví dụ: trọng âm, nhịp điệu và ngữ điệu) một cách thích hợp và hiệu quả để truyền đạt các sắc thái ý nghĩa tốt hơn (ví dụ: để phân biệt và nhấn mạnh).
BẬC 5	Có thể sử dụng đầy đủ các tính năng âm vị học trong	Có thể nói rõ gần như tất cả các âm của	Có thể tạo ra diễn ngôn nói mượt mà, dễ

	ngôn ngữ đích với sự kiểm soát đầy đủ để đảm bảo tính dễ hiểu, tường minh. Có thể phát âm hầu như tất cả các âm của ngôn ngữ đích; một số tính năng của trọng âm có thể bị ảnh hưởng từ ngôn ngữ khác, nhưng không ảnh hưởng đến tính dễ hiểu.	ngôn ngữ đích với mức độ kiểm soát cao; thường có thể tự sửa nếu phát âm sai một âm.	hiểu chỉ thỉnh thoảng mất kiểm soát về trọng âm , nhịp điệu và/hoặc ngữ điệu, nhưng không ảnh hưởng đến tính dễ hiểu hoặc hiệu quả giao tiếp. Có thể thay đổi ngữ điệu và đặt trọng âm một cách chính xác để thể hiện chính xác những gì muốn nói.
BẬC 4	Nói chung có thể sử dụng ngữ điệu thích hợp, đặt trọng âm chính xác và phát âm rõ ràng từng âm thanh; Giọng có xu hướng bị ảnh hưởng bởi (các) ngôn ngữ khác, nhưng ít ảnh hưởng đến tính dễ hiểu.	Có thể phát âm tương đối chính xác một lượng lớn các âm trong ngôn ngữ đích trong khi nói liên tục; có thể làm người nghe hiểu được hầu hết nội dung nói, mặc dù có một vài lỗi phát âm sai có hệ thống. Có thể rút ra các quy tắc phát âm và dự đoán các đặc điểm âm vị học của hầu hết các từ không quen thuộc (ví dụ: trọng âm từ) với độ chính xác hợp lý (ví dụ: trong khi đọc).	Có thể sử dụng các đặc điểm ngôn điệu (ví dụ: trọng âm, ngữ điệu, nhịp điệu) để hỗ trợ thông điệp dự định truyền đạt, mặc dù có bị ảnh hưởng từ các ngôn ngữ khác.
BẬC 3	Nhìn chung có thể phát âm dễ hiểu; có thể sử dụng ngữ điệu và trọng âm ở cả cấp độ lời nói và từ gần bằng người bản ngữ. Tuy nhiên, giọng nói thường bị ảnh hưởng bởi (các) ngôn ngữ khác mà mình thường nói.	Nói chung phát âm khá dễ hiểu và tường minh, mặc dù phát âm sai thường xuyên các âm và từ riêng lẻ ít gặp.	Có thể truyền tải thông điệp một cách dễ hiểu mặc dù trọng âm, ngữ điệu và/hoặc nhịp điệu từ bị ảnh hưởng mạnh bởi (các) ngôn ngữ khác.
	Nhìn chung có thể phát âm	Phát âm nói chung	Có thể sử dụng các

BẬC 2	đủ rõ để người khác hiểu được, nhưng thường bị các đối tác đàm thoại yêu cầu nhắc lại. Bị ảnh hưởng mạnh từ (các) ngôn ngữ khác khi phát âm trọng âm, nhịp điệu và ngữ điệu; có thể ảnh hưởng đến tính dễ hiểu, đòi hỏi sự hợp tác từ người đối thoại. Tuy nhiên, cách phát âm các từ quen thuộc khá rõ ràng.	dễ hiểu khi giao tiếp trong các tình huống đơn giản hàng ngày, miễn là người đối thoại nỗ lực để hiểu các âm cụ thể. Phát âm sai có hệ thống các âm vị không cản trở tính dễ hiểu, miễn là người đối thoại nỗ lực nhận ra và điều chỉnh ảnh hưởng của nền tảng ngôn ngữ của người nói đến cách phát âm.	tính năng siêu đoạn tính của các từ và cụm từ hàng ngày một cách thông minh, mặc dù bị ảnh hưởng mạnh từ (các) ngôn ngữ khác đến trọng âm, ngữ điệu và/hoặc nhịp điệu. Các tính năng siêu ngôn điệu (ví dụ: trọng âm từ) được đáp ứng đầy đủ cho các từ quen thuộc, hàng ngày và cách nói đơn giản.
BẬC 1	Có thể phát âm và làm người khác hiểu được một lượng từ và cụm từ rất hạn chế trong số các từ/cụm từ đã học với điều kiện có sự hỗ trợ và nỗ lực nghe hiểu từngười đối thoại là người có cùng nhóm ngôn ngữ. Có thể tái tạo chính xác một lượng âm hạn chế cũng như trọng âm của các từ và cụm từ đơn giản, quen thuộc.	Có thể tái tạo âm thanh bằng ngôn ngữ đích nếu được hướng dẫn cẩn thận. Có thể phát âm một số lượng nhỏ các âm, do đó lời nói chỉ có thể hiểu được nếu người đối thoại hỗ trợ (ví dụ: bằng cách lặp lại chính xác một số âm và bằng cách gợi ý lặp lại các âm của các từ lạ tai).	Có thể phát âm các từ và cụm từ đơn giản một cách dễ hiểu, mặc dù trọng âm, nhịp điệu và/hoặc ngữ điệu bị ảnh hưởng mạnh từ (các) ngôn ngữ khác; và người đối thoại cần phải hợp tác.

6.1.6. Kiểm soát chính tả

KIỂM SOÁT CHÍNH TẢ	
BẬC 6	Viết không có lỗi chính tả.
BẬC 5	Bố cục, đoạn văn và dấu câu nhất quán và xác đáng. Văn bản chính xác về mặt chính tả, song đôi lúc viết còn lỗi sai.
BẬC 4	Có thể tạo ra văn bản liên tục dễ hiểu rõ ràng, tuân theo bố cục tiêu chuẩn và quy ước đoạn văn. Có thể sử dụng chính tả và dấu câu tương đối chính xác nhưng có thể vẫn bị ảnh hưởng bởi tiếng mẹ đẻ.

BẬC 3	Có thể viết ra văn bản liền mạch một cách tương đối dễ hiểu từ đầu đến cuối. Chính tả, dấu câu và cách bố trí đủ chuẩn xác để người đọc có thể theo dõi được hầu hết nội dung.
BẬC 2	Có thể sao chép các câu ngắn về các chủ đề hàng ngày (ví dụ: hướng dẫn đường đi đến một địa điểm nào đó). Có thể viết những từ ngắn mình biết (trong vốn từ vựng nói) với độ chính xác về mặt âm thanh (nghe sao viết vậy), dù đôi khi chưa hoàn toàn đúng chính tả.
BẬC 1	Có thể chép lại các từ và cụm từ ngắn quen thuộc, ví dụ như biển hiệu, hướng dẫn đơn giản, tên các đồ vật hàng ngày, tên cửa hàng và cả các cụm từ thường xuyên sử dụng. Có thể đánh vần địa chỉ, quốc tịch và các chi tiết cá nhân khác của mình. Có thể sử dụng dấu câu cơ bản (ví dụ: dấu chấm, dấu chấm hỏi).
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

6.2. Ngôn ngữ học xã hội

Sự phù hợp về ngôn ngữ xã hội

SỰ PHÙ HỢP VỀ NGÔN NGỮ XÃ HỘI	
BẬC 6	Có thể làm trung gian giữa người nói ngôn ngữ đích và cộng đồng của họ một cách hiệu quả và tự nhiên, đồng thời ý thức được sự khác biệt về văn hóa và ngôn ngữ xã hội. Nắm rõ các thành ngữ và cách diễn đạt đời thường; nhận biết được những tầng nghĩa ngầm. Hiểu được hầu hết hàm ý văn hóa xã hội và ngôn ngữ xã hội mà người nói thành thạo ngôn ngữ đích sử dụng, và có thể phản hồi lại một cách phù hợp. Có thể sử dụng một cách hiệu quả nhiều dạng ngôn ngữ tinh tế khác nhau trong cả ngôn ngữ nói và viết để chỉ đạo, tranh luận, thuyết phục, can ngăn, đàm phán và đưa ra lời khuyên.
BẬC 5	Có thể nhận ra nhiều loại thành ngữ và cách nói đời thường, đồng thời đánh giá được sự thay đổi trong văn phong, song đôi khi vẫn cần hỏi lại một số chi tiết, nhất là khi chưa quen giọng.

	Có thể hiểu được yếu tố hài hước, trớ trêu và các hàm ý văn hóa ngầm, đồng thời hiểu các sắc thái nghĩa tinh tế. Có thể theo dõi trọn vẹn các bộ phim sử dụng nhiều tiếng lóng và thành ngữ. Có thể sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và hiệu quả cho mục đích giao tiếp xã hội, biết cách thể hiện cảm xúc, cách nói bóng gió và nói đùa. Có thể điều chỉnh mức độ trang trọng (văn phong và phong cách) cho phù hợp với bối cảnh xã hội như: trang trọng, thân mật; duy trì được sự nhất quán trong cách nói. Có thể chỉ trích hoặc thể hiện sự kiên quyết bất đồng một cách khéo léo.
BẬC 4	Có thể cố gắng theo kịp và đóng góp vào các cuộc thảo luận nhóm ngay cả khi tốc độ nói nhanh và dùng ngôn ngữ đời thường. Có thể nhận biết và giải thích các tín hiệu văn hóa xã hội/ngôn ngữ xã hội, và chủ động điều chỉnh hình thức diễn đạt để thể hiện bản thân một cách phù hợp trong tình huống đó. Có thể thể hiện bản thân một cách tự tin, rõ ràng và lịch sự trong cả văn phong trang trọng lẫn thân mật, phù hợp với tình huống và người liên quan.
	Có thể điều chỉnh cách diễn đạt để tạo sự khác biệt giữa văn phong trang trọng và thân mật, nhưng đôi khi cách áp dụng chưa thực sự phù hợp. Có thể duy trì mối quan hệ tốt với người nói ngôn ngữ đích mà không vô tình gây cười, hay làm họ khó chịu, hoặc yêu cầu họ điều chỉnh cách hành xử xử khác biệt so với những người thành thạo ngôn ngữ khác. Có thể diễn đạt trong các tình huống phù hợp và tránh mắc các lỗi rập khuôn, cứng nhắc.
BẬC 3	Có thể dùng nhiều chức năng ngôn ngữ để giao tiếp phản hồi, đồng thời sử dụng văn phong trung tập trong hầu hết các tình huống diễn đạt thường dùng. Nhận thức được các quy ước giao tiếp lịch sự và ứng xử phù hợp. Nhận thức và tìm được những dấu hiệu, những sự khác biệt lớn nhất giữa phong tục, tập quán, thái độ, giá trị và niềm tin phổ biến của cộng đồng liên quan so với cộng đồng của chính mình.
BẬC 2	Có thể dùng các chức năng ngôn ngữ cơ bản như trao đổi thông tin, đề xuất yêu cầu, và bày tỏ ý kiến/thái độ một cách đơn giản.

	Có thể giao tiếp xã hội đơn giản nhưng hiệu quả, sử dụng các cách diễn đạt phổ biến và tuân theo các thói quen giao tiếp cơ bản.
	Có thể giao tiếp rất ngắn, sử dụng các cấu trúc chào hỏi và xưng hô lịch sự hàng ngày. Có thể đưa ra và đáp lại lời mời, lời đề xuất, lời xin lỗi, v.v.
BẬC 1	Có thể giao tiếp xã hội cơ bản bằng cách sử dụng các cấu trúc giao tiếp lịch sự hàng ngày một cách đơn giản nhất như chào hỏi và chia tay; giới thiệu; nói xin vui lòng, cảm ơn, xin lỗi, v.v.
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

6.3. Ngữ dụng học

6.3.1. Độ linh hoạt

ĐỘ LINH HOẠT	
BẬC 6	Có thể rất linh hoạt thay đổi ý tưởng bằng cách sử dụng các hình thức ngôn ngữ khác nhau để nhấn mạnh, phân biệt theo tình huống, đối tượng giao tiếp, v.v., tránh mơ hồ.
BẬC 5	Có thể tác động tích cực đến người nghe/người đọc bằng cách thay đổi phong cách diễn đạt, độ dài câu, sử dụng từ vựng nâng cao và sắp xếp trật tự hiệu quả. Có thể sửa đổi cách diễn đạt để thể hiện mức độ cam kết hay do dự, tự tin hay không chắc chắn.
BẬC 4	Có thể điều chỉnh nội dung nói/viết và phương tiện biểu đạt phù hợp với tình huống và người tiếp nhận thông tin; điều chỉnh mức độ trang trọng thích hợp với hoàn cảnh.
	Có thể điều chỉnh theo những thay đổi về mạch, phong cách và trọng tâm đối thoại thường thấy. Có thể thay đổi cách diễn đạt của những điều mình muốn nói. Có thể thay đổi ý tưởng để nhấn mạnh hoặc giải thích một điểm cụ thể.
BẬC 3	Có thể điều chỉnh cách diễn đạt để giải quyết các tình huống ít gặp hay tình huống khó.

	Có thể sử dụng linh hoạt đa dạng ngôn ngữ đơn giản để diễn đạt phần lớn những gì mình muốn nói.
BẬC 2	Có thể dùng hoặc thay thế một số ít các cụm từ cơ bản đã được luyện tập và học thuộc. Có thể mở rộng các cụm từ đã học bằng cách kết hợp lại đơn giản.
BẬC 1	*Không có đặc tả.*
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

6.3.2. Lượt lời

LƯỢT LỜI	
Ghi chú: Thang đánh giá này giống thang đánh giá "Lượt lời" ở trên.	
BẬC 6	*Áp dụng đặc tả như Bậc 5.*
BẬC 5	Có thể chọn các từ phù hợp tùy mục đích để mở đầu phát biểu, hoặc để dành thời gian và giữ quyền phát biểu trong lúc đang suy nghĩ.
BẬC 4	Có thể dùng ngôn ngữ phù hợp để can thiệp vào thảo luận. Có thể bắt đầu, duy trì và kết thúc lượt nói thích hợp. Có thể phát biểu, tiếp lượt và kết thúc hội thoại vào lúc thích hợp, mặc dù không phải lúc nào cũng nói đúng phép lịch sự. Có thể sử dụng các cụm từ cho sẵn (ví dụ: "Đây là một câu hỏi khó trả lời") để kéo dài thời gian và giữ lượt trong khi nghĩ nội dung trình bày.
BẬC 3	Có thể can thiệp vào thảo luận về chủ đề quen thuộc, sử dụng cụm từ phù hợp để lấy quyền phát biểu.
	Có thể bắt đầu, duy trì và kết thúc cuộc trò chuyện đơn giản về các chủ đề quen thuộc hoặc chủ đề quan tâm.
BẬC 2	Có thể sử dụng các kỹ thuật đơn giản để bắt đầu, duy trì hoặc kết thúc một cuộc trò chuyện ngắn. Có thể bắt đầu, duy trì và kết thúc cuộc trò chuyện đơn giản trực tiếp.
	Có thể yêu cầu người khác chú ý.
BẬC 1	*Không có đặc tả*

Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

6.3.3. Phát triển theo chủ đề

PHÁT TRIỂN THEO CHỦ ĐỀ (Thang đo này đã xuất hiện trong phần Nói Độc thoại)	
BẬC 6	Có thể sử dụng linh hoạt các quy ước của các loại văn bản liên quan để truyền đạt các ý tưởng phức tạp một cách hiệu quả, dễ dàng khiến người đọc chú ý và hoàn thành tất cả các mục đích giao tiếp.
BẬC 5	Có thể sử dụng các quy ước của các loại văn bản liên quan để thu hút sự chú ý của người đọc và truyền đạt những ý tưởng phức tạp. Có thể viết các bài mô tả và bài trần thuật phức tạp, tích hợp các chủ đề phụ, phát triển các điểm cụ thể và kết luận một cách phù hợp. Có thể viết phần giới thiệu và kết luận phù hợp cho một văn bản dài và phức tạp. Có thể mở rộng và bổ sung các điểm chính một cách chi tiết bao gồm các luận cứ và luận chứng có liên quan.
BẬC 4	Có thể phát triển lập luận một cách có hệ thống bằng cách làm nổi bật các điểm quan trọng và luận cứ liên quan một cách thích hợp. Có thể trình bày và hồi đáp các lập luận phức tạp một cách thuyết phục.
	Có thể sử dụng đúng cấu trúc quy ước để truyền đạt ý tưởng của mình tuỳ thuộc vào nhiệm vụ giao tiếp có liên quan. Có thể viết bài mô tả hoặc trần thuật một cách rõ ràng, mở rộng và triển khai các ý chính bằng cách sử dụng các luận cứ và luận chứng có liên quan. Có thể phát triển lập luận rõ ràng, mở rộng và bảo vệ quan điểm của mình một cách chi tiết bằng cách sử dụng các luận cứ và luận chứng có liên quan. Có thể đánh giá những lợi thế và bất lợi của các phương án khác nhau. Có thể thể hiện rõ ràng sự khác biệt giữa thông tin xác thực và quan điểm cá nhân.
BẬC 3	Có thể báo hiệu rõ ràng trình tự thời gian trong văn bản trần thuật. Có thể phát triển một luận điểm xác đáng để người khác theo dõi mà hầu như không gặp khó khăn.
	Ý thức được cấu trúc quy ước của các loại văn bản liên quan, khi truyền

	đạt ý tưởng của mình. Có thể thuật lại tương đối trôi chảy một câu chuyện hoặc một mô tả đơn giản dưới dạng một chuỗi các sự kiện.
BẬC 2	Có thể kể một câu chuyện hoặc mô tả một sự vật hiện tượng bằng cách liệt kê đơn giản một số nội dung. Có thể đưa ra một ví dụ về một sự vật hiện tượng trong một văn bản rất đơn giản bằng cách sử dụng "như là" hoặc "ví dụ".
BẬC 1	*Không có đặc tả.*
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

6.3.4. Sự mạch lạc và tính liên kết

SỰ MẠCH LẠC VÀ TÍNH LIÊN KẾT	
BẬC 6	Có thể tạo ra văn bản mạch lạc và liên kết, sử dụng đa dạng cách tổ chức đoạn văn và các phương tiện liên kết một cách đầy đủ và phù hợp.
BẬC 5	Có thể tạo mạch văn rõ ràng, trôi chảy, có cấu trúc, thể hiện khả năng sử dụng các cách tổ chức đoạn văn, từ kết nối và phương tiện liên kết một cách chắc chắn. Có thể tạo ra văn bản được tổ chức ý tốt, mạch lạc, sử dụng đa dạng phương tiện liên kết và cách tổ chức đoạn văn.
BẬC 4	Có thể sử dụng nhiều từ liên kết một cách hiệu quả để thể hiện rõ ràng mối quan hệ giữa các ý tưởng.
	Có thể sử dụng một số phương tiện liên kết để kết nối liền mạch lời nói của mình thành diễn ngôn rõ ràng và mạch lạc, song có thể còn "bước nhảy" khi phải nói dài. Có thể tạo ra văn bản thường được tổ chức tốt và mạch lạc, sử dụng một loạt các cụm từ kết nối và phương tiện liên kết. Có thể chia các văn bản dài thành các đoạn văn rõ ràng, hợp lý.
BẬC 3	Có thể trình bày lập luận phản biện trong một văn bản diễn ngôn đơn giản (ví dụ: dùng từ như "tuy nhiên").
	Có thể liên kết một loạt các thành tố ngắn và đơn giản thành một chuỗi các ý liền mạch. Có thể tạo câu dài và liên kết câu bằng cách sử dụng một số các phương tiện liên kết, ví dụ như khi kể chuyện.

	Có thể ngắt một văn bản dài thành các đoạn đơn giản và hợp lý.
BẬC 2	Có thể sử dụng các liên từ thường gặp nhằm liên kết các câu đơn giản để kể chuyện hoặc mô tả một sự vật hiện tượng dưới dạng một loạt các ý đơn giản.
	Có thể liên kết các nhóm từ bằng các liên từ đơn giản như "và", "nhưng" và "bởi vì".
BẬC 1	Có thể liên kết các từ hoặc cụm từ bằng các liên từ cơ bản như "và" hoặc "thì".
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

6.3.5. Độ chính xác của nội dung

ĐỘ CHÍNH XÁC CỦA NỘI DUNG	
BẬC 6	Có thể truyền tải các sắc thái ý nghĩa một cách rõ ràng và chính xác bằng cách sử dụng nhiều công cụ ngôn ngữ đa dạng một cách chính xác (ví dụ: trạng từ chỉ mức độ, mệnh đề thể hiện sự giới hạn). Có thể nhấn mạnh, phân biệt rõ ràng và loại bỏ sự mơ hồ trong thông điệp.
BẬC 5	Có thể làm rõ ý kiến, tuyên bố một cách chính xác theo các mức độ, ví dụ như mức độ chắc chắn/không chắc chắn, tin tưởng/nghi ngờ, khả năng xảy ra, v.v. Có thể sử dụng hiệu quả tính tình thái của ngôn ngữ để thể hiện mức độ mạnh mẽ của một tuyên bố, một lập luận hoặc một quan điểm.
BẬC 4	Có thể truyền đạt thông tin chi tiết một cách đáng tin cậy. Có thể truyền đạt được những điểm thiết yếu ngay cả trong những tình huống khó khăn, mặc dù ngôn ngữ vẫn còn thiếu tính biểu cảm và chưa sử dụng được thành ngữ.
BẬC 3	Có thể giải thích những điểm chính trong một ý tưởng hoặc vấn đề với độ chính xác tương đối.
	Có thể truyền đạt thông tin đơn giản, dễ hiểu và có liên quan trực tiếp, để truyền tải nội dung mình thấy quan trọng nhất. Có thể diễn đạt điểm chính một cách dễ hiểu.

BẬC 2	Có thể truyền đạt điều muốn nói trong các trao đổi đơn giản và trực tiếp về thông tin hạn chế liên quan đến các vấn đề quen thuộc và thường xuyên, nhưng trong các tình huống khác, thường phải chấp nhận việc thông điệp không đầy đủ.
BẬC 1	Có thể truyền đạt thông tin cơ bản về chi tiết cá nhân và nhu cầu cụ thể một cách đơn giản .
Tiền Bậc 1	Có thể truyền đạt thông tin rất cơ bản về chi tiết cá nhân một cách đơn giản.

6.3.6. Độ trôi chảy

ĐỘ TRÔI CHẢY	
BẬC 6	Có thể trình bày một đoạn dài một cách tự nhiên, dễ dàng, không do dự. Chỉ dừng lại để chọn từ ngữ chính xác và thích hợp để bày tỏ suy nghĩ của mình hoặc để tìm một ví dụ hoặc lời giải thích phù hợp.
BẬC 5	Có thể trình bày một cách trôi chảy và tự nhiên, gần như không gặp khó khăn. Chỉ khi gặp chủ đề khó về mặt khái niệm mới ảnh hưởng đến độ tự nhiên và trơn tru.
BẬC 4	Có thể giao tiếp tự nhiên, thường nói trôi chảy và diễn đạt dễ dàng cả khi nói các đoạn dài phức tạp.
BẬC 3	Có thể nói các đoạn dài với nhịp độ tương đối đều; mặc dù có thể ngập ngừng khi tìm mẫu câu hoặc cách diễn đạt, nhưng ít khi phải dừng các khoảng dài làm người khác chú ý. Có thể tương tác khá lưu loát và tự phát, duy trì sự tương tác thường xuyên với người nói ngôn ngữ đích mà không gây khó khăn cho hai bên.
	Có thể trình bày ý tưởng một cách tương đối dễ dàng mặc dù có một số vấn đề với các cụm từ cố định dẫn đến tạm dừng và "đi vào ngõ cụt"; tuy vậy, vẫn có thể tiếp tục tương tác hiệu quả mà không cần sự giúp đỡ.
BẬC 2	Có thể khiến người khác dễ hiểu khi nói ngắn, mặc dù việc tạm dừng để nghĩ câu, lỡ lời ở đầu câu hoặc phải sửa lỗi ngữ pháp và từ vựng là rất rõ ràng.
	Có thể diễn đạt ngắn gọn, đơn giản để người khác hiểu được, song dễ bị nhận thấy khi ngắc ngứ và lỡ lời ở đầu câu.
BẬC 1	Có thể xử lý các phát ngôn rất ngắn, rời rạc, chủ yếu đã học thuộc và phải dừng lâu để tìm cách diễn đạt hoặc phát âm các từ lạ hoặc để chỉnh sửa lời

	nói.
Tiền Bậc 1	Có thể nói rất ngắn, sử dụng các từ rời rạc, lặp lại, đã học thuộc trước, khi cần thiết thì phải sử dụng cử chỉ và ra hiệu yêu cầu giúp đỡ.

7. CÁC NĂNG LỰC KHÁC

7.1 Xây dựng vốn kiến thức đa văn hoá

XÂY DỰNG VỐN KIẾN THỨC ĐA VĂN HOÁ	
BẬC 6	Có thể dùng các hành vi và mẫu câu tuỳ hoàn cảnh, thể hiện nhận thức về những khác biệt văn hoá và chỉnh sửa cách nói để không gây hiểu nhầm và tạo xung đột văn hoá.
BẬC 5	Có thể nhận ra khác biệt trong quy ước ngôn ngữ học xã hội/ngữ dụng học, nhận thức và điều chỉnh phương thức giao tiếp. Có thể giải thích bối cảnh văn hoá một cách tinh tế, diễn giải và bàn luận về các giá trị và các phong tục bằng cách dùng kiến thức từ những lần giao thoa liên văn hoá, đọc sách, xem phim, v.v. Có thể xử lý các trường hợp không rõ nghĩa trong giao tiếp xuyên văn hoá và thể hiện phản ứng một cách mang tính xây dựng và phù hợp văn hoá để làm rõ thông điệp.
BẬC 4	Có thể miêu tả và đánh giá các quan điểm cũng như các phong tục của mình và các cộng đồng khác, nhận thức được các giá trị hàm ẩn tạo nên các phán xét và định kiến. Có thể lý giải cách hiểu của mình về các suy đoán, các định kiến, thành kiến, suy nghĩ rập khuôn và các phán xét văn hoá xuất phát từ chính cộng đồng của mình cũng như từ các cộng đồng mình biết. Có thể giải thích một tài liệu hoặc sự kiện ở một nền văn hoá khác và liên hệ với tài liệu hoặc sự kiện ở nền văn hoá của mình hoặc một nền văn hoá mình biết. Có thể nhận biết và phân tích các điểm tương đồng cũng như khác biệt giữa các dấu hiệu hành vi văn hoá (như cử chỉ, âm lượng nói) và thảo luận về tầm ảnh hưởng để tạo sự hiểu biết lẫn nhau. Có thể gặp phải trường hợp giao tiếp liên văn hoá và nhận biết rằng quan điểm cá nhân trong một hoàn cảnh nhất định không phải là quan điểm chung, để phản ứng hoặc thể hiện mình một cách phù hợp.

	Có thể diễn giải các dấu hiệu văn hoá một cách phù hợp khi sống trong nền văn hoá đó. Có thể phân tích và giải thích các cách giao tiếp đặc thù trong văn hoá của mình và của người khác, cũng như rủi ro khi hiểu nhầm.
BẬC 3	Có thể theo đúng các quy ước hành xử quy định như cách thể hiện tư thế, hướng mắt nhìn, khoảng cách với người khác. Có thể hồi đáp các tín hiệu văn hoá thông dụng một cách phù hợp. Có thể giải thích các đặc điểm văn hoá của mình cho người thuộc nền văn hoá khác hoặc giải thích đặc điểm văn hoá của người khác cho người thuộc nền văn hoá của mình. Có thể giải thích đơn giản cách các giá trị và hành vi của mình tác động đến quan điểm của mình khi nhận định về các giá trị và hành vi của người khác. Có thể bàn luận đơn giản cách các sự vật hiện tượng "lạ" với mình trong một bối cảnh văn hoá xã hội lại là "quen" với những người khác trong bối cảnh ấy. Có thể dùng từ đơn giản để bàn luận cách những người từ các nền văn hoá khác đánh giá các hành vi văn hoá của mình theo các cách khác nhau.
BẬC 2	Có thể nhận ra và sử dụng các quy ước văn hoá cơ bản trong trao đổi thường ngày (như cách chào, nghi thức). Có thể hành xử phù hợp khi chào, tạm biệt, cảm ơn, xin lỗi nhưng khó xử lý các tình huống không giống lệ thường. Có thể nhận ra hành vi trong giao dịch thường ngày có thể truyền tải thông điệp khác với ý định và giải thích một cách đơn giản.
BẬC 1	Có thể nhận ra các cách đánh số, đo cự ly, xem giờ, v.v. nhưng khó áp dụng trong các giao dịch thường ngày cụ thể.
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

7.2 Hiểu biết đa ngữ

HIỂU BIẾT ĐA NGỮ	
BẬC 6	*Áp dụng đặc tả như Bậc 4.*
BẬC 5	*Áp dụng đặc tả như Bậc 4.*

BẬC 4	Có thể sử dụng kiến thức về các quy ước giao tiếp và quy tắc văn bản trong các ngôn ngữ thuộc vốn đa ngôn ngữ của mình để hỗ trợ việc hiểu.
BẬC 3	Có thể sử dụng những gì đã hiểu bằng một ngôn ngữ để nắm được chủ đề và thông điệp chính của một văn bản bằng ngôn ngữ khác (ví dụ: khi đọc các bài báo ngắn về cùng một chủ đề được viết bằng các ngôn ngữ khác nhau). Có thể sử dụng các bản dịch song song của văn bản (ví dụ: bài báo, truyện, đoạn văn từ tiểu thuyết) để phát triển khả năng hiểu trong các ngôn ngữ khác nhau. Có thể suy luận thông điệp của một văn bản bằng cách khai thác những gì đã hiểu từ các văn bản cùng chủ đề được viết bằng các ngôn ngữ khác nhau (ví dụ: tin tức tóm tắt, tài liệu giới thiệu bảo tàng, đánh giá trực tuyến). Có thể trích xuất thông tin từ các tài liệu được viết bằng các ngôn ngữ khác nhau trong lĩnh vực của mình (ví dụ: để đưa vào một bài thuyết trình). Có thể nhận ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa cách diễn đạt các khái niệm trong các ngôn ngữ khác nhau, để phân biệt giữa cách sử dụng hoàn toàn giống nhau của cùng một từ gốc và các từ đồng dạng khác nghĩa. Có thể sử dụng kiến thức về các cấu trúc ngữ pháp tương phản và các cách diễn đạt chức năng của ngôn ngữ trong vốn từ đa ngôn ngữ của mình để hỗ trợ khả năng hiểu.
BẬC 2	Có thể hiểu các thông báo bằng giọng nói ngắn, được phát âm rõ ràng bằng cách đối chiếu những gì mình hiểu được từ các phiên bản có sẵn bằng các ngôn ngữ khác nhau. Có thể hiểu các thông báo và hướng dẫn ngắn, rõ ràng bằng cách đối chiếu những gì mình hiểu được từ các phiên bản bằng các ngôn ngữ khác nhau. Có thể sử dụng song song các cảnh báo, hướng dẫn và thông tin sản phẩm bằng các ngôn ngữ khác nhau để tìm thông tin liên quan.
BẬC 1	Có thể nhận ra các từ được quốc tế sử dụng chung và các từ phổ biến trong các ngôn ngữ khác nhau (ví dụ: Haus/hus/house) để: - Suy ra ý nghĩa của các dấu hiệu và thông báo đơn giản; - Xác định thông điệp có thể xảy ra của một văn bản viết ngắn, đơn giản; - Có thể giao tiếp xã hội một cách đơn giản và ngắn gọn khi nói thật chậm, rõ ràng và có sự hiện diện của người nghe/người nói đó;

	- Suy luận những gì mọi người đang cố gắng nói trực tiếp, miễn là họ nói rất chậm và rõ ràng, lặp lại nếu cần thiết.
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*

7.3 Xây dựng vốn kiến thức đa ngữ

XÂY DỰNG VỐN KIẾN THỨC ĐA NGỮ	
BẬC 6	Có thể tương tác về các chủ đề trừu tượng và chuyên ngành trong bối cảnh đa ngữ bằng cách chuyển linh hoạt giữa các thứ tiếng trong vốn kiến thức đa ngữ của mình, và khi cần thiết thì có thể giải thích được nội dung bằng các thứ tiếng đó. Có thể tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa các phép ẩn dụ và các biện pháp tu từ trong các ngôn ngữ thuộc vốn kiến thức đa ngữ của mình, nhằm tạo hiệu quả tu từ hoặc để giải trí.
BẬC 5	Có thể chuyển đổi linh hoạt giữa các ngôn ngữ nhằm thúc đẩy giao tiếp trong bối cảnh đa ngữ bằng cách tóm tắt và khái quát các ý kiến thảo luận và văn bản bằng nhiều ngôn ngữ thuộc vốn kiến thức đa ngữ của mình. Có thể tham gia hiệu quả vào một cuộc hội thoại bằng hai hoặc nhiều ngôn ngữ trong vốn kiến thức đa ngữ của mình, điều chỉnh theo những thay đổi của ngôn ngữ và đáp ứng nhu cầu cũng như kỹ năng ngôn ngữ của người đối thoại. Có thể sử dụng và giải thích các thuật ngữ chuyên ngành từ các ngôn ngữ trong vốn kiến thức đa ngữ của mình mà người đối thoại quen thuộc hơn, giúp các bên hiểu nhau hơn khi thảo luận về các chủ đề trừu tượng và chuyên ngành. Có thể hồi đáp một cách tự nhiên và linh hoạt bằng ngôn ngữ phù hợp khi người khác chuyển sang dùng ngôn ngữ khác cũng trong vốn kiến thức đa ngữ của mình. Có thể giúp người khác hiểu và có thể thảo luận về một văn bản nói hoặc viết bằng một ngôn ngữ bằng cách giải thích, tóm tắt, làm rõ và mở rộng văn bản đó bằng một ngôn ngữ khác trong vốn kiến thức đa ngôn ngữ của mình. Có thể luân phiên giữa các ngôn ngữ một cách linh hoạt để tạo điều kiện giao tiếp trong ngữ cảnh đa ngôn ngữ, tóm tắt và

	chú giải các ngôn ngữ khác nhau trong các đóng góp đa ngôn ngữ của mình cho cuộc thảo luận và các văn bản được đề cập đến. Có thể tham gia hiệu quả vào một cuộc hội thoại bằng hai hoặc nhiều ngôn ngữ trong vốn đa ngôn ngữ của mình, điều chỉnh theo những thay đổi của ngôn ngữ và đáp ứng nhu cầu cũng như kỹ năng ngôn ngữ của người đối thoại. Có thể sử dụng và giải thích các thuật ngữ chuyên ngành từ các ngôn ngữ khác trong vốn đa ngôn ngữ của mình, quen thuộc hơn với người đối thoại, nhằm nâng cao hiểu biết khi thảo luận về các chủ đề trừu tượng và chuyên ngành. Có thể trả lời một cách tự nhiên và linh hoạt bằng ngôn ngữ thích hợp khi người khác chuyển sang ngôn ngữ khác trong vốn đa ngôn ngữ của mình.
BẬC 4	Có thể nhận ra mức độ phù hợp của việc sử dụng linh hoạt các ngôn ngữ khác nhau trong vốn kiến thức đa ngữ của mình trong một tình huống cụ thể, nhằm tăng hiệu quả giao tiếp. Có thể chuyển đổi hiệu quả giữa các ngôn ngữ trong vốn kiến thức đa ngữ của mình để tạo điều kiện dễ hiểu giữa các bên không có ngôn ngữ chung. Có thể sử dụng một cách diễn đạt từ một ngôn ngữ khác trong vốn kiến thức đa ngữ của mình, đặc biệt phù hợp với tình huống/khái niệm đang được thảo luận, và giải thích cách diễn đạt cho người đối thoại khi cần thiết. Có thể chuyển đổi giữa các ngôn ngữ trong vốn kiến thức đa ngữ của mình để truyền đạt thông tin chuyên ngành trong lĩnh vực quan tâm cho những người đối thoại khác nhau. Có thể sử dụng các ngôn ngữ khác nhau trong vốn kiến thức đa ngữ của mình trong quá trình tương tác để làm rõ bản chất công việc, các bước làm chính, các quyết định cần đưa ra, và các kết quả dự kiến. Có thể sử dụng các ngôn ngữ khác nhau trong vốn kiến thức đa ngữ của mình để khuyến khích người khác sử dụng ngôn ngữ mà họ cảm thấy thoải mái hơn.
BẬC 3	Có thể khai thác một cách sáng tạo vốn từ hạn chế bằng các ngôn ngữ khác nhau trong vốn từ đa ngôn ngữ của mình trong bối cảnh hàng

	ngày, để xử lý các tình huống bất ngờ.
BẬC 2	Có thể huy động vốn từ hạn chế trong các ngôn ngữ của mình để giải thích một vấn đề, yêu cầu giúp đỡ hoặc làm rõ thông tin. Có thể sử dụng các từ và cụm từ từ các ngôn ngữ khác nhau trong vốn từ vựng đa ngôn ngữ của mình để thực hiện một giao dịch hoặc trao đổi thông tin đơn giản, thiết thực. Có thể sử dụng một từ của ngôn ngữ khác trong vốn từ vựng đa ngôn ngữ của mình để hiểu được bản thân trong một tình huống thông thường hàng ngày, khi họ không thể nghĩ ra cách diễn đạt phù hợp bằng ngôn ngữ đang được nói.
BẬC 1	Có thể sử dụng một vốn từ rất hạn chế bằng các ngôn ngữ khác nhau để thực hiện một giao dịch hàng ngày rất cơ bản, cụ thể, với người đối thoại.
Tiền Bậc 1	*Không có đặc tả.*